



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

## BẢN TIN ĐIỆN TỬ

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM  
TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA

SỐ 3 - 2025



## MỤC LỤC

1– Tổng quan về biện pháp chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU..4	4
2– Cơ sở pháp lý về chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU.....24	24
3– Quy trình điều tra chống lẫn tránh thuế của EU.....39	39
4– Các hình thức lẫn tránh phổ biến mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý.....43	43
5– Tổng quan chung về hoạt động điều tra chống lẫn tránh của EU.....57	57
6– Phân tích một số vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU và bài học cho Việt Nam.....80	80
7- Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU.....95	95
8- Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội .....107	107
9- Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn của cơ quan nhà nước.....126	126

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Liên minh châu Âu (EU) hiện là một trong những thị trường xuất khẩu trọng điểm, đồng thời cũng là khu vực áp dụng hệ thống biện pháp phòng vệ thương mại chặt chẽ và ngày càng hoàn thiện. Bên cạnh các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp truyền thống, EU đang gia tăng sử dụng các biện pháp chống lẩn tránh nhằm ngăn chặn hành vi né tránh nghĩa vụ thuế phòng vệ thương mại thông qua thay đổi mô hình sản xuất, xuất khẩu hoặc chuyển hướng thương mại.

Thực tiễn cho thấy, số lượng các vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của EU có xu hướng gia tăng, phạm vi điều tra ngày càng mở rộng và tiêu chí đánh giá ngày càng khắt khe. Doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, dù không phải lúc nào cũng có chủ đích lẩn tránh, vẫn có thể trở thành đối tượng điều tra do tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu hoặc do chưa nhận diện đầy đủ các rủi ro pháp lý liên quan. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp lý và năng lực ứng phó cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Nhằm cung cấp cái nhìn hệ thống, chuyên sâu và thực tiễn về vấn đề này, Bản tin điện tử được biên soạn với 08 bài viết nghiên cứu, tập trung phân tích toàn diện từ khung pháp lý, quy trình điều tra, các hình thức lẩn tránh phổ biến, đến thực tiễn áp dụng của EU đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, bản tin cũng đi sâu phân tích một số vụ việc điển hình, rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời đưa ra hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp khi đối mặt với các vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU.

Thông qua ấn phẩm này, Nhóm thực hiện kỳ vọng sẽ góp phần hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam chủ động phòng ngừa rủi ro, tuân thủ đầy đủ quy định của EU, nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu một cách bền vững; đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho các hiệp hội ngành hàng và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng chính sách, định hướng và triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả hơn trong thời gian tới.

# Tổng quan về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU

## I. Bối cảnh chung và xu hướng EU gia tăng sử dụng biện pháp chống lẩn tránh

### 1. Bối cảnh kinh tế thương mại quốc tế

#### a. Biến động kinh tế toàn cầu

**T**rong những năm gần đây, kinh tế thế giới vận động trong trạng thái bình thường mới với mức độ bất định và biến động chưa từng có kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Đại dịch COVID-19 bùng phát từ năm 2020 đã tạo ra cú sốc kép về cung và cầu trên quy mô toàn cầu: hoạt động sản xuất bị gián đoạn do phong tỏa, thiếu lao động, chuỗi cung ứng tê liệt; trong khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi đột ngột, chuyển dịch mạnh sang thương mại điện tử và các mặt hàng thiết yếu. Nhiều nền kinh tế lớn suy giảm sâu tăng trưởng, nợ công và thâm hụt ngân sách tăng mạnh để tài trợ các gói hỗ trợ. Dù dịch bệnh dần được kiểm soát, vết sẹo mà COVID-19 để lại đối với cấu trúc sản xuất, thương mại và tài chính toàn cầu vẫn còn rất rõ nét.

Ngay khi kinh tế thế giới chưa kịp phục hồi hoàn toàn sau đại dịch, xung đột Nga-Ukraine bùng nổ từ đầu năm 2022 và kéo dài đã làm trầm trọng thêm cú sốc cung, đặc biệt đối với năng lượng, lương thực và phân bón. Giá dầu, khí đốt và điện tại châu Âu tăng vọt, kéo theo chi phí sản xuất của hàng loạt ngành công nghiệp, làm suy giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sức

mua của người tiêu dùng. Cùng với đó, những căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và một số điểm nóng khác làm gia tăng rủi ro gián đoạn vận tải biển, tăng chi phí logistics và bảo hiểm, khiến thương mại hàng hóa quốc tế liên tục đối mặt với nguy cơ bị đứt gãy cục bộ.

Ở chiều tài chính tiền tệ, làn sóng lạm phát cao sau đại dịch và xung đột Nga-Ukraine đã buộc các ngân hàng trung ương lớn, đặc biệt là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), phải đảo chiều chính sách, nhanh chóng nâng lãi suất sau một thời gian dài duy trì mặt bằng lãi suất thấp. Môi trường lãi suất tăng kéo chi phí vốn lên cao, làm gia tăng rủi ro suy giảm tăng trưởng, đồng thời tạo áp lực lớn đối với các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển do dòng vốn đảo chiều, biến động tỷ giá và gánh nặng nợ ngoại tệ.

Song song với đó, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ. Doanh nghiệp và chính phủ tại các nền kinh tế phát triển đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa nhằm giảm phụ thuộc vào một vài thị trường hoặc một số tuyến vận tải chiến lược. Nhiều cơ sở sản xuất được dịch chuyển từ các trung tâm truyền thống sang các nước thứ ba tại châu Á, đặc biệt là ASEAN, trong đó có Việt Nam. Xu hướng này vừa mở ra cơ hội thu hút đầu tư, mở

rộng sản xuất cho các nước đang phát triển, vừa làm tăng nguy cơ bị cuốn vào các dòng thương mại phức tạp, gắn với rủi ro bị điều tra và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có các biện pháp chống lẩn tránh của những thị trường nhập khẩu lớn như EU.

*b. Gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và sử dụng biện pháp PVTM, vai trò của EU*

Trong bối cảnh kinh tế thế giới trải qua những biến động sâu rộng và kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại không chỉ quay trở lại mà còn lan rộng với cường độ ngày càng mạnh. Sau giai đoạn tự do hóa thương mại mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, các cú sốc toàn cầu từ đại dịch COVID-19, xung đột Nga–Ukraine, căng thẳng thương mại Mỹ–Trung cho đến khủng hoảng năng lượng và gián đoạn chuỗi cung ứng đã làm các quốc gia nhận thức rõ hơn mức độ dễ tổn thương của nền sản xuất nội địa. Trước sức ép cạnh tranh gay gắt và tình trạng dư thừa công suất ở nhiều ngành công nghiệp chủ chốt, nhiều nền kinh tế buộc phải kích hoạt lá chắn phòng vệ bằng các công cụ chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ. Các biện pháp này tăng nhanh về số lượng và mức độ phức tạp, phản ánh rõ xu hướng các quốc gia ưu tiên bảo vệ lợi thế chiến lược của ngành sản xuất trong nước, thúc đẩy tự chủ công nghiệp và giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài.

Trong bối cảnh đó, dòng chảy thương mại toàn cầu cũng thay đổi mạnh mẽ. Khi

một thị trường áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, hàng hóa từ nguồn bị áp thuế có xu hướng dịch chuyển sang các thị trường khác hoặc lẩn tránh thông qua nước thứ ba bằng cách chuyển tải, lắp ráp đơn giản hoặc thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm.

Điều này tạo ra mô hình thương mại toàn cầu trở nên phức tạp và khó dự đoán hơn. Đối với các nước nhập khẩu, đặc biệt là những nền kinh tế mở và phụ thuộc nhiều vào thương mại như EU, xu hướng này gây sức ép lớn lên hệ thống phòng vệ thương mại. Nếu chỉ áp dụng một biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đơn thuần mà không có biện pháp kiểm soát hành vi lẩn tránh, hiệu quả bảo vệ ngành sản xuất nội địa sẽ nhanh chóng bị vô hiệu hóa, đồng thời tạo ra môi trường cạnh tranh không công bằng và ảnh hưởng tới tính liên chính của chính sách thương mại.

Trong hệ thống phòng vệ thương mại toàn cầu, Liên minh châu Âu (EU) đóng vai trò trung tâm với tư cách là một trong những thị trường nhập khẩu lớn nhất và là khối kinh tế có mức độ gắn kết pháp lý cao. EU đồng thời là bên sử dụng, đề xuất cải tiến và định hình chuẩn mực của nhiều cơ chế phòng vệ thương mại. So với các quốc gia đơn lẻ, EU có cơ chế điều hành mang tính siêu quốc gia với hệ thống thể chế và thủ tục minh bạch, ổn định hơn. Những sửa đổi gần đây của EU đối với các Quy định cơ bản (Basic Regulations) cho thấy EU

không chỉ duy trì công cụ PVTM như một biện pháp giải quyết tình huống mà còn coi đây là một phần chiến lược quan trọng trong chính sách công nghiệp và thương mại.

Số liệu thực tiễn những năm gần đây cho thấy biện pháp chống lẩn tránh ngày càng trở thành vũ khí phòng vệ mềm nhưng hiệu quả của EU. Khi áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, EU thường quan sát thấy sự thay đổi đáng kể trong mô hình thương mại: xuất khẩu từ nước bị áp thuế giảm mạnh nhưng xuất khẩu cùng loại hàng hóa từ một số nước thứ ba lại gia tăng đột biến; hoặc hàng hóa được thay đổi tên gọi, mã HS hoặc đặc điểm kỹ thuật chỉ ở mức tối thiểu nhằm né tránh phạm vi áp thuế.

Những chuyên dịch này đặt ra yêu cầu cấp bách phải cải thiện khả năng giám sát thương mại của EU để đảm bảo biện pháp PVTM không bị vô hiệu hóa. Do đó, EU đã và đang tăng cường sử dụng biện pháp chống lẩn tránh như một công cụ bổ sung mang tính hệ thống, giúp thực thi PVTM đạt được hiệu quả.

Bên cạnh đó, EU còn đặc biệt nhấn mạnh chống lẩn tránh vì hai lý do then chốt. Thứ nhất, EU đại diện cho lợi ích của các quốc gia thành viên, nơi ngành sản xuất có mức độ cạnh tranh và nhạy cảm cao, nên yêu cầu bảo vệ thị trường nội khối phải được thực hiện một cách nhất quán và hiệu quả. Thứ hai, trong bối cảnh EU thúc đẩy các chính sách chuyển đổi xanh, quản trị

chuỗi cung ứng bền vững và tăng cường kiểm soát các hoạt động thương mại không minh bạch, hành vi lẩn tránh bị coi là nguy cơ phá vỡ các mục tiêu chính sách rộng lớn hơn chứ không chỉ dừng ở lĩnh vực thương mại. Chính sự kết hợp giữa biến động toàn cầu, dòng chảy thương mại phức tạp và vai trò đặc thù của EU trong nền thương mại quốc tế đã khiến biện pháp chống lẩn tránh trở thành trọng tâm ngày càng lớn trong hệ thống phòng vệ thương mại của EU.

## **2. Xu hướng dẫn đến EU sử dụng ngày càng nhiều biện pháp chống lẩn tránh**

### **1. Hiện tượng lẩn tránh ngày càng tinh vi**

Trong bối cảnh dòng chảy thương mại toàn cầu biến đổi nhanh chóng, hiện tượng lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) trở nên phổ biến hơn và ngày càng tinh vi. Các doanh nghiệp, dưới sức ép cạnh tranh quốc tế và mong muốn duy trì thị trường xuất khẩu, có xu hướng tìm kiếm những cách thức chuyển hàng hóa sang một nước thứ ba để né tránh thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp mà các thị trường lớn như EU áp dụng. Nếu như trước đây, lẩn tránh chủ yếu chỉ là các hành vi đơn giản như chuyển tải qua nước thứ ba hoặc thay đổi mã HS, thì trong giai đoạn gần đây, các thủ thuật đã trở nên đa dạng, có tính toán và khó nhận diện hơn, đòi hỏi cơ quan điều tra phải mở rộng phạm vi giám sát, tăng cường phân tích chuỗi cung ứng và sử dụng nhiều công cụ

pháp lý để ngăn chặn.

Một trong những biểu hiện rõ nhất của sự tinh vi là việc chuyển tải có tổ chức qua nước thứ ba. Thay vì vận chuyển hàng hóa trực tiếp từ quốc gia bị áp thuế vào EU, các doanh nghiệp chuyển hàng sang một quốc gia lân cận hoặc nước có năng lực sản xuất tương tự, thực hiện một số công đoạn gia công tối thiểu hoặc thậm chí chỉ thay đổi chứng từ, sau đó tái xuất sang EU với xuất xứ mới.

Điểm đáng nói là mạng lưới chuyên tải ngày nay không còn là những hoạt động nhỏ lẻ mà được tổ chức tương đối chuyên nghiệp, gắn với hệ thống đại lý logistics đa tầng, khiến việc truy xuất nguồn gốc ngày càng phức tạp.

Một ví dụ điển hình là vụ điều tra chống lẩn tránh đối với thép chống ăn mòn của Trung Quốc. Sau khi EU áp thuế chống bán phá giá lên mặt hàng này, lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh, nhưng nhập khẩu từ Đài Loan và Việt Nam lại tăng đột biến. Cơ quan điều tra EU phát hiện rằng hàng hóa từ Trung Quốc được vận chuyển sang các nước thứ ba rồi tái xuất vào EU với xuất xứ thay đổi, trong khi quá trình gia công hoặc chế biến tại các nước trung gian không đủ để tạo xuất xứ mới về mặt thực chất. Kết quả, EU đã mở rộng áp dụng thuế chống bán phá giá đối với cả các nhà sản xuất/xuất khẩu tại những nước bị nghi ngờ liên quan, đánh dấu một trong những vụ việc lẩn tránh điển hình nhất liên quan đến ngành thép.

Một dạng lẩn tránh tinh vi khác là lắp ráp hoặc gia công đơn giản tại nước thứ ba nhằm vượt qua tiêu chí xuất xứ. Trong nhiều ngành, đặc biệt là ngành sản xuất điện tử, vật dụng gia dụng và xe đạp, EU từng phát hiện tình trạng linh kiện từ nước bị áp thuế được nhập vào quốc gia khác, sau đó chỉ trải qua những công đoạn lắp ráp rất đơn giản nhưng được khai báo là sản phẩm mới với xuất xứ ở nước lắp ráp. Một ví dụ điển hình là vụ xe đạp điện từ Trung Quốc. Sau khi EU áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với xe đạp điện Trung Quốc, nhập khẩu từ Campuchia, Thái Lan và Malaysia tăng tương ứng. Điều tra cho thấy các cơ sở lắp ráp tại những nước này chủ yếu thực hiện thao tác đơn giản, còn linh kiện và giá trị gia tăng thực chất vẫn đến từ Trung Quốc. Do đó, EU đã mở rộng thuế chống lẩn tránh sang các doanh nghiệp không chứng minh được quá trình sản xuất thực chất.

Bên cạnh đó, thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm là một thủ thuật ngày càng phổ biến và khó nhận diện. Một số doanh nghiệp sử dụng chiến lược điều chỉnh nhỏ trong thành



phần hóa học, kích thước, thiết kế hoặc tính năng của sản phẩm để tránh rơi vào phạm vi định nghĩa của mặt hàng đang chịu thuế. Mặc dù các thay đổi này không làm thay đổi bản chất sản phẩm, nhưng lại có thể đủ để thay đổi mã HS hoặc tiêu chí của biện pháp phòng vệ. Chẳng hạn, trong vụ việc liên quan đến acid citric, các doanh nghiệp tìm cách điều chỉnh hàm lượng hoặc quy cách đóng gói nhằm tránh phạm vi biện pháp chống bán phá giá. EU phải tiến hành phân tích chuyên sâu để chứng minh rằng những thay đổi này không tạo ra sản phẩm mới thực sự mà chỉ là hình thức lẩn tránh.

Một hình thức khác tinh vi không kém là chuyển kênh xuất khẩu qua doanh nghiệp liên kết nhằm tận dụng mức thuế thấp hơn hoặc không bị áp thuế. Trong một số vụ thép và sản phẩm hợp kim, EU phát hiện doanh nghiệp tại quốc gia bị áp thuế chuyển sang xuất khẩu thông qua công ty con hoặc công ty đối tác ở nước khác, hoặc thậm chí sử dụng những doanh nghiệp có mức thuế được xác định thấp hơn trong kỳ điều tra trước.

Nhờ đó, hàng hóa bị áp thuế sẽ núp bóng trong dòng xuất khẩu của doanh nghiệp khác mà cơ quan chức năng khó nhận biết nếu không có điều tra chuyên sâu hoặc kiểm tra dữ liệu giao dịch nội bộ.

Lẩn tránh trở nên tinh vi thông qua việc tối ưu hóa chứng từ, hóa đơn, quy trình vận chuyển logistics. Công nghệ thông tin và mạng lưới thương mại điện tử giúp doanh nghiệp nhanh chóng thay đổi tuyến vận

chuyển, sử dụng nhiều lớp trung gian và điều chỉnh chứng từ theo cách khó kiểm soát. Một số vụ việc liên quan đến glazed ceramics (gốm tráng men) và solar panels (tấm năng lượng mặt trời) cho thấy doanh nghiệp có thể sử dụng hệ thống chứng từ phức tạp để che giấu nguồn gốc thực sự của hàng hóa.

Các vụ việc trên cho thấy một xu thế rõ ràng: hành vi lẩn tránh không chỉ đơn thuần là phản ứng tự phát mà đang được vận hành như một chiến lược thương mại có tính hệ thống. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với cơ quan điều tra của EU và các nước khác, buộc họ phải liên tục cập nhật phương pháp, mở rộng phạm vi điều tra sang các nước trung gian, tăng cường phân tích chuỗi cung ứng, sử dụng dữ liệu hải quan đa quốc gia và phối hợp quốc tế. Đồng thời, nó cũng cho thấy vì sao EU ngày càng chú trọng đến biện pháp chống lẩn tránh như một công cụ cốt lõi nhằm duy trì hiệu quả của hệ thống PVTM.

## **2. Hạn chế của biện pháp CBPG/CTC đơn thuần**

Như chúng ta đã biết biện pháp phòng vệ thương mại bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ được thiết kế như lá chắn để bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc thiệt hại do gia tăng nhập khẩu. Về bản chất, hiệu quả của PVTM dựa trên một giả định quan trọng: **khi áp thuế, lượng hàng hóa bị áp thuế sẽ giảm, giá trị nhập khẩu điều chỉnh theo hướng giảm sức ép cạnh**

**tranh, từ đó tạo không gian cho ngành sản xuất nội địa phục hồi.** Tuy nhiên, khi xuất hiện các hành vi lẩn tránh, giả định này bị phá vỡ, khiến biện pháp PVTM không còn đạt mục tiêu ban đầu. Có thể phân tích tác động của lẩn tránh đối với hiệu quả PVTM qua các góc độ sau:

**+ Lẩn tránh làm thay đổi mô hình thương mại, khiến mục tiêu giảm nhập khẩu không đạt được**

Khi một nước bị áp thuế, hàng hóa từ nước đó đáng lẽ phải giảm nhập khẩu vào thị trường áp dụng biện pháp. Tuy nhiên, nếu hàng hóa được chuyển tải qua nước thứ ba hoặc lắp ráp tối thiểu để đổi xuất xứ, lượng nhập khẩu vào thị trường vẫn tiếp tục tăng – chỉ là tăng dưới tên quốc gia khác. **Điều này tạo ra hiện tượng chuyển hướng thương mại nhân tạo**, khiến biện pháp PVTM không giúp kiểm soát lượng nhập khẩu như kỳ vọng.

Kết quả là ngành sản xuất nội địa vẫn đối mặt với áp lực cạnh tranh tương đương, thậm chí nghiêm trọng hơn, vì bản chất hàng hóa vẫn là từ nguồn đã bị xác định gây thiệt hại.

**+ Lẩn tránh giúp duy trì hoặc tiếp tục chiến lược bán phá giá hoặc trợ cấp**

Bản chất của biện pháp CBPG/CTC là nhằm loại bỏ tác động méo mó thương mại từ bán phá giá hoặc trợ cấp. Khi doanh nghiệp lẩn tránh, họ tiếp tục xuất khẩu với mức giá thấp không phản ánh chi phí hoặc tiếp tục hưởng lợi từ trợ cấp của nước gốc. Điều này tạo ra dòng cung méo mó mà biện

pháp PVTM không thể điều chỉnh nếu không phát hiện kịp thời.

Nói cách khác, lẩn tránh giúp kéo dài vòng đời của hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp, làm cho biện pháp PVTM trở nên thiếu hiệu lực.

**+ Lẩn tránh phá vỡ mục tiêu phục hồi của ngành sản xuất nội địa**

PVTM không chỉ nhằm tăng giá hàng nhập khẩu mà còn nhằm tạo điều kiện để ngành sản xuất nội địa **tăng sản lượng, cải thiện lợi nhuận và tái đầu tư.** Khi hàng hóa tiếp tục tràn vào qua các kênh lẩn tránh với giá thấp, doanh nghiệp nội địa không có đủ thời gian để khôi phục:

- giá bán vẫn bị kéo thấp bởi hàng nhập khẩu thay thế;

- thị phần nội địa tiếp tục bị bào mòn;

- biên lợi nhuận vẫn âm hoặc thấp.

Do vậy, tác dụng phục hồi ngành sản xuất là mục tiêu cốt lõi của PVTM bị suy yếu nghiêm trọng.

**+ Lẩn tránh tạo ra sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp và méo mó thị trường**

Các doanh nghiệp tuân thủ luật chơi quốc tế phải chịu thuế, trong khi doanh nghiệp lẩn tránh lại được hưởng lợi từ giá rẻ do né thuế. Điều này tạo ra **bất cân xứng trong cạnh tranh**, gây thiệt hại không chỉ cho doanh nghiệp trong nước mà cả:

- nhà sản xuất tại các nước khác đang tuân thủ quy định;

- các doanh nghiệp xuất khẩu minh bạch tại nước bị áp thuế;

- các công ty đầu tư hợp pháp vào thị trường.

Hệ quả là **cấu trúc thị trường bị bóp méo**, khuyến khích hành vi lẩn tránh phát triển mạnh hơn.

+ **Lẩn tránh làm suy giảm tính răn đe của biện pháp PVTM**

Một biện pháp PVTM chỉ có sức răn đe khi nó khiến hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp trở nên không còn lợi ích. Tuy nhiên, khi lẩn tránh diễn ra, doanh nghiệp vẫn xuất khẩu được vào thị trường với chi phí né thuế thấp hơn nhiều so với mức thuế phải nộp, khiến họ **không chịu áp lực thay đổi chiến lược thương mại**.

Về dài hạn, điều này làm:

- giảm đáng kể tính hiệu lực của hệ thống PVTM;

- tạo tiền lệ xấu, khuyến khích doanh nghiệp khác tìm cách lẩn tránh;

- làm gia tăng số vụ kiện chống lẩn tránh, kéo theo chi phí hành chính lớn cho cả cơ quan điều tra và doanh nghiệp.

+ **Lẩn tránh đặt ra thách thức lớn cho giám sát chuỗi cung ứng và quản trị thương mại**

Các hành vi lẩn tránh hiện đại thường gắn với:

- mạng lưới logistics đa tầng,
- hệ thống công ty trung gian,
- điều chỉnh chứng từ tinh vi,
- mô hình sản xuất – lắp ráp phân tán.

Khi chuỗi cung ứng trở nên phức tạp, cơ quan điều tra gặp khó khăn trong việc truy vết nguồn gốc hàng hóa, xác định giá trị gia

tăng thực chất và phân biệt giữa sản xuất hợp pháp với gia công tối thiểu.

Điều này khiến chi phí điều tra tăng cao, thời gian kéo dài và thậm chí có nguy cơ bỏ sót hành vi lẩn tránh, **dẫn đến hiệu quả PVTM giảm sút đáng kể**.

### 3. Định hướng chính sách của EU

Những phân tích trên cho thấy rõ rằng lẩn tránh không chỉ là phản ứng mang tính tình huống mà đang trở thành một hiện tượng có hệ thống, gắn với cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và gắn với chiến lược kinh doanh của nhiều doanh nghiệp xuyên biên giới.

Khi các hành vi lẩn tránh ngày càng tinh vi, sử dụng mạng lưới trung gian và tận dụng những kẽ hở trong quy định xuất xứ hoặc phạm vi áp thuế, hệ thống phòng vệ thương mại truyền thống của EU vốn được thiết kế dựa trên những mô hình thương mại tương đối ổn định đứng trước sức ép phải thay đổi. Nếu EU không kịp thời điều chỉnh cách tiếp cận, các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp sẽ dần mất hiệu lực, làm suy giảm tính răn đe, gây thiệt hại kéo dài cho ngành sản xuất nội địa và dẫn đến méo mó cạnh tranh trong thị trường chung.

Trong bối cảnh đó, việc tăng cường chống lẩn tránh không còn là lựa chọn mang tính kỹ thuật đơn thuần mà trở thành yêu cầu tất yếu nhằm bảo vệ tính liên chính của toàn bộ khung pháp lý phòng vệ thương mại của EU. Đồng thời, EU phải đổi mới với áp lực từ xu hướng tái cấu trúc

chuỗi cung ứng toàn cầu, nơi các công đoạn sản xuất được phân tán sang nhiều quốc gia, khiến việc truy xuất nguồn gốc, xác định giá trị gia tăng thực chất và đánh giá hành vi lẫn tránh trở nên phức tạp hơn. Sự gia tăng dư thừa công suất trong nhiều ngành then chốt đặc biệt là thép, pin, xe điện, vật liệu năng lượng tái tạo và hóa chất – càng khiến EU phải lựa chọn cách tiếp cận chủ động hơn để bảo vệ năng lực cạnh tranh dài hạn của doanh nghiệp nội khối.

Ngoài ra, bản thân EU cũng đang thúc đẩy các chính sách lớn như chuyển đổi xanh, tự chủ chiến lược mở, và đảm bảo tính bền vững trong chuỗi cung ứng. Các chính sách này đòi hỏi một môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và không bị bóp méo bởi những dòng hàng lẫn tránh mang tính hệ thống. Do đó, nhu cầu phối hợp giữa chính sách công nghiệp, thương mại và phòng vệ thương mại trở nên ngày càng chặt chẽ, và điều này buộc EU phải định hướng lại cách thức vận hành các biện pháp PVTM, trong đó chống lẫn tránh đóng vai trò then chốt.

Chính những yếu tố trên đã tạo nền tảng cho sự hình thành và điều chỉnh định hướng chính sách PVTM của EU trong thời gian tới. Từ đây, có thể nhận thấy rằng các chính sách mới không chỉ phản ánh nhu cầu bảo vệ ngành sản xuất nội địa, mà còn thể hiện nỗ lực của EU trong việc hiện đại hóa công cụ pháp lý, tăng tính hiệu lực, mở rộng phạm vi giám sát và thích ứng với những biến động của thương mại toàn cầu. Những



định hướng này sẽ tiếp tục định hình cách EU ứng xử với lẫn tránh và duy trì vai trò trung tâm trong hệ thống phòng vệ thương mại quốc tế.

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu diễn biến khó lường và các hành vi lẫn tránh ngày càng tinh vi, Liên minh châu Âu (EU) đang định hình lại chiến lược phòng vệ thương mại nhằm thích ứng với thách thức mới. Định hướng chính sách trong thời gian tới của EU phản ánh nỗ lực cân bằng giữa ba mục tiêu: bảo vệ ngành sản xuất nội địa, duy trì sự liên chính của thị trường chung và đảm bảo thương mại quốc tế diễn ra theo các nguyên tắc cạnh tranh công bằng.

Trước hết, EU sẽ tiếp tục tăng cường tính chủ động trong giám sát và phát hiện lẫn tránh, thay vì chỉ phản ứng khi có yêu cầu từ ngành sản xuất. Một trong những xu hướng rõ nét là EU sẽ đẩy mạnh việc sử dụng cơ chế đăng ký nhập khẩu ngay khi khởi xướng điều tra chống lẫn tránh, nhằm cho phép áp dụng biện pháp hồi tố trong trường hợp cần thiết. Việc đăng ký nhập khẩu không chỉ giúp ngăn ngừa làn sóng chạy trước của hàng hóa khả nghi mà còn

tạo ra hệ thống dữ liệu thời gian thực, phục vụ phân tích mô hình thương mại, xác định kịp thời các dấu hiệu bất thường. Chính sách này phù hợp với định hướng chung của EU về nâng cao hiệu quả thực thi và giảm thiểu độ trễ trong quá trình điều tra.

Thứ hai, EU được dự báo sẽ mở rộng hơn nữa quy mô, phạm vi và chiều sâu của các cuộc điều tra chống lẩn tránh. Nếu trước đây, EU chủ yếu tập trung vào các hành vi chuyển tải đơn thuần, thì trong thời gian tới, phạm vi điều tra sẽ bao gồm cả những cấu trúc sản xuất phức tạp, lắp ráp đa tầng, mô hình gia công phân tán và các thay đổi nhỏ trong đặc tính sản phẩm. EU đã nhiều lần nhấn mạnh rằng quá trình sản xuất tại nước thứ ba cần đảm bảo tạo ra giá trị gia tăng thực chất và sản phẩm mới một cách đáng kể. Do đó, các cuộc điều tra sẽ đi sâu hơn vào bản chất hoạt động sản xuất, kiểm tra chặt chẽ chứng từ, lưu đồ sản xuất, tỷ lệ nội địa hóa và mức độ phụ thuộc vào nguyên liệu từ nước bị áp thuế. Điều này cho thấy EU đang chuyển từ cách tiếp cận dựa trên hình thức sang cách tiếp cận dựa trên bản chất của chuỗi cung ứng.

Thứ ba, EU sẽ phát triển khung pháp lý bền vững, kết nối phòng vệ thương mại với các chính sách chiến lược khác, đặc biệt là chuyển đổi xanh và tự chủ chiến lược mở. Trong bối cảnh EU thúc đẩy Green Deal, Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM), và các tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG), cơ chế chống lẩn tránh có thể được sử dụng để bảo vệ các chính

sách này khỏi bị lợi dụng hoặc phá vỡ. Ví dụ, hàng hóa có thể được vào EU thông qua nước thứ ba với quy trình sản xuất phát thải cao nhưng không bị kiểm soát đầy đủ; vì vậy, điều tra lẩn tránh sẽ kết hợp yếu tố môi trường và truy xuất nguồn gốc carbon. Tương tự, trong chính sách tự chủ chiến lược, EU muốn bảo vệ năng lực sản xuất nội địa trong lĩnh vực pin, năng lượng tái tạo và công nghệ chiến lược, nên phòng vệ thương mại bao gồm chống lẩn tránh sẽ là công cụ trọng yếu để duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Thứ tư, EU sẽ tiếp tục thúc đẩy tính minh bạch và nhất quán trong thực thi, đồng thời chuẩn hóa quy trình theo hướng minh bạch hóa dữ liệu và công khai quyết định. Việc công bố các báo cáo định kỳ về thực thi biện pháp PVTM và chống lẩn tránh giúp tăng cường khả năng dự báo của doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy sự giám sát từ các quốc gia thành viên. Ngoài ra, EU sẽ tiếp tục cải thiện cơ chế trao đổi thông tin với hải quan, phát triển hệ thống cảnh báo sớm về biến động bất thường của thương mại và tăng cường hợp tác quốc tế với các nước có quan hệ thương mại mật thiết.

Cuối cùng, EU sẽ hướng đến việc tăng cường hợp tác với các ngành sản xuất và doanh nghiệp nội khối, khuyến khích họ theo dõi thị trường và chủ động cung cấp bằng chứng về hành vi lẩn tránh. Điều này cho thấy EU xác định chống lẩn tránh không chỉ là trách nhiệm của cơ quan công

quyền mà còn là nỗ lực chung của nền công nghiệp châu Âu. Định hướng này cũng mở rộng cơ hội để các doanh nghiệp có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong việc định hình biện pháp PVTM.

Tổng thể, chính sách của EU trong thời gian tới sẽ dịch chuyển theo hướng chủ động hơn, sâu hơn và tích hợp hơn, phản ánh quyết tâm của khối trong việc bảo đảm hiệu quả thực chất của công cụ phòng vệ thương mại và thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thương mại toàn cầu. Nếu bạn muốn, mình có thể viết thêm phần dự báo tác động đối với Việt Nam.

## **II. Các khái niệm liên quan đến biện pháp chống lẫn tránh**

### **1. Khái niệm lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại**

Trong hệ thống phòng vệ thương mại của EU, lẫn tránh (circumvention) được hiểu là những hành vi hoặc thực tiễn làm vô hiệu hoặc suy giảm hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá (CBPG) hoặc chống trợ cấp (CTC) thông qua việc thay đổi hình thức giao dịch, mô hình thương mại hoặc đặc điểm sản phẩm, nhưng không làm thay đổi bản chất kinh tế của hoạt động xuất khẩu.

Điểm mấu chốt của khái niệm này là: dù biện pháp PVTM đang được áp dụng đối với một quốc gia hoặc sản phẩm nhất định, các doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động xuất khẩu theo cách đi đường vòng để tránh hoặc giảm mức thuế đáng ra phải nộp, khiến công cụ PVTM mất hiệu lực thực

chất.

*EU xem xét lẫn tránh dựa trên một số dấu hiệu:*

- Thay đổi bất thường trong mô hình thương mại sau khi áp thuế;
- Hành vi thay đổi hình thức giao dịch để tránh bị áp thuế;
- Mức độ gia tăng của lượng nhập khẩu không phù hợp với các yếu tố kinh tế thông thường;
- Giá trị gia tăng không đủ tại nước thứ ba hoặc trong công đoạn lắp ráp;
- Sự suy giảm hiệu quả của biện pháp PVTM hiện hành.

Khái niệm này do EU tự xây dựng trong luật nội khối vì WTO không có quy định cụ thể về chống lẫn tránh, mà chỉ đặt ra khung chung cho các biện pháp CBPG và CTC.

### **2. Biện pháp chống lẫn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại**

Biện pháp chống lẫn tránh là một cấu phần quan trọng trong hệ thống phòng vệ thương mại (PVTM) của EU, được thiết kế không nhằm xử lý hành vi bán phá giá hay trợ cấp mới, mà để bảo đảm rằng các biện pháp chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đang có hiệu lực không bị vô hiệu hóa bởi các thủ thuật né tránh tinh vi. Về bản chất, đây là một biện pháp phụ trợ, nhưng có vai trò then chốt trong việc duy trì hiệu lực thực tế của quyết định PVTM và bảo vệ ngành sản xuất nội khối trước những thay đổi bất thường của mô hình thương mại sau áp thuế.

- + Bản chất của biện pháp chống lẫn

tránh

Biện pháp chống lẩn tránh trong hệ thống phòng vệ thương mại của EU mang một bản chất rất đặc thù: đó không phải là một biện pháp phòng vệ thương mại độc lập, mà là công cụ bịt lỗ hổng, được thiết kế để bảo đảm rằng các biện pháp chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đã được áp dụng không bị vô hiệu hóa bởi các chiến lược né thuế tinh vi của doanh nghiệp. Nếu coi các biện pháp CBPG/CTC như cánh cửa phòng vệ được dựng lên để bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước những dòng hàng hóa cạnh tranh không lành mạnh, thì biện pháp chống lẩn tránh chính là hệ thống khóa bổ sung, được gắn thêm khi xuất hiện nguy cơ doanh nghiệp tìm cách để lọt vào thị trường bằng con đường khác.

Bản chất của biện pháp này thể hiện trước hết ở thời điểm và mục tiêu áp dụng. EU chỉ sử dụng biện pháp chống lẩn tránh sau khi đã tồn tại một biện pháp PVTM chính. Nghĩa là, cơ quan điều tra không xem xét một hành vi bán phá giá mới hay trợ cấp mới, mà đặt câu hỏi: biện pháp PVTM hiện hành có đang bị làm giảm hiệu quả bởi một thay đổi bất thường của mô hình thương mại hay không? Thay vì tập trung vào nguyên nhân gây thiệt hại như trong CBPG/CTC, biện pháp chống lẩn tránh tập trung vào kết quả thực thi, nhằm đảm bảo rằng hiệu lực bảo vệ ban đầu không bị trung hòa bởi hành vi chuyển tải, lắp ráp đơn giản, thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm hoặc những cách thức né thuế khác.

Một điểm cốt lõi khác thể hiện bản chất của biện pháp chống lẩn tránh là cách thức xác lập phạm vi áp dụng. Trong khi CBPG/CTC chỉ áp dụng đối với sản phẩm từ một quốc gia cụ thể, biện pháp chống lẩn tránh có thể mở rộng phạm vi thuế sang nhiều quốc gia nếu phát hiện rằng các nước này được sử dụng như trạm trung chuyển hoặc nơi gia công đơn giản để tránh thuế. Điều này cho thấy EU quan niệm rằng lẩn tránh thường không phát sinh tại quốc gia bị áp thuế, mà xuất hiện trong chuỗi cung ứng đa quốc gia, nơi các công đoạn sản xuất lắp ráp vận chuyển được bố trí linh hoạt nhằm tối ưu hóa chi phí. Chính vì vậy, biện pháp chống lẩn tránh được thiết kế với phạm vi linh hoạt và bao quát hơn so với các biện pháp PVTM truyền thống.

Ngoài ra, bản chất bịt lỗ hổng của biện pháp chống lẩn tránh còn thể hiện ở phương pháp chứng minh và tiêu chí đánh giá. EU không tính toán lại biên độ phá giá hay mức trợ cấp mới; thay vào đó, cơ quan điều tra tập trung vào việc xác định liệu dòng hàng nhập khẩu có sự “dịch chuyển bất thường” sau khi áp thuế hay không, liệu hoạt động sản xuất tại nước thứ ba có tạo ra giá trị gia tăng thực chất hay chỉ mang tính hình thức, và liệu các hành vi này có làm suy giảm hiệu quả của biện pháp PVTM hay không. Điều này cho phép EU xử lý tình huống nhanh hơn, kịp thời hơn so với việc mở một cuộc điều tra chống bán phá giá mới – vốn rất tốn thời gian và đòi hỏi lượng chứng cứ lớn.

Hơn thế nữa, biện pháp chống lẫn tránh có tính ngăn ngừa rất mạnh. Khi EU mở rộng biện pháp sang nước thứ ba hoặc sang các dạng sản phẩm gần giống, thông điệp được gửi tới doanh nghiệp là: mọi nỗ lực tìm cách lách thuế đều sẽ bị truy vết và xử lý. Điều này giúp duy trì tính rắn đẽ của hệ thống PVTM và hạn chế doanh nghiệp tìm cách thêm các mô hình né thuế mới.

Tóm lại, biện pháp chống lẫn tránh của EU mang bản chất là một cơ chế bảo vệ hiệu lực, được kích hoạt để duy trì sức mạnh và tác dụng thực tế của CBPG/CTC trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng linh hoạt và phức tạp. Đây là công cụ giúp EU lấp đầy những khoảng trống trong thực tiễn thương mại, kiểm soát các hành vi né tránh tinh vi và bảo đảm rằng mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất nội địa không bị xói mòn theo thời gian. Nếu bạn muốn, mình có thể viết ngay phần tiếp theo về các hình thức áp dụng biện pháp chống lẫn tránh của EU theo cùng giọng văn.

### **3. Các hình thức lẫn tránh thường gặp trong thực tiễn EU**

Trong thực tiễn điều tra của EU, hành vi lẫn tránh không xuất hiện một cách đơn lẻ, mà thường thể hiện qua một số mô hình tương đối ổn định. Dưới đây là các hình thức điển hình mà EU nhiều lần viện dẫn trong các quy định và tài liệu hướng dẫn, kèm theo ví dụ khái quát để minh họa.

+ Chuyển tải qua nước hoặc vùng lãnh thổ thứ ba

Đây là hình thức cổ điển và cũng phổ

biến nhất: hàng hóa từ nước đang bị áp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp không đi thẳng vào EU, mà được gửi tới một nước thứ ba rồi mới tái xuất sang EU với xuất xứ được khai báo là của nước thứ ba đó. Về bản chất, quá trình trung chuyển này không tạo ra giá trị gia tăng đáng kể, nhưng lại làm thay đổi giấy tờ về xuất xứ.

Trong các tài liệu huấn luyện của chính Ủy ban châu Âu, người ta thường nêu ví dụ điển cực tungsten từ Trung Quốc được gửi qua Thái Lan rồi tái xuất sang EU, với xuất xứ được khai là Thái Lan, trong khi thực tế phần lớn giá trị hàng hóa vẫn đến từ Trung Quốc. Gần đây hơn, EU khởi xướng điều tra chống lẫn tránh đối với thép không gỉ cán nguội (SSCR) từ Indonesia, bị nghi được chuyển tải qua Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam để né các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với Indonesia.

Những vụ việc này cho thấy, chỉ cần thay đổi tuyến vận tải và giấy tờ xuất xứ, luồng hàng vào một nước thứ ba, khiến biện pháp PVTM mất tác dụng.

+ Lắp ráp hoặc gia công đơn giản tại nước thứ ba

Một hình thức tinh vi hơn là lắp ráp ở nước thứ ba: linh kiện từ nước bị áp thuế được chuyển sang một quốc gia khác, ở đó thực hiện các công đoạn lắp ráp hoặc gia công khá hạn chế, rồi xuất sang EU dưới dạng sản phẩm hoàn chỉnh với xuất xứ nước thứ ba.

Trong các buổi trình bày của DG Trade,

EU nêu ví dụ thép không gỉ cán nguội (SSCR) gốc từ Trung Quốc, nhưng được hoàn thiện hoặc lắp ráp bổ sung tại Đài Loan hoặc Việt Nam trước khi xuất sang EU, với nghi vấn rằng mức độ gia công không đủ để tạo biến đổi căn bản về xuất xứ.

Một ví dụ điển hình khác trong lịch sử là xe đạp và linh kiện xe đạp từ Trung Quốc: ban đầu EU áp thuế đối với xe đạp hoàn chỉnh; sau đó, qua điều tra, EU phát hiện linh kiện và bộ phận xe đạp được lắp ráp tại EU hoặc nước thứ ba chỉ ở mức đơn giản nhằm né thuế, nên đã mở rộng biện pháp sang cả các bộ phận xe đạp.

Ở các trường hợp này, EU không coi việc lắp ráp đơn giản là hoạt động sản xuất thực chất, mà là một cách thức lẩn tránh.

+ Lắp ráp trong nội khối EU từ linh kiện nhập khẩu

Gần với mô hình trên, nhưng phức tạp hơn về chính trị pháp lý là trường hợp lắp ráp ngay trong lãnh thổ EU. Doanh nghiệp đặt nhà máy tại một hoặc vài quốc gia thành viên, nhập linh kiện từ nước đang chịu thuế, rồi lắp ráp thành phẩm để bán trong thị trường EU.

Điểm EU chú ý là mức độ gia công thực tế: nếu nhà máy trong EU chủ yếu chỉ vận ốc, lắp khung với tỷ lệ giá trị gia tăng rất thấp, còn phần lớn giá trị vẫn nằm ở linh kiện nhập từ nước chịu thuế, thì hoạt động này có thể bị coi là lẩn tránh. Các vụ việc về linh kiện xe đạp và một số sản phẩm thép là minh chứng, khi EU vừa phải bảo vệ

ngành sản xuất nội khối, vừa tránh việc EU trở thành trạm lắp ráp cuối cùng cho hàng chịu thuế từ nước ngoài.

+ Thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm

Ở hình thức này, doanh nghiệp không thay đổi tuyến vận tải hay nơi lắp ráp, mà can thiệp vào chính sản phẩm: điều chỉnh nhỏ về thành phần hóa học, kích cỡ, bề mặt, quy cách đóng gói... sao cho sản phẩm không còn khớp hoàn toàn với mô tả của sản phẩm bị điều tra trong quy định PVTM, hoặc được phân loại dưới mã HS khác.

EU đã nhiều lần đề cập tới trường hợp monosodium glutamate (MSG) từ Trung Quốc: cấu trúc và công dụng cơ bản giữ nguyên, nhưng doanh nghiệp điều chỉnh cách trình bày/đặc tính nhẹ để khai báo dưới một mã khác, khiến sản phẩm thoát khỏi phạm vi thuế.

Trong ngành thép, EU từng phải mở rộng biện pháp đối với thép chống ăn mòn đã được sửa đổi nhẹ so với sản phẩm gốc, vì nhận thấy các thay đổi này không làm thay đổi bản chất sử dụng, chỉ nhằm mục đích tránh thuế.

Đặc điểm của hình thức này là ranh giới kỹ thuật rất mong manh, đòi hỏi EU phải phân tích rất kỹ hồ sơ kỹ thuật và mô tả sản phẩm.

+ Chuyên kênh xuất khẩu qua doanh nghiệp có mức thuế thấp. Đây là hình thức mượn doanh nghiệp khác: thay vì xuất khẩu trực tiếp từ doanh nghiệp bị áp thuế cao, hàng hóa được xuất qua doanh nghiệp có mức thuế thấp hơn hoặc chưa bị áp thuế,

thường là công ty liên kết hoặc đối tác thương mại.

Tài liệu của cơ quan chức năng Thái Lan về luật chống lẩn tránh của EU nêu ví dụ túi nhựa từ Trung Quốc: hàng do hai doanh nghiệp chịu mức thuế 28,8% sản xuất, nhưng lại xuất khẩu qua một công ty khác chỉ chịu thuế 8,4%, khiến phần hàng thực tế được “đội lốt” mức thuế thấp.

Một ví dụ khác là gốm sứ/đồ bàn ăn Trung Quốc: hàng hóa được xuất khẩu thông qua các nhà sản xuất hoặc thương nhân có mức thuế ưu đãi hơn, dù thực chất nhiều đơn hàng do các nhà máy chịu thuế cao gia công.

Trong các trường hợp này, bản chất hàng hóa không thay đổi, nhưng kênh xuất khẩu được thiết kế lại để tận dụng chênh lệch thuế giữa các doanh nghiệp.

+ Tối ưu hóa chứng từ, tuyến vận tải và khai báo

Cuối cùng, một nhóm hành vi khó phát hiện hơn là tối ưu hóa chứng từ và logistics: doanh nghiệp sử dụng hệ thống nhà giao nhận, kho trung chuyển, đại lý nhiều tầng, kết hợp với việc khai báo sai/không chính xác về xuất xứ, nơi sản xuất, mã HS... để làm mờ dấu vết nguồn gốc thực.

Các báo cáo của hiệp hội ngành thép và vật liệu EU cho thấy, trong nhiều vụ việc, dữ liệu thống kê thương mại thể hiện sự tăng trưởng bất thường của nhập khẩu từ một số nước trung gian, trong khi năng lực sản xuất nội địa của các nước này không tương ứng, làm dấy lên nghi ngờ về việc

dùng giấy tờ giả tạo xuất xứ cho hàng từ nước bị áp thuế.

Hình thức này thường đi kèm với một hoặc nhiều mô hình lẩn tránh nêu trên (chuyển tải, lắp ráp đơn giản...), nhưng điểm nhấn là sự phức tạp của hệ thống chứng từ và tuyến vận tải, khiến việc điều tra cần sự phối hợp giữa cơ quan hải quan, thống kê và cơ quan PVTM.

### **III. Tính tương đồng và khác biệt giữa quy định chống lẩn tránh của EU và khuôn khổ WTO**

#### **1. Tính tương đồng**

Trong khi WTO chưa xây dựng một hiệp định chuyên biệt về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, cách tiếp cận của Liên minh châu Âu (EU) trong lĩnh vực này vẫn được thiết kế trên nền tảng các nguyên tắc cơ bản của hệ thống WTO, đặc biệt là các Hiệp định về chống bán phá giá (AD Agreement), chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM Agreement) và GATT 1994. Vì vậy, dù khuôn khổ pháp lý của EU có nhiều điểm phát triển vượt trước, vẫn có thể nhận diện khá rõ những đường ray tương đồng nối giữa quy định chống lẩn tránh của EU và khuôn khổ đa phương của WTO.

Trước hết, mục tiêu chính sách mà EU theo đuổi về cơ bản không tách rời tinh thần của WTO: bảo đảm thương mại quốc tế diễn ra trên cơ sở cạnh tranh công bằng, hạn chế tối đa các tác động méo mó từ bán phá giá, trợ cấp và các thực tiễn thương mại bất bình đẳng.



Khi WTO cho phép thành viên áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp trong những điều kiện nhất định, mục đích là để trung hòa các lợi thế không chính đáng gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa. Quy định chống lẩn tránh của EU kế thừa trực tiếp logic này: nếu đã chấp nhận sự tồn tại của biện pháp PVTM chính thì đồng thời phải chấp nhận nhu cầu bảo vệ hiệu lực thực tế của biện pháp đó trước các hành vi né tránh.

Thứ hai, về nguyên tắc thủ tục, EU điều tra chống lẩn tránh theo cách nhìn chung tương thích với chuẩn mực WTO về minh bạch và công bằng tố tụng. Dù WTO không đặt ra quy trình riêng cho chống lẩn tránh, các nguyên tắc như: thông báo khởi xướng, dành cơ hội cho các bên liên quan trình bày ý kiến, bảo mật thông tin, công bố bản công khai, giải trình lập luận... đều được EU áp dụng trong cả các cuộc điều tra CBPG/CTC thông thường và trong điều tra chống lẩn tránh.

Thứ ba, EU vẫn duy trì mối liên hệ mang

tính nền tảng với các điều kiện kinh tế cơ bản mà WTO đặt ra cho việc áp dụng biện pháp PVTM. Dù trong điều tra chống lẩn tránh EU không tính toán lại biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp, cơ quan điều tra vẫn phải chứng minh rằng: (i) biện pháp PVTM ban đầu được áp dụng hợp lệ trên cơ sở dumping/subsidy và thiệt hại; và (ii) những thay đổi trong mô hình thương mại đã và đang làm suy giảm hiệu quả khắc phục thiệt hại của biện pháp đó. Nói cách khác, EU không sử dụng chống lẩn tránh như một công cụ hoàn toàn tách biệt, mà gắn chặt nó với cốt lõi kinh tế của vụ việc gốc là điều WTO đặc biệt nhấn mạnh khi xem xét tính hợp pháp của các biện pháp phòng vệ.

Thứ tư, cả WTO và EU đều đặt trọng tâm vào việc tránh lạm dụng biện pháp PVTM. WTO thường xuyên nhắc lại rằng phòng vệ thương mại chỉ là ngoại lệ đối với cam kết tự do hóa, phải được áp dụng trong khuôn khổ chặt chẽ, không biến thành công cụ bảo hộ trá hình. EU, trong các văn kiện chính thức, cũng khẳng định chống lẩn tránh chỉ được sử dụng khi hội tụ những điều kiện cụ thể và phải dựa trên điều tra khách quan, không nhằm mở rộng bảo hộ một cách tùy tiện. Sự tương đồng này giúp khung pháp lý của EU, dù tiến xa hơn về kỹ thuật, vẫn cố gắng bám sát các nguyên tắc nền của WTO để tránh rơi vào vùng bị tranh chấp quá mạnh về pháp lý.

Cuối cùng, có thể nói rằng tính tương đồng lớn nhất giữa EU và WTO nằm ở chỗ: cả hai đều coi biện pháp PVTM và sự bảo



toàn hiệu lực, là công cụ bất đắc dĩ nhưng cần thiết, được sử dụng trong một phạm vi hẹp, có điều kiện, với mục tiêu cân bằng giữa tự do hóa thương mại và bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Trên nền tảng đó, quy định chống lẩn tránh của EU có thể được hiểu như một bước phát triển tiếp theo, nhưng bám sát những nguyên tắc WTO đã vạch ra về mục tiêu, nguyên tắc và tinh thần sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại.

## **2. Các điểm khác biệt**

Mặc dù giữa EU và khuôn khổ WTO tồn tại những điểm tương đồng về mục tiêu và nguyên tắc chung trong việc bảo đảm tính hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại, nhưng cách tiếp cận của EU đối với chống lẩn tránh lại phát triển theo hướng chủ động và chi tiết hơn rất nhiều. Chính sự mở rộng về phạm vi điều chỉnh và phương thức thực thi này tạo nên những khác biệt đáng kể giữa EU và WTO. Để làm rõ các điểm khác biệt cốt lõi đó, bảng dưới đây sẽ hệ thống hóa các khía cạnh quan trọng nhất trong cách EU vận hành biện pháp chống lẩn tránh so với các chuẩn mực hiện hành của WTO. Cụ thể như bảng so sánh dưới đây:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Quy định chống lẫn tránh biện pháp PVTM của EU</b>	<b>Quy định về các biện pháp PVTM của WTO</b>
<b>1. Nền tảng pháp lý</b>	Có quy định rõ ràng ; xây dựng thành một cơ chế độc lập và chi tiết.	Không có quy định riêng về chống lẫn tránh; WTO chỉ điều chỉnh CBPG và CTC truyền thống.
<b>2. Phạm vi áp dụng</b>	Có thể mở rộng sang nước thứ ba, sản phẩm biên thể, linh kiện hoặc doanh nghiệp liên quan.	Không quy định việc mở rộng phạm vi sang nước khác hay sản phẩm khác; phạm vi biện pháp giới hạn trong “sản phẩm bị điều tra” ban đầu.
<b>3. Đối tượng điều tra</b>	Tập trung vào mô hình thương mại và hành vi thay đổi hình thức nhằm né thuế.	Tập trung vào bán phá giá và trợ cấp, thiệt hại và quan hệ nhân quả; không có cơ chế riêng về né tránh thuế phòng vệ thương mại
<b>4. Cơ sở chứng minh</b>	Không cần chứng minh bán phá giá/trợ cấp mới; chỉ cần chứng minh thay đổi mô hình thương mại và hiệu quả biện pháp bị suy giảm.	Yêu cầu đầy đủ dumping (hoặc subsidy), thiệt hại và mối quan hệ nhân quả trong mọi cuộc điều tra; không có tiêu chí cho lẫn tránh.
<b>5. Mức thuế áp dụng</b>	Áp dụng lại mức thuế hiện hành (thuế gốc) cho đối tượng lẫn tránh; không tạo mức thuế mới.	Nếu có điều tra mới, phải xác định mức thuế mới dựa trên biên độ bán phá giá/trợ cấp mới.
<b>6. Tính linh hoạt</b>	Rất linh hoạt trong việc xác định hành vi lẫn tránh và mở rộng phạm vi; thẩm quyền cao của Ủy ban.	Mang tính cứng nhắc hơn do không có khung chống lẫn tránh
<b>7. Tính hồi tố (retroactive)</b>	Có thể áp dụng hồi tố thông qua cơ chế đăng ký nhập khẩu.	Hồi tố bị hạn chế nghiêm ngặt; chỉ áp dụng trong các trường hợp được quy định rõ (ví dụ: nhập khẩu một lượng vô cùng lớn).
<b>8. Khả năng xử lý sản phẩm biên thể</b>	Có thể mở rộng sang sản phẩm hơi khác nếu có bằng chứng né thuế.	Không có cơ sở pháp lý rõ để áp dụng biện pháp đối với sản phẩm khác loại.
<b>9. Cơ chế miễn trừ</b>	Cho phép doanh nghiệp xin miễn trừ nếu chứng minh không tham gia lẫn tránh.	WTO không có cơ chế miễn trừ trong phạm vi lẫn tránh vì không có quy định tương ứng.
<b>10. Khả năng bị tranh chấp</b>	Có nguy cơ cao vì EU đi “xa hơn” khuôn khổ WTO; dễ bị xem là biện pháp bảo hộ trá hình nếu áp dụng quá rộng.	Ít tranh chấp về “lẫn tránh” vì WTO chưa có quy định; chỉ xét hành vi trong phạm vi AD/SCM truyền thống.

Nhìn chung, có thể thấy rằng cách tiếp cận của EU đối với chống lẩn tránh đã phát triển vượt xa khuôn khổ mà WTO đang thiết lập cho các biện pháp phòng vệ thương mại truyền thống.

WTO chủ yếu tập trung vào việc xác định hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp và các yếu tố thiệt hại, trong khi EU mở rộng phạm vi sang việc bảo vệ hiệu lực của biện pháp thông qua hệ thống quy định chuyên biệt về lẩn tránh. Các điểm khác biệt như khả năng áp dụng thuế hồi tố, mở rộng biện pháp sang nước thứ ba hoặc sản phẩm biến thể, và cơ chế miễn trừ doanh nghiệp cho thấy EU ưu tiên tính linh hoạt và thực tiễn của chính sách hơn là giữ nguyên phạm vi điều chỉnh hẹp như WTO.

Tuy nhiên, dù cách tiếp cận khác biệt, EU vẫn nỗ lực duy trì tính minh bạch và gắn kết với nguyên tắc chung của WTO về công bằng và chống lạm dụng biện pháp. Điều này giúp hệ thống chống lẩn tránh của EU vừa mang tính bảo vệ mạnh mẽ, vừa giữ được sự hài hòa nhất định với trật tự thương mại đa phương.

#### **IV. Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU**

Trong những năm vừa qua, việc áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh tại EU đã trở nên ngày càng rõ nét và đa dạng, cho thấy EU không chỉ áp thuế chống bán phá giá/ chống trợ cấp đơn thuần mà còn rất chủ động giám sát và xử lý các hành vi thương mại tinh vi nhằm né tránh biện pháp đó.

Theo báo cáo thường niên của EU, đến cuối năm 2023, EU có khoảng 182 biện pháp phòng vệ thương mại đang được áp dụng, trong đó **hơn 20% liên quan đến hành vi lẩn tránh**. Cũng trong năm 2024, EU ghi nhận số vụ điều tra mới ở mức kỷ lục khởi xướng 33 vụ mới trong năm và trong số đó có những vụ mở rộng biện pháp chống lẩn tránh.

Một minh chứng nổi bật là trong tháng 8 2023, EU chính thức khởi xướng **02 cuộc điều tra chống lẩn tránh** đối với các sản phẩm thép không gỉ cán nguội (stainless steel cold rolled flat products – SSCR) từ Indonesia, nghi ngờ việc chuyển tải qua các nước như Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam rồi xuất sang EU.

Trong trường hợp này, mặc dù sản phẩm gốc bị áp thuế, nhưng dòng nhập khẩu từ các nước trung gian tăng mạnh, khiến EU quyết định ngay lập tức **đăng ký nhập khẩu (registration)** đối với những hàng hóa từ các nước kia để có thể thu hồi thuế hồi tố nếu chứng minh được lẩn tránh.

Ngoài ngành thép, EU cũng mở rộng sự giám sát chống lẩn tránh sang các ngành khác như hóa chất, hàng chế biến, nông sản. Báo cáo cho thấy các cuộc điều tra chống lẩn tránh chiếm khoảng **9% các vụ điều tra PVTM mới** trong giai đoạn từ 2015 đến 2024.

Việc này phản ánh thực tế rằng doanh nghiệp ngày càng lợi dụng các nước thứ ba hoặc mô hình sản xuất linh hoạt để né thuế, và EU phải tăng cường khả năng phát hiện.

Một điểm rất đáng lưu ý là EU đang sử dụng **cơ chế đăng ký nhập khẩu** như một công cụ quan trọng trong việc chống lẩn tránh. Theo thông tin từ năm 2024, EU quyết định **tự động đăng ký nhập khẩu trong tất cả các cuộc điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp** nhằm phát hiện sớm các dòng hàng tăng đột biến và có khả năng lẩn tránh.

Việc này giúp EU có thể áp thuế hồi tố, ngăn doanh nghiệp nhập trước để né thuế và bảo đảm hiệu quả của biện pháp.

Thực tiễn này cho thấy EU không chỉ dừng lại ở việc áp dụng một lần biện pháp PVTM và rút lui, mà đang duy trì **giám sát lâu dài, điều tra bổ sung và mở rộng biện pháp khi có dấu hiệu lẩn tránh**. Ví dụ, trong trường hợp thép SSCR, sau khi thu thuế vào nước bị kiện, EU phát hiện dấu hiệu tăng nhập khẩu từ nước thứ ba và tiếp tục hành động để mở rộng phạm vi thuế. Điều này minh họa rằng lẩn tránh không phải là hiện tượng nhỏ, mà có thể trở thành xu hướng và EU coi đó là thách thức đối với tính hiệu lực của chính sách PVTM.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu tới EU, những thực tiễn này thể hiện một thông điệp rất rõ: EU đang tập trung vào việc **đảm bảo rằng biện pháp phòng vệ thương mại không bị né tránh**, và doanh nghiệp sẽ bị kiểm tra chặt chẽ hơn về chuỗi cung ứng, xuất xứ sản phẩm, tuyến vận chuyển và mô hình sản xuất. Việc điều tra không còn giới hạn ở quốc gia bị kiện ban đầu, mà mở rộng sang các nước trung gian,

các doanh nghiệp gia công/lắp ráp và các biên thể sản phẩm.

Tóm lại, thực tiễn áp dụng biện pháp chống lẩn tránh trong EU đang ngày càng năng động, đa ngành và đa tuyến. Việc EU khởi xướng nhiều cuộc điều tra, mở rộng phạm vi qua nước thứ ba, sử dụng đăng ký nhập khẩu và thu hồi hồi tố thể hiện quyết tâm mạnh mẽ bảo vệ ngành sản xuất nội khối. Đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế xuất khẩu trong đó có Việt Nam đây là một tín hiệu rõ ràng: nếu muốn tiếp cận thị trường EU bền vững thì phải hiểu rõ và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí chống lẩn tránh cũng như PVTM.

#### V. Các lưu ý với doanh nghiệp

Trong bối cảnh Liên minh châu Âu (EU) ngày càng sử dụng biện pháp chống lẩn tránh như một công cụ trọng yếu để bảo vệ tính hiệu lực của hệ thống phòng vệ thương mại, các doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt thận trọng khi tham gia chuỗi cung ứng liên quan đến thị trường này. Đặc điểm của các cuộc điều tra chống lẩn tránh là phạm vi rộng, tiêu chí đánh giá linh hoạt và khả năng mở rộng sang nhiều quốc gia khác, vì vậy doanh nghiệp dù không chủ động tham gia hành vi lẩn tránh vẫn có thể bị liên đới nếu không kiểm soát đầy đủ chuỗi cung ứng, nguồn nguyên liệu và giấy tờ xuất xứ. Đây là bối cảnh đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam không chỉ hiểu rõ quy định pháp lý mà còn phải chủ động xây dựng hệ thống quản trị minh bạch và tuân thủ ngay từ giai đoạn đầu.

Trước hết, doanh nghiệp cần tăng cường kiểm soát nguồn gốc nguyên liệu và độ sâu của quy trình sản xuất. EU đặc biệt nhấn mạnh tiêu chí biến đổi căn bản để xác định xuất xứ, do đó việc chỉ thực hiện các công đoạn gia công mang tính đơn giản hoặc lắp ráp bề mặt rất dễ bị coi là lẩn tránh, đặc biệt nếu nguyên liệu nhập khẩu có nguồn gốc từ quốc gia đang bị EU áp thuế PVTM. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải ghi nhận rõ ràng tỷ lệ giá trị gia tăng tại Việt Nam, đảm bảo quy trình sản xuất có thực chất, và lưu giữ bộ chứng từ minh bạch để chứng minh khi cần thiết.

Thứ hai, doanh nghiệp Việt Nam cần cẩn trọng khi mở rộng quy mô xuất khẩu sang EU trong thời điểm các quốc gia khác đang bị áp thuế. Việc tăng trưởng đột biến về kim ngạch dù không xuất phát từ hành vi gian lận vẫn có thể tạo ấn tượng rằng doanh nghiệp đang đón dòng chuyển tải từ nước bị áp thuế. Vì vậy, doanh nghiệp nên xây dựng hồ sơ giải trình tăng trưởng hợp lý, dự báo nhu cầu, năng lực sản xuất và các hợp đồng đầu vào để chứng minh tính độc lập của hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, doanh nghiệp cần có hệ thống quản trị chứng từ, logistics, khai báo hải quan một cách bài bản. Các cuộc điều tra chống lẩn tránh thường yêu cầu doanh nghiệp cung cấp chi tiết dữ liệu sản xuất, vận chuyển, mua bán nguyên liệu, hóa đơn, hợp đồng và thậm chí là thông tin về công ty liên kết. Việc chuẩn hóa và lưu trữ đầy đủ ngay từ đầu giúp doanh nghiệp phản hồi

hiệu quả, giảm rủi ro bị coi là không hợp tác yếu tố có thể dẫn đến mức thuế bất lợi.

Thứ tư, doanh nghiệp cần đánh giá lại quan hệ với các đối tác trong chuỗi cung ứng. Việc mua nguyên liệu từ nhà cung cấp ở nước đang bị áp thuế hoặc hợp tác với đối tác có nguy cơ gian lận có thể khiến doanh nghiệp bị điều tra dù không có ý định lẩn tránh. Vì vậy, doanh nghiệp cần xây dựng tiêu chí chọn nhà cung cấp an toàn, yêu cầu đối tác minh bạch về xuất xứ và tránh tham gia vào cấu trúc thương mại phức tạp không cần thiết.

Cuối cùng, doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Cục Phòng vệ thương mại, để được hướng dẫn kịp thời khi có nguy cơ bị điều tra. Sự phối hợp chặt chẽ này giúp doanh nghiệp nắm bắt sớm cảnh báo, chuẩn bị hồ sơ và tránh những sai sót không đáng có.

Tóm lại, trong bối cảnh EU tăng cường giám sát và xử lý lẩn tránh ở mức độ chưa từng có, doanh nghiệp Việt Nam cần chuyển từ tư duy đối phó khi bị kiện sang tư duy quản trị tuân thủ từ gốc. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chiến lược giúp duy trì khả năng tiếp cận bền vững vào thị trường EU.

## Cơ sở pháp lý về chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU

Cơ chế chống lẩn tránh của Liên minh châu Âu (EU) được xây dựng trên nền tảng pháp lý tương đối hoàn chỉnh và phát triển cao, phản ánh cách tiếp cận chủ động và chặt chẽ của EU trong việc bảo vệ hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM). Mặc dù WTO không có một hiệp định riêng về lẩn tránh, EU đã phát triển một khuôn khổ pháp lý đầy đủ để xử lý hiện tượng này, kết hợp cả nội luật và các nguyên tắc chung của WTO. Chính sự chủ động này tạo nên hệ thống chống lẩn tránh của EU nổi bật với tính chi tiết, phạm vi điều chỉnh rộng và sức mạnh thực thi cao.

### I. Nền tảng pháp lý chính của EU

#### 1.1. Một số thông tin chung

Quy định về chống lẩn tránh thuế đầu tiên của EU được ban hành năm 1987 để chống lại việc Nhật Bản thành lập các nhà máy lắp ráp tại EU. Năm 1990, một ban hội thẩm GATT đã kết luận rằng các quy định này là không phù hợp với GATT và EU đã ngừng sử dụng quy định này.

Sau đó, EU đã sửa đổi quy định của mình, hiện nay, EU có quy định riêng về chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC tại 2 văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Điều 13 của Luật chống bán phá giá của EU (Quy định 2016/1036) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về Bảo vệ trước hàng hóa bán phá giá

từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu và Điều 23 của Luật Chống trợ cấp của EU (Quy định 2016/1037) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về Bảo vệ trước hàng hóa trợ cấp từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu là cơ sở các quy định nội luật của EU về chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC.

Về cơ bản, các quy định về chống lẩn tránh thuế trong hai văn bản nói trên là giống nhau (định nghĩa lẩn tránh thuế, các điều kiện quan trọng chứng minh tồn tại hành vi lẩn tránh thuế, quy trình thủ tục liên quan đến việc khởi xướng và tiến hành điều tra, thời hạn điều tra, điều kiện loại trừ áp thuế cho những công ty không lẩn tránh, thủ tục áp thuế...), chỉ có hai điểm khác là:

(i) hành vi lẩn tránh thuế CTC (Điều 23 của Luật chống trợ cấp EU) không bao gồm hoạt động lắp ráp như trong hành vi lẩn tránh thuế CBPG quy định tại Điều 13 (2) của Luật chống bán phá giá; và

(ii) điều kiện để kết luận lẩn tránh thuế CBPG là phải xác định được bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó, trong khi để xác định hành vi lẩn tránh thuế CTC, cần chứng minh rằng sản phẩm lẩn tránh thuế được hưởng lợi ích từ các loại trợ cấp có thể đối kháng.

- Quy định về chống lẩn tránh thuế CBPG: EU đưa ra hai định nghĩa về lẩn tránh thuế. Một định nghĩa về hình thức lẩn tránh thuế truyền thống (tức là lẩn tránh bằng hoạt động lắp ráp), và một định nghĩa chung về các hình thức lẩn tránh thuế khác. Mỗi định nghĩa đưa ra nhiều điều kiện cần xác định để có thể áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế. Khái quát như sau:

(1) Thuế CBPG có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự (dù có thay đổi nhỏ hay không) nhập khẩu từ nước thứ 3 hoặc (ii) sản phẩm tương tự thay đổi nhỏ hoặc linh kiện nhập khẩu từ nước bị áp thuế CBPG hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lẩn tránh thuế, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về xu hướng thương mại giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự thay đổi nhỏ của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc chuyển tải sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu thay đổi mô hình và kênh bán hàng ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông qua các nhà sản xuất

được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn, việc lắp ráp linh kiện tại EU hoặc tại nước thứ 3.

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) có bằng chứng về phá giá liên quan đến trị giá thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

(2) Hoạt động lắp ráp trong EU hoặc từ nước thứ 3 có thể bị xem xét là lẩn tránh thuế (chỉ đối với điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá) trong trường hợp:

Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi khởi xướng điều tra phá giá và các bộ phận liên quan là nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp; và

Các bộ phận/linh kiện cấu thành 60% hoặc hơn tổng trị giá bộ phận của sản phẩm lắp ráp, ngoại trừ trường hợp trị giá gia tăng của các bộ phận trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện cao hơn 25% chi phí sản xuất và tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự được lắp ráp và có bằng chứng về phá giá liên quan đến giá trị thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

- Quy định về điều tra vụ việc chống lẩn tránh thuế chống trợ cấp:

Thuế chống trợ cấp có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự nhập khẩu từ nước thứ 3, dù sản phẩm đó được sửa đổi

nhỏ hay không; hoặc (ii) sản phẩm được sửa đổi nhỏ/linh kiện nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lẩn tránh thuế CTC, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về xu hướng thương mại giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự thay đổi nhỏ của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc chuyển tải sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu thay đổi mô hình và kênh bán hàng ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông qua các nhà sản xuất được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn;

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) sản phẩm tương tự hoặc linh kiện nhập khẩu này vẫn đang được hưởng lợi từ hành vi trợ cấp của chính phủ.

Do quy định về chống lẩn tránh thuế

chống bán phá giá và chống trợ cấp về cơ bản là giống nhau nên nội dung phân tích dưới đây sẽ tập trung vào quy định về chống bán phá giá. Quy định về chống trợ cấp sẽ được hiểu là tương tự.

*1.2. Hoạt động lẩn tránh thuế truyền thống (lắp ráp tại EU hoặc nước thứ 3) (Điều 13(2) Quy định 1036) (chỉ áp dụng với lẩn tránh thuế CBPG)*

Trong quy định về lẩn tránh thuế trước đây của EU, chỉ có các hoạt động lắp ráp được tiến hành trong lãnh thổ EU mới bị điều tra. Tuy nhiên quy định mới của EU đã mở rộng hơn, cho phép điều tra các hoạt động lắp ráp tại nước thứ 3 do EU cho rằng nếu không có quy định này, các nhà sản xuất sẽ có xu hướng mở nhà máy ở các nước thứ 3 thay vì tại EU khiến EU không thu hút được đầu tư, công ăn việc làm (quy định này chỉ áp với điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG không có quy định tương ứng tại điều tra chống lẩn tránh thuế CTC).

Một thay đổi khác trong luật chống lẩn tránh thuế mới của EU, đó là không cần phải xác định mối liên hệ giữa nhà lắp ráp và nhà sản xuất các sản phẩm bị áp thuế CBPG. Tuy nhiên, trên thực tế, đa số các vụ việc có thể vẫn có liên quan tới chi nhánh của các công ty bị áp dụng biện pháp CBPG ban đầu.

Khi cả 5 điều kiện sau đây được đáp ứng, một hoạt động lắp ráp tại EU hoặc một nước thứ ba sẽ bị coi là lẩn tránh biện pháp CBPG đang còn hiệu lực:

(i) Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc

gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi có lệnh khởi xướng điều tra CBPG ban đầu và các bộ phận liên quan từ nước đang bị áp dụng biện pháp.

Điều kiện này được quy định tại Điều 13 (2) Quy định EC 2016/1036. Trước hết, phải hiểu cụm từ khởi xướng điều tra CBPG. Theo thực tiễn điều tra của EU, thuật ngữ khởi xướng trong điều kiện này có liên quan tới ngày thông báo khởi xướng điều tra của vụ việc điều tra CBPG ban đầu và/hoặc điều tra rà soát. Việc xác định thời gian này là cần thiết để so sánh thời điểm hoạt động lắp ráp bắt đầu với thời gian khởi xướng điều tra ban đầu hoặc khởi xướng điều tra rà soát.

Tuy nhiên, Điều 13(2) không quy định cụ thể về thuật ngữ hoạt động bắt đầu. Điều này rõ ràng là có khả năng dẫn tới tranh cãi do có rất nhiều ngày trên thực tế có thể được coi là ngày bắt đầu hoạt động. Những ngày này có thể bao gồm: ngày mà kế hoạch đầu tư được thực hiện để xây nhà máy; ngày mà đất được mua để xây nhà máy; ngày mà nhà thầu xây dựng bắt đầu xây nhà máy; ngày mà nhà máy bắt đầu lắp ráp các linh kiện thành sản phẩm bị nghi ngờ... Trong hầu hết các trường hợp, mất nhiều thời gian để đưa ra quyết định kinh doanh, nghiên cứu kế hoạch kinh doanh và đáp ứng một số điều kiện trước khi bắt đầu sản xuất. Những vấn đề này thường được xác định theo từng vụ việc trên thực tế. Tuy nhiên, sẽ dẫn tới thẩm quyền không bị hạn chế của cơ quan điều tra (mà thường có xu

hướng chọn kết quả tốt nhất cho ngành sản xuất trong nước). Hơn nữa, điều này cũng có tác động tiêu cực tới đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do thẩm quyền rộng này sẽ khiến cho các doanh nghiệp nước ngoài khó định đoán hơn và khó chắc chắn hơn về các kế hoạch kinh doanh trong tương lai của họ tại nước nhập khẩu.

Sau đó, EC sẽ xác định xem sự gia tăng có phải đáng kể hay không thông qua xem xét tỉ lệ % gia tăng sản phẩm lắp ráp trong các năm sau khi khởi xướng điều tra ban đầu/điều tra rà soát và xu hướng chung của sản phẩm. EC không có quy định cụ thể thế nào được coi là gia tăng đáng kể, tuy nhiên có thể tham khảo thông qua thực tiễn điều tra cho thấy tỷ lệ được coi là không đáng kể so với đáng kể có thể từ 4%-30% và có thể xem xét cả xu hướng chung của sản phẩm.

(ii) Các bộ phận chiếm ít nhất 60% tổng trị giá các bộ phận lắp ráp nên sản phẩm.

Điều kiện thứ hai được quy định tại Điều 13(2)(b), có nghĩa rằng nếu ít nhất 60% tổng trị giá của các bộ phận được sử dụng trong lắp ráp sản phẩm (nguyên liệu thô) được nhập khẩu từ nước bán phá giá thì bị coi là có lẫn tránh. Mẫu số là trị giá của tất cả các bộ phận (không xét đến xuất xứ) được sử dụng để làm ra sản phẩm trong thời kỳ điều tra (loại trừ lợi nhuận và chi phí chung), tử số là trị giá của tất cả các bộ phận nhập khẩu từ nước X (nước bị áp thuế chống bán phá giá). Điều kiện này không có nghĩa rằng 60% trị giá của sản phẩm đã hoàn thiện. Hơn nữa, không cần phải xem

xét 40% còn lại đến từ đâu.

Thông thường EC sẽ yêu cầu một danh sách tất cả các bộ phận và giá mua vào và thông tin về xuất xứ của từng bộ phận.

Xuất xứ của các bộ phận: bao gồm các bộ phận xuất xứ từ nước bị áp thuế CBPG và các bộ phận chỉ được xuất khẩu, mua (sourced), ký gửi (consign) từ hoặc trung chuyển qua nước bị áp thuế chống bán phá giá. Các bộ phận được ký gửi từ nước bị áp thuế CBPG sẽ được coi là xuất xứ từ nước đó trừ khi bên gia công, lắp ráp cung cấp bằng chứng (như giấy chứng nhận xuất xứ, tuyên bố của bên cung cấp về xuất xứ, hoá đơn của nhà sản xuất và các tài liệu vận tải tương ứng, tài liệu thanh khoản hải quan...) cho thấy là những bộ phận này thực tế xuất xứ từ một nước không thuộc đối tượng áp biện pháp CBPG.

Trị giá của các bộ phận: Tất cả các yếu tố (dù là vật chất hay phi vật chất, ví dụ như phần mềm) mà được chuyển hoá vào sản phẩm thì được coi là bộ phận của sản phẩm. Trị giá được xác định trên cơ sở vào nhà máy, đã trả thuế, nghĩa là gồm cả tiền vận chuyển, thuế hải quan, vận chuyển nội địa và các chi phí khác liên quan đến vận chuyển các bộ phận tới bên lắp ráp, gia công (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói).

Các tranh luận xoay quanh một số vấn đề như sau:

- liệu các bộ phận phải xuất xứ từ nước bán phá giá để đáp ứng điều kiện 60% hay là chỉ cần chúng được ký gửi từ nước đó. Trên thực tế, EC xem xét xuất xứ của sản

phẩm, các bộ phận chỉ đơn thuần được chuyển từ nước bán phá giá sẽ không thuộc phạm vi cuộc kiểm tra 60% và bằng chứng về xuất xứ theo quy định này dựa hoàn toàn vào nhà nhập khẩu.

- xuất xứ của một bộ phận cần được xác định ở mức độ như thế nào. Một sản phẩm có thể chỉ là: (i) một bộ phận đơn lẻ hoặc (ii) một bộ các linh kiện/bộ phận riêng rẽ. Trong trường hợp (ii), mỗi bộ phận phải được chứng minh xuất xứ riêng rẽ.

- không rõ là tại sao lại lựa chọn con số 60% mà không phải con số khác. Do không có bằng chứng giải thích con số này, không có sự khác nhau lắm giữa việc một công ty mà có tỷ lệ là 59,9% và một công ty có tỷ lệ là 60,1%. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu 2 công ty này sẽ bị đối xử khác nhau không, theo quy định hiện hành của EU, do 1 công ty sẽ không bị áp biện pháp chống lẩn tránh trong khi công ty kia thì bị.

- phép thử 60% yêu cầu xác định bộ phận nào là từ nước đang bị lệnh áp thuế. Do đó, việc xác định xuất xứ của các bộ phận là vấn đề quan trọng trong cuộc điều tra này. Tuy nhiên, điều này làm phức tạp tình hình đặc biệt là khi việc cấu thành các linh kiện riêng lẻ là phức tạp.

(iii) Trị giá gia tăng của các bộ phận thêm vào, trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện, nhiều nhất là 25% của chi phí sản xuất

Tiêu chí thứ ba này được quy định tại Điều 13(2) (b) được xem như một ngoại lệ của phép thử 60% nói trên. Mục tiêu của

phép thử 25% này là để chứng minh có sự thay đổi đáng kể của sản phẩm. Kể cả khi 60% linh kiện của sản phẩm lắp ráp là từ nước X (nước bị áp thuế), có thể không xảy ra hành vi lẩn tránh thuế nếu hoạt động gia công ở EU/ở nước thứ 3 làm tăng 25% trị giá của sản phẩm liên quan.

Nói cách khác, để kết luận không có hành vi lẩn tránh thuế, trị giá gia tăng của các bộ phận lắp ráp trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện phải lớn hơn 25% chi phí sản xuất của sản phẩm thành phẩm. Không có quy định về diễn giải cụ thể liên quan đến thuật ngữ ‘chi phí sản xuất’.

Mặc dù thuật ngữ chi phí sản xuất rất quan trọng để chứng minh có lẩn tránh hay không nhưng việc không có hướng dẫn cụ thể về thuật ngữ này cho phép cơ quan điều tra có thẩm quyền rộng trong diễn giải và do đó là trong kết quả cuối cùng của vụ điều tra. Do EC không công bố cách thức tính toán trong phần kiểm tra này do đó không có câu trả lời cho câu hỏi liệu trị giá của các bộ phận được sản xuất trong chính nhà máy lắp ráp (xuất xứ EU hoặc nước thứ 3) sẽ được tính vào tỉ lệ 25% hay không (thông thường được hiểu là có tính). Có hai cách hiểu:

- Trị giá gia tăng được tính toán là chi phí sản xuất (không phải là chi phí nguyên liệu), bao gồm chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao và các chi phí sản xuất chung khác phát sinh trong nhà máy lắp ráp liên quan đến những linh kiện, bộ phận này (loại trừ chi phí đóng gói) phải chiếm ít

nhất 25% tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Các trị giá của các bộ phận có xuất xứ EU hay trị giá của các bộ phận khác đều không có liên quan khi tính toán trị giá gia tăng.

- Chi phí sản xuất được tính bằng chi phí mua các linh kiện (theo điều kiện thương mại thông thường) + chi phí lao động + chi phí chung của nhà máy (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói và chi phí hành chính, chi phí chung, chi phí bán hàng (SG&A), lợi nhuận). Trong trường hợp này: chi phí của các linh kiện xuất xứ trong nước (EU/ nước thứ 3) cũng có thể được cộng vào để đạt tỷ lệ 25%.

(iv) Giảm hiệu quả khắc phục của lệnh áp thuế ban đầu liên quan tới giá/lượng của các sản phẩm tương tự lắp ráp; và (v) Có bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó.

Ba điều kiện ban đầu đóng vai trò then chốt. Hai điều kiện (iv) và (v) này sẽ được đề cập trong phần tiếp theo do đây là các điều kiện giống nhau ở cả hai hình thức lẩn tránh thuế.

*1.3. Hình thức lẩn tránh thuế khác (Điều 13(1) Quy định 1036)/Điều 23 (3) Quy định 1037)*

- Có 4 điều kiện phải đáp ứng để quyết định có hay không xảy ra hành vi lẩn tránh thuế CBPG/CTC là:

(i) Có sự thay đổi xu hướng thương mại giữa nước thứ ba và EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ của nước bị áp thuế và EU sau lệnh áp thuế mà bắt nguồn từ một hành vi,

quy trình hoặc công việc

Nước thứ ba được hiểu là bất kỳ nước nào ngoài EU, bao gồm cả nước bị áp thuế.

Sự thay đổi xu hướng thương mại bao gồm sự giảm nhập khẩu từ nước đang bị áp thuế CBPG/CTC và sự tăng tương ứng về nhập khẩu sản phẩm tương tự hoặc từ nước bị áp thuế hoặc từ một nước thứ ba.

Sự gia tăng nhập khẩu phải cho thấy xu hướng thống nhất và rõ ràng của việc thay thế trong một khoảng thời gian dài. Việc thay thế nhập khẩu không cần thiết phải xảy ra trong cùng mức độ thương mại. Lượng hàng nhập khẩu phải đáng kể hoặc tăng đáng kể từ khi áp biện pháp. Việc thay đổi xu hướng thương mại có thể xảy ra sau khi áp biện pháp (tạm thời hoặc chính thức), hoặc sau khi khởi xướng điều tra.

Giai đoạn xem xét để so sánh lượng nhập khẩu: thời kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế thường là giai đoạn 1 năm gần nhất với thời điểm khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế; hoặc giai đoạn từ khi áp thuế tạm thời/ thuế chính thức/khởi xướng vụ điều tra CBPG/CTC ban đầu/giai đoạn trước đó cho đến thời kỳ điều tra; và cũng thường là giai đoạn giữa thời kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế và thời kỳ điều tra vụ việc CBPG/CTC ban đầu.

Trong trường hợp lẩn tránh qua nước thứ 3, xuất khẩu sản phẩm/linh kiện từ nước bị áp thuế (nước X) sang nước thứ 3 cũng được đánh giá cùng giai đoạn với giai đoạn đánh giá xu hướng nhập khẩu vào EU. Ngoài ra, nếu có sự hợp tác từ các nhà sản

xuất của nước thứ 3 hoặc có thông tin sẵn có, cũng cần tiến hành đánh giá sản xuất sản phẩm ở nước thứ 3. Số liệu sử dụng cho việc đánh giá thường từ: số liệu thống kê nhập khẩu của EU (đối với việc phân tích xu hướng nhập khẩu của EU), số liệu thống kê xuất khẩu của nước X (đối với phân tích xu hướng xuất khẩu sang nước thứ 3 liên quan), số liệu nhập khẩu từ nước X của nước thứ 3 đối với hàng hoá/linh kiện liên quan; số liệu từ nhà xuất khẩu hợp tác của nước X và nước thứ 3 liên quan.

Theo quy định này, có một số thuật ngữ không được định nghĩa. Những thuật ngữ này rất quan trọng để xác định liệu một hành vi có phải lẩn tránh hay không. Ví dụ, sự thay đổi xu hướng thương mại giữa các nước thứ 3 và EU là gì? Quy định hiện tại không có diễn giải về những thuật ngữ này, và hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan có thẩm quyền. Điều này gây quan ngại bởi nguy cơ tiềm ẩn là cơ quan có thẩm quyền có thể lạm dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế để hạn chế thương mại một cách không công bằng. Sự diễn giải từng thuật ngữ do đó có thể dễ dãi hoặc chặt chẽ.

Thông thường sẽ áp dụng cách thức 2 bước:

- Bước 1: Đánh giá liệu lượng hàng nhập khẩu từ nước bị áp thuế (nước X) có giảm hay không

- Bước 2: Đánh giá liệu việc giảm này có đi kèm với sự gia tăng/thay thế bởi nhập khẩu của hàng hoá tương tự không (ví dụ linh kiện hoặc sản phẩm sửa đổi nhỏ từ

nước X, sản phẩm xuất xứ từ nước X được vận chuyển qua 1 nước thứ 3 nghĩa là chuyển tải hoặc xuất khẩu thông thường sau khi lắp ráp giản đơn/sửa đổi nhỏ); sản phẩm liên quan được sản xuất bởi một công ty ở nước X mà có mức thuế dành cho các nhà xuất khẩu khác (mức thuế cao nhất) và được xuất khẩu thông qua một nhà sản xuất khác ở nước X (có mức thuế riêng rẽ thấp).

Việc thay đổi xu hướng thương mại cũng phải bắt nguồn từ/gắn với một hành vi, quy trình hoặc công việc, tức là liên quan đến sự thay đổi nhỏ sản phẩm; chuyển tải qua nước thứ 3; xuất khẩu thông qua công ty có mức thuế thấp; (đối với bán phá giá thì có quy định thêm về gia công lắp ráp tại EU/nước thứ 3 như đã phân tích ở trên). Việc đánh giá là tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng vụ việc.

(ii) Không có lý do chính đáng (due cause) hoặc lý giải về mặt kinh tế đủ để giải thích cho sự thay đổi xu hướng thương mại ngoài lý do là do lệnh áp thuế.

Điều kiện này cho phép các bên liên quan có thể giải thích rằng sự thay đổi xu hướng thương mại bắt nguồn từ một lý do chính đáng hoặc có thể giải thích về mặt kinh tế. Quy định không nêu rõ nghĩa vụ phải các bên liên quan phải chứng minh. EC đã nêu ra về một số yếu tố có thể làm thay đổi xu hướng thương mại ngoài lệnh áp thuế ban đầu ngay cả trong các trường hợp mà các bên liên quan không hợp tác cung cấp thông tin. Tuy nhiên, để có kết quả thuận lợi, chính các doanh nghiệp liên quan

phải đảm bảo rằng các lập luận mà họ đưa ra sẽ được xem xét.

Cái gì cấu thành sự lý giải về mặt kinh tế hoặc lý do không chính đáng? Quy định này không liệt kê các yếu tố cần xem xét và đo lường các điều kiện. Vì vậy, EC sẽ đưa ra quyết định theo từng vụ việc và do đó phần điều tra này của vụ kiện sẽ chứa đựng các quan điểm, lập luận mang tính suy diễn, sáng tạo.

Một câu hỏi là liệu có những lợi ích có thể định lượng được để nhà nhập khẩu chứng minh về mặt kinh tế đối với sự thay đổi xu hướng thương mại không? Khi đó, họ phải tiến hành phân tích chi phí lợi ích về lợi ích kinh tế/tiết kiệm chi phí từ việc sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thay đổi/lắp ráp ở nước khác hoặc tại EU. Điều quan trọng là thời gian thiết lập công ty ở nước thứ 3 tiến hành việc lắp ráp/bắt đầu sản xuất hoặc xuất khẩu sản phẩm sửa đổi nhỏ.

Vấn đề là liệu việc xuất khẩu sản phẩm bởi nhà sản xuất tới các thị trường khác có giữ nguyên không và sản phẩm thay đổi chỉ được xuất khẩu sang EU.

Khi không có sự hợp tác từ nhà sản xuất/xuất khẩu của nước thứ 3, thì sẽ được coi là không có biện minh/ý giải về mặt kinh tế đối với sự thay đổi xu hướng thương mại và việc thay đổi xu hướng thương mại là do lệnh áp thuế.

Ngoài ra, liệu những thị trường xuất khẩu khác có tiếp tục nhập khẩu sản phẩm bị áp thuế CBPG/CTC và liệu hành vi này được thực hiện ở cả những thị trường khác

giống như EU?

Những yếu tố khác cũng có thể được xem xét như: biên độ phá giá cao, sản lượng, mức độ trị giá gia tăng...

Một câu hỏi khác là liệu dự định lần tránh thuế có phải là nguyên nhân duy nhất khi xu hướng thương mại thay đổi. Câu hỏi này thường được đặt ra, đặc biệt là trong trường hợp quyết định đầu tư kinh doanh bao gồm nhiều nước khác nhau. Do các mục tiêu khác nhau có thể được kết hợp lại để dẫn tới quyết định như vậy, khó mà phát hiện rằng những quyết định này được thực hiện chỉ để nhằm lần tránh. Tuy nhiên, Điều 13(1) của Quy định 2016/1036 và Điều 23 (3) của Quy định 2016/1037 chỉ định nghĩa lần tránh là sự thay đổi xu hướng thương mại...mà bắt nguồn từ .... có thể dẫn cơ quan điều tra tới một tình thế tiến thoái lưỡng nan.

Cách tiếp cận này rõ ràng là không phù hợp với thực tiễn kinh tế như đã chỉ ra ở trên và do đó ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp mà quyết định kinh doanh của họ dựa trên sự tổng hợp các lợi ích chứ không chỉ là lần tránh nếu cơ quan điều tra kết luận rằng lần tránh là yếu tố duy nhất dẫn đến hành vi của các nhà xuất khẩu. Ngược lại, nếu các yếu tố khác được xem xét, nhà xuất khẩu/sản xuất có thể luôn cho rằng quyết định kinh doanh của họ là các quyết định đầu tư và thương mại hợp pháp và do đó làm mất hiệu lực các quy định về chống lần tránh thuế.

Do đó, để xử lý vấn đề này cần có cách

tiếp cận phân tích tương đối. Có nghĩa là, cơ quan điều tra cần xem xét yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất trong quyết định kinh doanh này dẫn tới việc xu hướng thương mại thay đổi và liệu những yếu tố này có vai trò lớn hơn yếu tố lần tránh hay không. Rõ ràng là sẽ chứng minh là có hành vi lần tránh nếu mục đích lần tránh là lớn hơn. Mặc dù có thể khó để phân biệt vai trò của các yếu tố này trên thực tế do các tình huống kinh tế phức tạp, việc phân tích toán học kinh tế hiện đại có thể là một công cụ hữu ích.

(iii) Có bằng chứng về thiệt hại, hoặc bằng chứng rằng giảm hiệu quả của lệnh áp thuế về mặt giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự.

- Thiệt hại: EC mô tả điều kiện này như là một cuộc kiểm tra thiệt hại để đảm bảo rằng các quy định được sử dụng đúng cách, đúng vụ việc. Tuy nhiên, không phải phân tích đầy đủ về thiệt hại.

- Giảm hiệu quả của biện pháp: phát hiện về hành vi lần tránh thuế phải được chứng minh bằng các chứng cứ về việc hiệu quả khắc phục của thuế CBPG/CTC đang bị suy giảm về giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự. Thông thường EC tiến hành đánh giá tác động của cả giá và/hoặc lượng.

+ Lượng: Một thay đổi xu hướng thương mại về lượng nhập khẩu có thể chứng minh cho việc tác động khắc phục của thuế đã bị ngăn chặn về mặt lượng. Phân tích này một phần trùng với phân tích sự thay đổi về xu hướng thương mại, nghĩa là liên quan đến

sự gia tăng/thay thế bởi linh kiện nhập khẩu/sản phẩm thay đổi nhỏ/nhập khẩu thông qua nước thứ 3. Tuy nhiên, có đánh giá bổ sung về lượng hàng nhập khẩu bị thay thế, nghĩa là, nếu đủ nhiều để làm giảm tác động khắc phục của biện pháp được áp ban đầu (liên quan đến độ lớn và lượng tiêu thụ của thị trường EU). Có thể kết luận là hàng nhập khẩu làm giảm tác động khắc phục về lượng kể cả khi việc gia tăng hàng nhập khẩu sửa đổi/sản phẩm, linh kiện chuyển tải < sự suy giảm nhập khẩu sản phẩm liên quan bị áp thuế từ nước X (nước bị áp thuế).

+ Giá: Cách thức xác định sự suy giảm về mặt giá gần như giống nhau trong tất cả các vụ việc. EC tiến hành so sánh giá bán các sản phẩm bị điều tra lẫn tránh thuế tại EU với giá xuất khẩu không phá giá của sản phẩm trong cuộc điều tra ban đầu. Giá xuất khẩu không phá giá được tính toán dựa trên giá xuất khẩu thực tế tại biên giới EU như xác định trong cuộc điều tra ban đầu cộng với thuế hải quan và thuế CBPG. Sau đó xác định mức độ tác động hạ giá của sản phẩm lẫn tránh thuế so với giá không phá giá.

Tuy nhiên, một vấn đề cần lưu ý là: bằng chứng nào cần đưa ra để chỉ ra rằng tác động khắc phục của thuế đã bị giảm do giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự? Vấn đề này không được quy định chi tiết.

(iv) Có bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra

trước đó (CBPG), hàng hoá tương tự và/hoặc linh kiện của nó hưởng lợi ích từ trợ cấp có thể đối kháng (CTC)

Nhiều người hoài nghi rằng điều kiện này sẽ triệt tiêu mục tiêu điều tra chống lẫn tránh thuế nhanh. Mục tiêu của biện pháp chống lẫn tránh thuế là đấu tranh chống lại hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC đang áp dụng mà không phải đi sâu vào một vụ việc điều tra CBPG/CTC mới mất thời gian. Do đó, EC đã tránh tiến hành điều tra mới về phá giá/trợ cấp và thiệt hại.

Thay vào đó, đối với vụ chống lẫn tránh thuế CBPG, EC tính toán một mức giá được điều chỉnh để so sánh với trị giá thông thường được thiết lập trong cuộc điều tra chống bán phá giá ban đầu. Hai mức giá được so sánh và nếu giá của sản phẩm trong cuộc điều tra lẫn tránh thuế thấp hơn trị giá thông thường, EC kết luận có bằng chứng phá giá.

Nhiệm vụ quan trọng nhất trong phần điều tra này là chứng minh có phá giá mà không phải là tính toán biên độ phá giá chính xác (lý do là biên độ phá giá trong cuộc điều tra chống lẫn tránh thuế sẽ không được sử dụng là cơ sở để áp dụng biện pháp, thay vào đó mức thuế dựa trên biên độ phá giá từ cuộc điều tra ban đầu sẽ được mở rộng cho các sản phẩm lẫn tránh thuế). Giá xuất khẩu bình quân gia quyền sang EU trong thời kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế của sản phẩm bị điều tra từ nước thứ 3/sản phẩm thay đổi nhỏ được so sánh với trị giá thông thường bình quân gia quyền thiết lập



trong cuộc điều tra ban đầu.

EC cũng sẽ không xác định trị giá thông thường mới (tuy nhiên, trong vụ việc Dây thép và cáp bằng thép năm 2010, trị giá thông thường được xác định trong cuộc rà soát cuối kỳ đã được cập nhật để phản ánh sự thay đổi trong giá nguyên liệu thô). Tuy nhiên, với mục đích so sánh công bằng, EC sẽ điều chỉnh hợp lý giá xuất khẩu của hàng hoá liên quan với những sự khác biệt mà ảnh hưởng đến giá và sự so sánh được về giá (như thuế gián tiếp, chi phí bảo hiểm, vận chuyển) (trong trường hợp điều tra lẫn tránh thuế với bán thành phẩm hoặc linh kiện, bộ phận của hàng hoá liên quan).

Nếu cuộc điều tra chống lẫn tránh thuế được khởi xướng sau khi gia hạn biện pháp theo rà soát hoàng hôn (rà soát cuối kỳ trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp được 5 năm), thì sẽ sử dụng trị giá thông thường thiết lập trong cuộc rà soát trước đó.

Để đánh giá bằng chứng phá giá: loại trừ hàng xuất khẩu của công ty hợp tác trong cuộc điều tra mà được kết luận là không lẫn

tránh.

Đối với vụ điều tra chống trợ cấp, EC không cần phải chứng minh rằng trợ cấp được nhận tiếp tục có thể đối kháng, và cũng không cần tính lại mức trợ cấp/biên độ trợ cấp. Chỉ cần có bằng chứng thấy rằng một số chương trình trợ cấp được xác định trong cuộc điều tra ban đầu (mà có thể áp thuế) vẫn còn tồn tại là đủ.

## 2. Cơ quan điều tra của EU

Ủy ban châu Âu (European Commission- EC) là cơ quan hành pháp của Liên minh Châu Âu (EU), có chức năng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ (phòng vệ thương mại). EC được tổ chức thành các Tổng Vụ (Directorate General), mỗi Tổng Vụ chịu trách nhiệm về một lĩnh vực, có chức năng soạn thảo, đề xuất, áp dụng và quản lý các chính sách, luật pháp và các chương trình tài trợ của EU, trong đó lĩnh vực PVTM thuộc Tổng Vụ Thương mại (DG Trade).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Vụ Thương mại bao gồm 8 Vụ phụ trách chuyên môn



trong đó có một Vụ chuyên trách về Phòng vệ thương mại.

## **II. Một số vấn đề doanh nghiệp cần lưu ý**

- Quy định hiện hành của EU có định nghĩa về lẩn tránh (Điều 13.1 của Quy định 1036 về CBPG và Điều 23.3 của Quy định 1037 về CTC). Với quy định quét này, cơ quan điều tra có quyền rất lớn để áp dụng một biện pháp cụ thể đối với bất kỳ hành vi nào bị cáo buộc là lẩn tránh. Mặc dù Điều 13.1 và Điều 23.3 quy định rõ một số loại lẩn tránh (bao gồm thay đổi nhỏ sản phẩm, chuyển tải qua nước thứ 3, cấu trúc lại cách thức và kênh bán hàng; và riêng với Điều 13.1 có thêm hoạt động lắp ráp), rõ ràng là bất kỳ hành vi lẩn tránh nào khác, ngoài các hành vi nêu ở trên, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 13.1 và Điều 23.3, theo như lời văn của Điều này. Hơn nữa, lời văn của

Điều 13.1 và Điều 23.3 không rõ ràng do thiếu các tiêu chí hoặc hướng dẫn cụ thể về các loại lẩn tránh cụ thể. Tình huống này tồn tại mặc dù thực tế là tên của một số loại hành vi lẩn tránh đã được quy định tại lời văn Điều 13.1 và Điều 23.3. Việc thiếu các chi tiết cùng với thẩm quyền do quy định quét nêu ra đã khiến cho cơ quan điều tra có tầm kiểm soát không bị hạn chế trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh. Tuy nhiên, mặt khác, thẩm quyền không bị hạn chế này cũng cho phép một mức độ linh hoạt nhất định.

Điều này sẽ dẫn tới việc nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài sẽ dễ bị liên quan. Nếu xét sơ bộ thì quy định hiện tại của EU không mâu thuẫn trực tiếp với các nguyên tắc hiện tại của WTO. Do WTO không có quy định về chống lẩn tránh thuế, và do đó thiếu những tiêu chuẩn chi tiết để đánh giá



mặt được, chưa được của quy định EU.

- Quy định về hệ thống đăng ký cho phép áp thuế CBPG/CTC hồi tố trong trường hợp có lẫn tránh. Theo hệ thống này, hàng nhập khẩu có thể phải đăng ký sau khi có yêu cầu từ ngành sản xuất của EU mà có đủ bằng chứng để yêu cầu đăng ký, và việc mở rộng biện pháp CBPG/CTC do đó được áp dụng từ ngày mà áp dụng việc đăng ký. Tuy nhiên, luật không chỉ rõ là khi nào thì có thể đăng ký.

Hơn nữa, việc áp dụng hồi tố cũng mâu thuẫn với quy định AD hiện hành liên quan đến vấn đề hồi tố (chỉ hồi tố với rà soát nhà xuất khẩu mới theo Điều 9.5 ADA, nhập khẩu ở ạt hàng phá giá theo Điều 10.6 và 10.7 ADA)[18] hoặc nhập khẩu ở ạt hàng trợ cấp theo Điều 20.6 SCMA). Quy định hồi tố trong chống lẫn tránh thuế sẽ dẫn tới phạm vi áp hồi tố rộng hơn ADA, SCMA.

- Một vấn đề nữa là bên nào có nghĩa vụ cung cấp bằng chứng. Quy định EU ngầm hiểu rằng đó là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định có hành vi lẫn tránh. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu/sản xuất bị nghi ngờ trên thực tế thường bị yêu cầu cung cấp bằng chứng để chứng minh vô

tội. Nghĩa vụ cung cấp bằng chứng do đó đã bị chuyển từ cơ quan có thẩm quyền sang bị đơn. Do đó, bị đơn bị coi là có hành vi trước khi cơ quan điều tra ra kết luận, điều này là vi phạm quy định về pháp quyền.

- Thủ tục loại trừ: giống như thủ tục đăng ký, chủ yếu phụ thuộc vào quyền tự quyết của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, không có hướng dẫn chi tiết về thủ tục, thì có nguy cơ tiềm ẩn là cơ quan điều tra lạm dụng thủ tục này và do đó lạm dụng việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh thuế. Ngoài ra, thẩm quyền không hạn chế cũng có thể ảnh hưởng đến các nhà vận động chính sách xuất hiện khi xác định liệu việc loại trừ có nên được chấp nhận hay không. Có thể cơ quan điều tra sẽ phải xem xét và cân đối quyền lợi của các bên liên quan khác nhau. Khả năng do đó khiến cho Điều 13 (4) của quy định 2016/1036, Điều 23 (6) Quy định 2016/1037 (thủ tục loại trừ) và Điều 13(1) của Quy định 2016/1036, Điều 23 (1)-(3) Quy định 2016/1037 (quy định chung) và Điều 13(2) của Quy định 2016/1036 (hoạt động gia công) cho phép EC có cơ hội để ‘sửa sai’ cho những quyết định về lẫn tránh của mình, điều này được coi như là một van an toàn cho EU khi xử lý các mối quan hệ với những đối tác chính của họ. Thủ tục loại trừ tại quy định chống lẫn tránh thuế hiện hành của EU cho phép một số hàng nhập khẩu/nhà nhập khẩu/nhà sản xuất nước ngoài có thể thoát khỏi biện pháp chống lẫn tránh thuế. Mặc dù vậy, quan ngại về thủ tục này là việc cơ quan có thẩm quyền có



thể xác định như thế nào về việc liệu việc miễn trừ nên được áp cho một số bên liên quan trong vụ điều tra chống lẩn tránh thuế, mà không có tiêu chí cụ thể quy định. Vấn đề này do đó dẫn đến quan ngại rằng liệu cơ quan điều tra có thẩm quyền quá rộng hay không.

- Một quan ngại nữa liên quan đến quy định của EU về chống lẩn tránh thuế là liệu những quy định này có quan hệ gì với Điều 12 ‘quy định về việc chống bị thất thu thuế CBPG của Quy định 2016/1036 (không có quy định tương ứng về CTC).

Điều 12 (1) xác định hành vi: sau giai đoạn điều tra ban đầu và trước hoặc sau khi áp biện pháp, giá xuất khẩu đã giảm hoặc không có sự thay đổi, hoặc sự thay đổi là không đủ trong giá bán lại hoặc giá bán sau đó của sản phẩm nhập khẩu tại EU. Quy định này liên quan đến tình hình khi các nhà xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp chịu thuế CBPG ban đầu, do đó, giảm giá xuất khẩu hoặc dẫn tới việc không có sự thay đổi

(tăng giá bán lại) hoặc tăng giá không đủ. Hành vi này do các nhà xuất khẩu thực hiện và được gọi là hành vi hấp thu thuế. Theo đó, nhà xuất khẩu có xu hướng giảm giá xuất khẩu mà đáng lẽ phải tăng giá sau khi bị áp thuế CBPG bằng cách hấp thu khoản thuế đó. Biên độ phá giá, mà được tính là sự chênh lệch giữa giá xuất khẩu và trị giá thông thường của sản phẩm, do đó đã gia tăng. Do mục đích của thuế CBPG (được tính toán dựa trên biên độ phá giá) là để giá xuất khẩu tăng thông qua việc áp thuế, do đó làm giảm hoặc loại bỏ biên độ phá giá, đã khiến cho thuế CBPG trở nên vô hiệu. Kết quả là, EU quy định có thể áp một khoản thuế CBPG để bù lại khoản thuế đáng nhẽ nhà nhập khẩu phải trả nhưng trên thực tế lại không phải trả do nhà xuất khẩu đã hạ giá bán. Do đó, biên độ phá giá có thể được tính toán lại để áp thuế CBPG bổ sung.

Mối quan hệ giữa Điều 12 và Điều 13 liên quan đến câu hỏi: Liệu Điều 12 có thể

được áp cho các khoản thuế áp theo Điều 13. Giả sử một hoạt động gia công được bắt đầu sau khi áp thuế chống bán phá CBPG. Điều này dẫn tới một lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) được áp với hàng hóa lắp ráp hoặc linh kiện theo Điều 13. Nếu thuế CBPG ban đầu sau đó được hấp thu bởi nhà xuất khẩu, một mức thuế CBPG bổ sung, theo Điều 12, sẽ được áp với sản phẩm. Câu hỏi sẽ được chuyển thành liệu khoản thuế CBPG được mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) có cần tính toán lại.

Quy định tương ứng không chỉ rõ là Điều 12 có nằm ngoài phạm vi Điều 13 hay không. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng áp dụng Điều 12 cho Điều 13 là không phù hợp. Điều này là do lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) được thiết kế để ngăn cản hành vi lẩn tránh và do đó không cần thiết để tính toán lại biên độ phá giá và áp một lệnh áp thuế mở rộng bổ sung (biện pháp chống lẩn tránh thuế) nếu biện pháp chống lẩn tránh thuế ban đầu là đủ để ngăn chặn lẩn tránh.

Ngoài ra, 2 vấn đề thực tiễn cũng liên quan đến phần này. Thay đổi giá của sản phẩm lắp ráp chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố và hành vi hấp thu thuế của nhà xuất khẩu có thể chỉ là một trong các yếu tố đó góp phần vào sự thay đổi không đủ/không thay đổi này. Một quan ngại khác là việc thiếu giá phù hợp để so sánh, do đó tính toán lại biên độ phá giá khi việc xuất khẩu toàn bộ sản phẩm đã bị thay thế bằng các

linh kiện.

Giống Điều 13 (biện pháp chống lẩn tránh), Điều 12 (biện pháp chống hấp thu thuế) cũng khẳng định rằng việc thực thi luật CBPG là hiệu quả.

- Một nhận xét nữa liên quan đến quy định hiện hành của EU về chống lẩn tránh thuế là không có cam kết giá. Theo quy định CBPG/CTC thông thường, 3 loại biện pháp, bao gồm biện pháp thuế tạm thời, biện pháp thuế chính thức và cam kết giá (với trợ cấp là cam kết giá hoặc cam kết loại bỏ hành vi trợ cấp) được áp để bù đắp những thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất trong nước do hành vi phá giá/trợ cấp. Một cam kết giá do đó là một cam kết tự nguyện từ nhà xuất khẩu để thay đổi giá hoặc dừng xuất khẩu sang nước nhập khẩu với giá phá giá/giá trợ cấp. Do đó, CQĐT sẽ chấp nhận cam kết và trì hoãn hoặc chấm dứt vụ việc CBPG/CTC mà không áp biện pháp tạm thời hoặc thuế CBPG/CTC nếu đáp ứng yêu cầu rằng thiệt hại do phá giá/trợ cấp gây ra đã được loại bỏ. Theo quy định trước đây của EU vào những năm 1980, cam kết giá là một trong những biện pháp được quy định cho chống lẩn tránh thuế. Theo đó, nhà xuất khẩu có thể đề nghị cam kết giá để được miễn khỏi bị áp biện pháp chống lẩn tránh khi có dự kiến rằng sẽ có kết luận khẳng định về việc lẩn tránh thuế. Tuy nhiên quy định hiện hành lại không có quy định về cam kết giá như là một biện pháp khác phục cho hành

## Quy trình điều tra chống lẩn tránh thuế của EU

### Bước 1. Khởi xướng điều tra và đăng ký nhập khẩu

#### (i) Khởi xướng điều tra

- Dựa trên đơn yêu cầu: Sau khi đơn yêu cầu được nộp tới CQĐT (bởi một nước thành viên hoặc nhà sản xuất EU), EC sẽ xem xét đơn yêu cầu và quyết định khởi xướng trong trường hợp kiểm tra thấy rằng có chứng cứ đủ để chứng minh hành vi lẩn tránh thuế (5 điều kiện). Trong trường hợp nhà sản xuất EU nộp đơn, không cần đáp ứng yêu cầu về tính đại diện (standing) như trong cuộc điều tra ban đầu và rà soát cuối kỳ. Việc khởi xướng điều tra phải được thực hiện chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu điều tra.

- Tự khởi xướng: EC có thể tự khởi xướng nếu thấy cần thiết.

EC có trách nhiệm phải thông báo cho các nước thành viên khi nhận được đơn yêu cầu khởi xướng/tự khởi xướng. Ủy ban tư vấn về chống bán phá giá và chống trợ cấp (Advisory Committee) bao gồm đại diện của các nước thành viên EU sẽ được tham vấn trước khi EC khởi xướng điều tra.

Thông báo khởi xướng điều tra được đăng trên Công báo của EU.

(ii) Đăng ký nhập khẩu: Theo Điều 13(4) và Điều 14(5) Luật chống bán phá giá và Điều 23(3), 24(5) Luật chống trợ cấp.

Vào thời điểm khởi xướng điều tra chống lẩn tránh, hàng hóa nhập khẩu bị điều tra phải được đăng ký nhập khẩu (bởi nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu nếu hành vi lẩn tránh bị cáo buộc được thực hiện tại EU) (hoặc có thể yêu cầu bảo lãnh). EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, hướng dẫn cơ quan hải quan về việc đăng ký hoặc đảm bảo cho hàng nhập khẩu. ‘Hệ thống đăng ký’ nhằm mục đích đưa ra ngày cụ thể để áp thuế chống lẩn tránh.

Trong hầu hết các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế, ngay cả trong các vụ việc do EC tự khởi xướng, việc đăng ký nhập khẩu được thực hiện đồng thời với thời gian khởi xướng điều tra nhằm đảm bảo việc truy thu thuế, trong trường hợp hành vi lẩn tránh thuế được xác định. Việc đăng ký có thể chỉ giới hạn ở một phần của sản phẩm bị điều tra (ví dụ trong vụ Xe đạp từ Trung Quốc, cuộc điều tra chống lẩn tránh liên quan đến một số bộ phận nhưng việc đăng ký chỉ giới hạn ở 4 bộ phận chính). Có thể yêu cầu *loại trừ đăng ký* trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cần có bằng chứng đầy đủ để đăng ký cho hàng nhập khẩu. EC sẽ xem xét liệu việc đồng ý cho đăng ký, dựa trên yêu cầu từ ngành sản xuất trong nước, có cần thiết hay không khi xác định việc khởi xướng điều tra chống lẩn tránh. EC sau đó sẽ công bố quy

định chỉ ra mục đích của việc đăng ký và khoản tiền dự tính phải nộp. Việc đăng ký thông thường không dài hơn 9 tháng.

## Bước 2. Bản câu hỏi điều tra

### (i) Gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng, EC phải gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan. Thời hạn các bên liên quan gửi bản trả lời: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cơ quan điều tra có thể chọn mẫu để điều tra hoặc có thể không chọn mẫu mà điều tra tất cả các nhà sản xuất/xuất khẩu. Trong trường hợp không chọn mẫu, tất cả các nhà sản xuất đều phải tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra nếu muốn đạt được kết quả tích cực.

Thời hạn gửi bình luận, yêu cầu tổ chức phiên điều trần: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Các bên liên quan muốn được tham gia vào cuộc điều tra (các nhà xuất khẩu và nhập khẩu) có thể tự trình báo với EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và yêu cầu được gửi và trả lời bản câu hỏi điều tra. Các bên liên quan này cũng phải nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và có thể yêu cầu tổ chức phiên điều trần trong thời gian này. EC sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ với các bên này. EC sẽ gửi một bản báo cáo điều tra cho các bên này và họ sẽ có cơ hội bình luận.

Bên nộp đơn yêu cầu điều tra không phải trả lời bản câu hỏi điều tra.

### (ii) Nộp đơn xin hưởng loại trừ

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ được quy định tại Điều 13(4) của Luật chống bán phá giá và Điều 23(3) của Luật chống trợ cấp.

Trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra, các bên liên quan có quyền nộp đơn xin hưởng loại trừ (kể cả đề nghị loại trừ đăng ký) cùng với các bằng chứng chứng minh sản phẩm của họ không lẫn tránh thuế ban đầu. Việc loại trừ là cho từng công ty.

Yêu cầu loại trừ có thể được thực hiện bởi:

- nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu, nhà lắp ráp hoặc trong một số trường hợp đặc biệt là các công ty thương mại (nếu hành vi lẫn tránh thuế được thực hiện trên lãnh thổ EU).

nhà sản xuất xuất khẩu ở nước X (nước bị áp thuế) hoặc nước thứ 3 (nếu hành vi lẫn tránh thuế được thực hiện ngoài EU).

Việc loại trừ được cấp cho các nhà sản xuất nước ngoài của sản phẩm bị nghi ngờ mà không liên quan đến bất kỳ nhà sản xuất nào đang chịu lệnh áp thuế và không tiến hành hành vi lẫn tránh hoặc cho nhà nhập khẩu mà không liên quan tới nhà sản xuất đang chịu lệnh áp thuế.

Một nhà xuất khẩu mới có thể xin miễn trừ sau cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế theo “nguyên tắc rà soát nhà xuất khẩu mới”.

Trong trường hợp việc loại trừ được cấp cho một công ty trong quá trình điều tra, công ty này sẽ không phải trả thuế mở rộng trong tương lai và việc đăng ký nhập khẩu của công ty này cũng kết thúc mà không phải đóng thuế hồi tố.

Cần lưu ý rằng việc loại trừ cũng có thể bị bác bỏ nếu EC phát hiện ra rằng bên được loại trừ đang lẩn tránh thuế hoặc vi phạm các nghĩa vụ của họ. Trường hợp ngoại lệ, vụ Coumarin từ Trung Quốc: nhà xuất khẩu Ấn Độ nhập khẩu coumarin từ Trung Quốc, làm sạch và xuất khẩu sang EU. Bên cạnh đó, nhà xuất khẩu này cũng sản xuất coumarin ở Ấn Độ và xuất khẩu sang EU. Do việc xác định nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm (Trung Quốc hay Ấn Độ) là khó khăn và do sản phẩm có thể có nấm, EC đã chấp nhận cam kết giá và công ty có thể bán sản phẩm xuất xứ Ấn Độ với mức giá trần nhất định (dựa trên lượng xuất khẩu trong thời kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế) mà không phải nộp thuế chống lẩn tránh. Ngoài ra, công ty cũng không bị áp thuế hồi tố dù phải đăng ký.

Công ty xin hưởng loại trừ cũng phải trả lời một bản câu hỏi điều tra và phải tham gia thẩm tra (nếu cần thiết).

Đơn đề nghị loại trừ phải được nộp trong khoảng thời gian quy định tại thông báo khởi xướng điều tra. EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, sẽ xác định liệu việc loại trừ đó có được phép trong giai đoạn đăng ký. Tuy nhiên, quyền đưa ra kết luận này sẽ được EC thực hiện nếu đơn kiện được nộp trong giai đoạn áp thuế.

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ cũng có thể được thực hiện sau khi áp thuế chống lẩn tránh (mở rộng áp thuế CBPG/CTC) (đối với các doanh nghiệp không xuất khẩu trong thời kỳ điều tra và các doanh nghiệp khác). Nếu được cấp loại trừ, thuế không được thu từ ngày yêu cầu loại trừ.

Trong trường hợp loại trừ được cấp, hàng nhập khẩu từ nhà xuất khẩu được loại trừ sẽ không phải nộp thuế nếu có hoá đơn thương mại hợp lệ bao gồm tất cả các yếu tố mà EC thường yêu cầu tại Phụ lục quyết định mở rộng biện pháp (tên công ty, mô tả chính xác hàng hoá, xác nhận bởi công ty là hàng do chính công ty sản xuất).

Sau một năm kể từ khi áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế, và trong trường hợp số lượng các bên yêu cầu hoặc có thể yêu cầu loại trừ là nhiều đáng kể, EC có thể khởi xướng rà soát chống lẩn tránh thuế và phải kết thúc trong 15 tháng. Khi đó, EC điều tra xem liệu hành vi lẩn tránh có đang tiếp tục và cũng phải kiểm tra các phép thử (60% và 25%) như cuộc điều tra lẩn tránh ban đầu. Bên cạnh đó, EC cũng xem xét liệu việc không tồn tại hành vi lẩn tránh có phải là mang bản chất lâu dài.

### Bước 3. Thẩm tra tại chỗ

Các nhà xuất khẩu/nhập khẩu sau khi nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra sẽ tham gia cuộc thẩm tra tại chỗ (thời gian theo sắp xếp của EC).

### Bước 4. Ban hành báo cáo cuối cùng

Sau khi EC công bố báo cáo cuối cùng, các bên liên quan được quyền bình luận.

### Bước 5. Kết luận cuối cùng (trong vòng 9 tháng kể từ ngày khởi xướng)

- Kết luận cuối cùng *phủ định* (không có hành vi lẩn tránh thuế): các doanh nghiệp được tiếp tục xuất khẩu vào EU theo biểu thuế quan thông thường.

- Kết luận cuối cùng *khẳng định* (có hành vi lẩn tránh thuế): thuế CBPG/CTC đang áp với nước bị điều tra trong vụ việc ban đầu được mở rộng sang nước bị điều tra chống lẩn tránh thuế kể từ ngày đăng kí nhập khẩu.

Mức thuế chống lẩn tránh (theo Điều 13.1 quy định về phá giá và Điều 23.1 quy định về chống trợ cấp): nếu kết luận có hành vi lẩn tránh, mức thuế cao nhất có thể áp là mức thuế “dành cho các nhà xuất khẩu khác” áp trong cuộc điều tra ban đầu với hàng nhập khẩu từ nước X. Trong trường hợp lẩn tránh bởi công ty có mức thuế riêng rẽ thấp thì công ty lẩn tránh sẽ phải chịu mức thuế chung và không còn được lợi từ mức thuế riêng rẽ. Trong trường hợp nhập khẩu linh kiện, thuế sẽ được áp cho trị giá của các linh kiện nhập khẩu bởi công ty gia công, lắp ráp.

Không có giới hạn thời gian đối với việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế (thông thường biện pháp chống lẩn tránh thuế chấm dứt nếu biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp ban đầu hết hiệu lực).

- **Rà soát:** Nếu EC kết luận trong kết quả rà soát điều tra thuế CBPG/CTC (rà soát giữa kỳ hoặc rà soát cuối kỳ, hoặc kết hợp rà soát giữa kỳ và cuối kỳ) cho thấy thuế CBPG/CTC hiện tại cần được giữ nguyên/sửa đổi, thì thuế chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC sẽ được giữ nguyên/sửa đổi tương ứng. Việc rà soát biện pháp chống lẩn tránh thuế sẽ được tiến hành sau ít nhất 1 năm. Không có rà soát cuối kỳ biện pháp chống lẩn tránh thuế.

**Nhận xét:** Mặc dù quy định là thủ tục của một vụ điều tra CBPG/CTC có thể được áp với một vụ điều tra chống lẩn tránh thuế, nhưng hai loại điều tra này cũng có các quy định khác nhau, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra. Điều tra phá giá/trợ cấp và điều tra thiệt hại được tiến hành riêng rẽ trong một vụ điều tra CBPG/CTC. Tuy nhiên, điều tra chống lẩn tránh thuế tập trung vào việc liệu hành vi lẩn tránh có đã xảy ra hay không.

## Các hình thức lẫn tránh phổ biến mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý

**T**rong bối cảnh thương mại quốc tế liên tục biến động và các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) ngày càng được áp dụng rộng rãi, Việt Nam nổi lên như một trong những quốc gia có nguy cơ cao bị EU chú ý trong các cuộc điều tra chống lẫn tránh. Điều này không phải ngẫu nhiên, mà xuất phát từ sự giao thoa giữa nhiều yếu tố cấu trúc của nền kinh tế Việt Nam, bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và chính sách thương mại ngày càng chặt chẽ của EU. Ba nguyên nhân lớn dưới đây giúp giải thích vì sao doanh nghiệp Việt Nam – dù không có ý định gian lận – vẫn có thể rơi vào tâm điểm của các cuộc điều tra.

*Việt Nam là điểm đến FDI lớn và đóng vai trò công xưởng lắp ráp trong chuỗi cung ứng toàn cầu*

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam liên tục thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt từ các quốc gia đang bị EU hoặc Hoa Kỳ áp dụng biện pháp PVTM như Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ hoặc Malaysia. Hàng loạt tập đoàn trong các ngành thép, gỗ, dệt may, da giày, điện tử, đồ nội thất... đã dịch chuyển nhà máy sang Việt Nam để tận dụng môi trường kinh doanh thuận lợi, nhân công cạnh tranh và vị trí địa lý gần các chuỗi cung ứng trọng điểm châu Á.



Sự dịch chuyển này mang lại lợi thế phát triển lớn cho Việt Nam, nhưng cũng đặt doanh nghiệp trong nước vào một môi trường rủi ro mới. Khi EU áp thuế chống bán phá giá (AD) hoặc chống trợ cấp (CVD) lên một quốc gia nào đó, các doanh nghiệp của nước chịu thuế sẽ tìm cách duy trì thị trường bằng việc chuyển hoạt động sang nước thứ ba – và Việt Nam trở thành điểm đến lý tưởng. Nếu sản phẩm được hoàn thiện hoặc lắp ráp đơn giản tại Việt Nam nhưng bản chất vẫn dựa vào nguyên liệu hoặc thiết kế từ quốc gia đang bị áp thuế, EU có thể nghi ngờ rằng doanh nghiệp đang cố tình chuyển tải hoặc lẫn tránh thuế thông qua Việt Nam.

Điều này đặc biệt đúng với các mô hình FDI “nhanh – gọn – lắp ráp”, nơi giá trị gia tăng tạo ra ở Việt Nam không đáng kể, khiến EU đặt câu hỏi liệu Việt Nam có thực sự là nơi sản xuất cuối cùng hay chỉ là điểm trung chuyển. Ngay cả doanh nghiệp Việt

Nam chân chính cũng có thể bị kéo vào một cuộc điều tra nếu vô tình tham gia chuỗi cung ứng chứa nguyên liệu từ các quốc gia bị áp thuế.

*Xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng mạnh trong các ngành nhạy cảm PVTM*

Một nguyên nhân quan trọng khác khiến Việt Nam nằm trong sự chú ý của EU là sự tăng trưởng xuất khẩu vượt bậc vào thị trường này trong những ngành vốn là trọng điểm của các biện pháp PVTM. Các lĩnh vực như thép, gỗ, đồ nội thất, dệt may, da giày, điện tử, pin năng lượng, đều là những nhóm sản phẩm EU giám sát chặt chẽ và thường xuyên áp dụng chống bán phá giá, chống trợ cấp hoặc chống lẩn tránh.

Khi kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang EU tăng mạnh đúng vào thời điểm EU đang áp thuế với nước khác, cơ quan điều tra rất dễ nghi ngờ rằng có một phần dòng hàng bị chuyển hướng qua Việt Nam. Điều này xảy ra ngay cả khi sự tăng trưởng xuất khẩu là hoàn toàn hợp pháp và hợp lý về kinh tế. Ví dụ, trong ngành thép, khi EU áp thuế với Indonesia hoặc Trung Quốc, nhập khẩu từ Việt Nam tăng nhanh có thể bị xem là dấu hiệu của việc lắp ráp đơn giản hoặc tái xuất nguyên liệu có nguồn gốc từ nước bị áp thuế.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn vận hành theo mô hình nhập khẩu nhiều loại nguyên liệu từ nhiều thị trường khác nhau, sau đó xuất khẩu sản phẩm cuối cùng. Nếu doanh nghiệp không chứng minh được tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa đủ lớn,

hoặc không có hệ thống truy xuất nguồn gốc chặt chẽ, EU sẽ có cơ sở nghi ngờ sản phẩm Việt Nam thực chất mang yếu tố đầu vào từ nước đang chịu biện pháp PVTM.

Tóm lại, mức độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh trong các ngành nhạy cảm khiến Việt Nam dễ rơi vào tầm theo dõi, bất kể doanh nghiệp có chủ đích lẩn tránh hay không.

*Cơ quan PVTM Việt Nam nhiều lần cảnh báo về xu hướng EU gia tăng kiểm soát lẩn tránh và xuất xứ*

Trong những năm gần đây, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) đã liên tục cảnh báo doanh nghiệp về rủi ro gia tăng các vụ điều tra chống lẩn tránh của EU. Lý do là EU không chỉ quan tâm đến hành vi phá giá hay trợ cấp, mà còn tập trung vào việc bảo vệ hiệu lực của những biện pháp đã áp dụng. Điều này khiến các cuộc điều tra chống lẩn tránh trở nên phổ biến hơn và trải rộng trên nhiều ngành.

Trong những năm gần đây, Liên minh châu Âu đã tăng cường đáng kể mức độ giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt trong bối cảnh các biện pháp chống lẩn tránh trở thành công cụ trọng yếu nhằm bảo vệ hiệu lực của phòng vệ thương mại. Một trong những thay đổi quan trọng nhất là việc EU thường xuyên áp dụng **cơ chế đăng ký nhập khẩu** ngay từ giai đoạn khởi xướng điều tra, cho phép Ủy ban châu Âu có thể áp thuế hồi tố đối với các lô hàng đã nhập khẩu trong thời gian điều tra nếu sau này xác định có hành vi lẩn tránh. Đây là biện pháp mang tính răn đe rất lớn vì ngăn

doanh nghiệp tranh thủ “chạy hàng” trước thời điểm ra quyết định thuế.

Bên cạnh đó, EU ngày càng linh hoạt trong việc **mở rộng biện pháp sang nước thứ ba**, không chỉ dừng lại ở quốc gia bị áp thuế ban đầu. Điều này có nghĩa là nếu hàng hóa bị nghi tái xuất hoặc trải qua gia công không đáng kể tại một nước trung gian – bao gồm cả Việt Nam – EU hoàn toàn có thể mở rộng phạm vi áp thuế sang các quốc gia này để bịt mọi tuyến đường lẫn tránh có thể xảy ra.

Song song với đó, EU triển khai nhiều **chiến dịch kiểm tra chứng từ xuất xứ** với tần suất ngày càng dày đặc. Các cơ quan hải quan nội khối cũng **phối hợp chặt chẽ** hơn trong việc chia sẻ dữ liệu, rà soát bắt thường và kiểm chứng tính xác thực của CO, hóa đơn, chứng từ logistics. Đặc biệt, xu hướng mới là EU đẩy mạnh **ứng dụng dữ liệu lớn** để phân tích bất thường trong dòng chảy thương mại, giúp phát hiện nhanh các thay đổi bất thường về sản lượng, giá cả và tuyến vận chuyển.

Những động thái này cho thấy EU đang xây dựng một hệ thống chống lẫn tránh ngày càng hiện đại, đa lớp và khó “qua mặt”, đặt ra yêu cầu cao hơn cho doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường này. Một thực tế đáng lưu ý là nhiều doanh nghiệp Việt Nam có thể vô tình rơi vào diện nghi ngờ lẫn tránh của EU chỉ vì những hạn chế nội tại trong quản trị sản xuất và xuất nhập khẩu.

+ Trước hết, **hồ sơ xuất xứ không nhất**

**quán** là một trong những điểm yếu phổ biến nhất. Điều này thường xuất phát từ việc doanh nghiệp lưu trữ chứng từ thiếu khoa học, hoặc cập nhật thay đổi nguyên liệu không đầy đủ, dẫn đến các bộ chứng từ CO, invoice, packing list, tờ khai nhập – xuất chứa thông tin không đồng nhất. Chỉ cần một sai lệch nhỏ, EU hoàn toàn có thể xem đây là dấu hiệu của hành vi che giấu nguồn gốc.

+ Tiếp theo, **chuỗi cung ứng thiếu minh bạch** cũng khiến doanh nghiệp gặp rủi ro lớn. Nhiều doanh nghiệp nhập nguyên liệu từ nhiều nguồn khác nhau mà không phân tách rõ lô hàng, tỷ lệ sử dụng hoặc mục đích sản xuất. Khi EU yêu cầu chứng minh dòng chảy nguyên liệu, doanh nghiệp rất dễ lúng túng do không có hệ thống quản trị dữ liệu đầy đủ, tạo ra ấn tượng rằng sản phẩm có thể mang thành phần từ nước bị áp thuế.

+ Thêm vào đó, **thay đổi mô hình thương mại đột ngột**, chẳng hạn tăng đột biến lượng xuất khẩu sang EU chỉ trong thời gian ngắn, cũng khiến EU cảnh giác. Dù sự tăng trưởng có thể hoàn toàn hợp pháp, cơ quan điều tra vẫn có thể xem đây là dấu hiệu doanh nghiệp đang “đón dòng chuyển tải” từ quốc gia bị áp thuế.

+ Rủi ro còn tăng cao nếu doanh nghiệp **nhập nhiều nguyên liệu từ nước đang bị EU áp thuế**, đặc biệt trong các ngành thép, gỗ, hóa chất và linh kiện. Nếu doanh nghiệp không chứng minh được giá trị gia tăng tại Việt Nam đủ lớn, EU có thể cho rằng hàng hóa chỉ được lắp ráp hoặc gia công tối

thiếu.

Cuối cùng, **tỷ lệ giá trị gia tăng thấp** luôn là yếu tố nhạy cảm. Một quy trình sản xuất mà phần lớn giá trị nằm ở nguyên liệu nhập khẩu từ nước chịu thuế rất dễ bị EU coi là lẩn tránh theo bản chất kinh tế, bất kể hàng hóa mang nhãn “xuất xứ Việt Nam”.

Như vậy, doanh nghiệp Việt Nam dễ bị liên quan đến các biện pháp chống lẩn tránh của EU do kết hợp nhiều yếu tố: Việt Nam là điểm đến FDI hấp dẫn dẫn đến nguy cơ bị xem là điểm trung chuyển; xuất khẩu sang EU tăng nhanh trong các ngành nhạy cảm; và EU đang siết chặt giám sát xuất xứ cùng lộ trình tăng cường biện pháp chống lẩn tránh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách rằng doanh nghiệp phải hiểu rõ rủi ro, chủ động xây dựng hệ thống quản trị xuất xứ minh bạch và nâng cao giá trị gia tăng nội địa để tự bảo vệ mình trước các cuộc điều tra ngày càng phức tạp từ EU.

## **II. Các hình thức lẩn tránh phổ biến mà doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu ý**

### **1. Chuyển tải qua Việt Nam từ nước đang bị EU áp thuế**

#### **(a) Bản chất**

Bản chất của hình thức lẩn tránh thông qua chuyển tải qua Việt Nam nằm ở chỗ hàng hóa từ quốc gia đang bị EU áp dụng thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp không đi trực tiếp vào thị trường EU, mà được đưa sang Việt Nam như một “điểm trung chuyển”. Tại đây, hàng hóa chỉ trải qua một số công đoạn rất hạn chế – thậm

chí hầu như không có hoạt động sản xuất thực chất – rồi được tái xuất sang EU dưới nhãn “xuất xứ Việt Nam”. Về mặt hình thức, hàng hóa mang nhãn xuất xứ khác với nước bị áp thuế ban đầu; nhưng về bản chất kinh tế, giá trị cốt lõi của sản phẩm vẫn nằm ở quốc gia chịu thuế. Sự khác biệt giữa “hình thức sản xuất” và “bản chất sản phẩm” chính là điểm khiến EU đặc biệt cảnh giác.

Điều khiến hành vi này trở thành lẩn tránh là ở chỗ doanh nghiệp không tạo ra giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam. Các công đoạn như đóng gói, phân loại, cắt gọt đơn giản, lắp ráp bề mặt hoặc hoàn thiện kỹ thuật nhỏ lẻ không đủ để tạo ra sự biến đổi căn bản về sản phẩm theo chuẩn mực xuất xứ của EU. Nói cách khác, sản phẩm dù đi qua Việt Nam vẫn mang “linh hồn kinh tế” của nước bị áp thuế. EU coi đây là cách “mượn danh xuất xứ” để tránh nghĩa vụ thuế hơn là hoạt động sản xuất chân thực.

Bản chất thứ hai của hình thức này là nó gây ra sự thay đổi bất thường trong mô hình thương mại: ngay lập tức sau khi EU áp thuế lên nước A, lượng hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang EU tăng mạnh dù năng lực sản xuất trong nước không tăng tương ứng. Sự thay đổi này thường được EU xem là dấu hiệu mạnh mẽ của hành vi chuyển tải.

Tóm lại, chuyển tải qua Việt Nam là hành vi lẩn tránh vì nó lợi dụng Việt Nam như một trạm trung chuyển, che giấu nguồn gốc thật của hàng hóa và không tạo ra giá trị sản xuất nội địa đủ lớn, khiến EU coi

đây là nỗ lực né thuế chứ không phải giao dịch thương mại hợp pháp.

### **(b) Vụ việc minh họa**

#### **Vụ việc thép không gỉ cán nguội từ Indonesia qua Việt Nam:**

Tháng 11 năm 2023, EC khởi xướng điều tra chống lẩn tránh với SSCR từ Việt Nam, Đài Loan – Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ vì nghi dùng thép tấm/slab từ Indonesia, chỉ gia công hạn chế rồi xuất sang EU. EC đã phát hiện rằng sau khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với SSCR xuất khẩu từ Indonesia, đã xuất hiện sự chuyển hướng đáng kể của dòng hàng hóa: các sản phẩm thép tấm hoặc thép cán nóng từ Indonesia, vốn đang chịu thuế, được gửi sang Đài loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam, nơi chỉ thực hiện một số công đoạn gia công hoặc hoàn thiện rất hạn chế rồi được tái xuất sang Liên minh châu Âu dưới nhãn xuất xứ của Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Việt Nam.

Điều tra của EC ghi nhận rằng trong các trường hợp này, phần lớn giá trị sản phẩm vẫn bắt nguồn từ Indonesia (trên 60 % giá



trị sản phẩm cuối cùng vẫn giữ nguyên), trong khi giá trị gia tăng ở nước trung gian thấp hơn 25 % chi phí sản xuất. Dựa trên bằng chứng này, EC khởi xướng điều tra chống lẩn tránh vào tháng 11 năm 2023 theo Quy định 2023/1632 của EU, áp dụng cho các lô hàng thép không gỉ cán nguội từ Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam và thực hiện cơ chế đăng ký nhập khẩu từ các nước này nhằm có thể thu hồi thuế hồi tố.

Sau đó, vào ngày 7 tháng 5 năm 2024, EC thông báo các biện pháp: áp mức thuế chống bán phá giá là 19.3 % và thuế chống trợ cấp 20.5 % đối với các sản phẩm thép không gỉ cán nguội từ Việt Nam và Đài Loan (Trung Quốc), và kiểm soát chặt chẽ hơn đối với Thổ Nhĩ Kỳ.

Vụ việc này là minh chứng rõ ràng cho thấy EU đang theo dõi rất sát các dòng hàng từ các nước trung gian có thể bị dùng để lẩn tránh thuế. Đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thép không gỉ cán nguội hoặc tham gia chuỗi cung ứng với loại sản phẩm này, cần phải đặc biệt cẩn trọng về nguồn nguyên liệu, tỷ lệ giá trị gia tăng, chuỗi sản xuất và chứng từ xuất xứ. Nếu doanh nghiệp dùng nguyên liệu từ Indonesia hoặc quốc gia đang bị EU áp thuế, hoặc chỉ thực hiện lắp ráp đơn giản mà không tạo ra giá trị đáng kể, thì nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh và áp thuế cao là rất lớn. Việc chủ động minh bạch và lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ có thể giúp doanh nghiệp tránh rủi ro bị liệt vào diện “lẩn

tránh” – và từ đó giúp bảo vệ khả năng tiếp cận thị trường EU bền vững hơn.

### **(c) Bài học cho DN Việt Nam**

Một trong những bài học quan trọng nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh EU đẩy mạnh điều tra chống lẩn tránh, là phải vô cùng thận trọng khi nhập nguyên liệu hoặc bán thành phẩm từ các quốc gia đang bị EU áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp. Việc sử dụng nguyên liệu từ những nước này không tự động đồng nghĩa với lẩn tránh, nhưng nó luôn khiến doanh nghiệp rơi vào vùng rủi ro cao, bởi cơ quan điều tra EU sẽ xem đây là dấu hiệu tiềm ẩn của hành vi chuyển tải. Khi phần lớn giá trị của sản phẩm xuất khẩu sang EU lại đến từ nguyên liệu nhập khẩu đang chịu thuế, khả năng bị nghi ngờ là rất lớn, bất kể doanh nghiệp không có chủ ý gian lận. Chính vì vậy, sự thận trọng từ bước đầu tiên trong chuỗi cung ứng là yếu tố bắt buộc.

Điều quan trọng thứ hai là doanh nghiệp phải xây dựng và duy trì hồ sơ chứng minh giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam, thay vì chỉ thực hiện các công đoạn gia công hoặc lắp ráp đơn giản. Giá trị gia tăng thực chất ở đây không chỉ là tỷ lệ phần trăm đóng góp vào giá thành sản phẩm, mà còn bao gồm độ “sâu” của quy trình sản xuất: từ thiết kế, xử lý nguyên liệu, công đoạn kỹ thuật, đến đóng gói và hoàn thiện. EU luôn phân biệt rõ giữa sản xuất thật, nơi có sự biến đổi căn bản về tính chất sản phẩm và

các hoạt động mang tính hình thức, ví dụ như cắt, phân loại, phủ lớp bề mặt hoặc ráp nối đơn giản. Nếu doanh nghiệp không chứng minh được quá trình sản xuất có chiều sâu và tương xứng với giá trị tạo ra tại Việt Nam, thì dù hàng hóa mang nhãn xuất xứ Việt Nam, EU vẫn có thể kết luận rằng sản phẩm thực chất có xuất xứ từ nước bị áp thuế.

Đồng thời, doanh nghiệp cần thiết lập quy trình kiểm tra và đánh giá nhà cung cấp một cách nghiêm túc và hệ thống. Việc chọn nguyên liệu không thể chỉ dựa vào giá rẻ hoặc sự thuận tiện; doanh nghiệp phải yêu cầu nhà cung cấp cung cấp thông tin minh bạch về nguồn gốc, hồ sơ sản xuất và tình trạng pháp lý liên quan đến các cuộc điều tra PVTM tại EU và các thị trường lớn khác. Nếu nhà cung cấp đang hoặc đã từng bị điều tra ở EU, doanh nghiệp phải đánh giá ngay mức độ rủi ro và cân nhắc việc chuyển đổi nguồn cung.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần thường xuyên rà soát thông tin thị trường, danh sách các quốc gia và sản phẩm đang bị áp thuế, để tránh vô tình mua nguyên liệu từ khu vực rủi ro mà không nhận thức được tác động.

Tóm lại, để tránh rơi vào vòng điều tra chống lẩn tránh của EU, doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động quản trị chuỗi cung ứng từ gốc, lựa chọn nguồn nguyên liệu an toàn, xây dựng hệ thống hồ sơ giá trị gia tăng minh bạch và kiểm soát chặt chẽ quan hệ với nhà cung cấp. Đây không chỉ là yêu cầu

tuan thủ pháp lý, mà còn là chiến lược bảo vệ uy tín và khả năng duy trì thị trường EU trong dài hạn.

## **2. Gia công/ lắp ráp đơn giản tại Việt Nam từ nguyên liệu của nước đang bị EU áp thuế**

Một trong những hình thức lẩn tránh phổ biến và dễ khiến doanh nghiệp Việt Nam bị liên quan trong các cuộc điều tra của EU là mô hình gia công hoặc lắp ráp đơn giản từ nguyên liệu nhập khẩu thuộc các nước đang bị áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp.

Bản chất của hình thức này nằm ở chỗ doanh nghiệp thực hiện một số công đoạn sản xuất nhất định tại Việt Nam, nhưng các công đoạn đó không đủ sâu, không tạo ra sự biến đổi căn bản về bản chất hoặc tính năng kinh tế của sản phẩm. Kết quả là phần lớn giá trị thực sự của sản phẩm xuất khẩu sang EU vẫn nằm ở nước bị áp thuế ban đầu, và Việt Nam chỉ đóng vai trò hoàn thiện cuối hoặc điểm lắp ráp trung gian. Chính sự thiếu chuyên hóa thực chất này khiến EU rất cảnh giác và sẵn sàng đưa Việt Nam vào phạm vi điều tra chống lẩn tránh.

Thực tế cho thấy trong nhiều ngành đặc biệt là thép, điện tử, gỗ và hàng tiêu dùng dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam trong những năm gần đây thường đi theo mô hình sản xuất nhanh, gọn, lắp ráp. Doanh nghiệp nước ngoài chuyển máy móc cơ bản sang Việt Nam, nhập hầu hết nguyên liệu hoặc linh kiện từ nước đang bị EU áp thuế, sau đó tiến hành lắp ráp, kiểm thử, hoàn thiện

bề mặt hoặc đóng gói tại Việt Nam rồi xuất thẳng sang EU. Với bề ngoài là sản phẩm “Made in Vietnam”, nhưng thực chất, giá trị lõi của sản phẩm – về cấu tạo, tính năng và chi phí – vẫn phụ thuộc vào nguyên liệu từ nước bị áp thuế. Khi EU nhận thấy tỷ lệ giá trị gia tăng tại Việt Nam quá thấp, họ sẽ nghi ngờ đây là mô hình lẩn tránh có chủ đích, dù doanh nghiệp Việt Nam có thể chỉ là bên nhận gia công.

Rủi ro của hình thức này càng cao khi chu kỳ thương mại có những biến động bất thường. Chẳng hạn, nếu EU áp thuế lên sản phẩm thép hoặc thiết bị điện tử từ quốc gia A, và chỉ vài tháng sau, xuất khẩu mặt hàng tương tự từ Việt Nam tăng mạnh, trong khi năng lực sản xuất của Việt Nam không tăng tương ứng, EU có lý do để tin rằng quá trình lắp ráp tại Việt Nam chỉ là vỏ bọc nhằm né thuế. Điều này từng xảy ra trong một số vụ việc liên quan đến thép cán nguội, sản phẩm gỗ nhiều lớp, thậm chí linh kiện điện tử, nơi Việt Nam bị nghi là điểm lắp ráp cuối cùng cho sản phẩm có nguồn gốc từ nước đang bị điều tra.

Bài học rút ra cho doanh nghiệp Việt Nam là: bất kỳ mô hình lắp ráp nào sử dụng nguyên liệu từ nước bị áp thuế đều phải được đánh giá kỹ lưỡng về mức độ tạo giá trị thực chất. Doanh nghiệp cần chủ động xây dựng hồ sơ chứng minh rằng quá trình sản xuất tại Việt Nam không chỉ là thao tác kỹ thuật đơn giản mà thực sự tạo ra sự biến đổi đáng kể về bản chất sản phẩm. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải lưu giữ đầy

đủ tài liệu về quy trình sản xuất, tỷ lệ nội địa hóa, hao phí vật tư, bản vẽ kỹ thuật, báo cáo thiết kế, cũng như các công đoạn kiểm thử, xử lý bề mặt hoặc cải tiến công năng.

Doanh nghiệp cũng cần đặc biệt thận trọng khi hợp tác với các nhà đầu tư hoặc đối tác nước ngoài đang hoạt động trong các lĩnh vực bị EU chú ý. Một hợp đồng gia công đơn giản có thể khiến doanh nghiệp Việt Nam bị cuốn vào cuộc điều tra lớn, buộc phải cung cấp lượng dữ liệu khổng lồ và đối mặt với nguy cơ bị áp thuế cao nếu không chứng minh được vai trò sản xuất thực chất của mình. Vì vậy, việc rà soát kỹ hợp đồng, đánh giá chuỗi cung ứng và yêu cầu đối tác minh bạch về nguồn nguyên liệu là điều bắt buộc, không phải lựa chọn.

Cuối cùng, bài học quan trọng nhất là doanh nghiệp phải chuyển từ tư duy lắp ráp là đủ sang tư duy giá trị gia tăng phải thực chất. Chỉ có như vậy, doanh nghiệp Việt Nam mới có thể bảo vệ mình trước rủi ro bị xem là một mắt xích trong mô hình lẩn tránh của các tập đoàn nước ngoài.

### **3. Thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm hoặc mã HS để né phạm vi biện pháp**

Một trong những hình thức lẩn tránh tinh vi và khó phát hiện nhất là việc doanh nghiệp cố tình thay đổi một số đặc điểm rất nhỏ của sản phẩm như kích thước, trọng lượng, thành phần hóa học, lớp phủ bề mặt, cấu trúc gỗ, tỷ lệ vật liệu để khiến sản phẩm không còn phù hợp với mô tả được nêu trong quyết định áp thuế ban đầu của EU. Tuy nhiên, sự thay đổi này thường chỉ mang

tính “trang điểm kỹ thuật”, không tạo ra khác biệt thực sự về bản chất kinh tế, công dụng hay chức năng của sản phẩm.

EU đánh giá những hành vi này rất nghiêm trọng vì chúng làm suy giảm hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại. Nếu sản phẩm chỉ cần thay đổi một vài thông số nhỏ để thoát khỏi phạm vi mô tả ban đầu, thì bản chất của biện pháp PVTM lập tức mất đi sức bảo vệ và trở nên vô nghĩa. Vì vậy, ngay khi phát hiện sản phẩm có biến thể kỹ thuật xuất hiện trên thị trường với số lượng lớn sau khi thuế được áp dụng, EU thường lập tức nghi ngờ lẩn tránh.

Hình thức này phổ biến nhất trong ngành **thép, hóa chất, gỗ và hàng công nghiệp nhẹ**. Trong ngành thép, nhiều doanh nghiệp trên thế giới từng thay đổi độ dày chỉ 0.1–0.2mm hoặc thay lớp mạ bề mặt để khai báo mã HS khác nhằm né thuế. Trong ngành gỗ, một số doanh nghiệp thêm lớp veneer hoặc thay đổi cấu trúc mặt gỗ để sản phẩm có mã HS khác so với sản phẩm gốc bị áp thuế. EU coi những thay đổi này là mang tính hình thức, không làm thay đổi bản chất kinh tế.

Điểm quan trọng là EU luôn xem **bản chất sản phẩm** là yếu tố cốt lõi, chứ không chỉ nhìn vào mã HS hay mô tả hình thức. Nếu công dụng, mục đích sử dụng, cấu trúc chính và tính năng của sản phẩm vẫn giữ nguyên, thì dù doanh nghiệp có thay đổi mã HS, sản phẩm vẫn bị coi là thuộc phạm vi áp thuế. Vì vậy, việc doanh nghiệp nghĩ

rằng đôi mã HS là có thể né thuế là một quan niệm cực kỳ nguy hiểm.

#### **Bài học cho doanh nghiệp Việt Nam:**

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt thận trọng khi thay đổi đặc tính kỹ thuật hoặc mã HS của sản phẩm trong giai đoạn có biện pháp phòng vệ thương mại của EU. Bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến cấu trúc, thành phần hay thông số kỹ thuật của sản phẩm đều phải xuất phát từ **nhu cầu thực tế trong sản xuất hoặc cải tiến công nghệ**, chứ không phải là nỗ lực nhằm né tránh phạm vi áp thuế. Mọi thay đổi phải được hỗ trợ bởi **hồ sơ R&D đầy đủ**, chứng minh rằng doanh nghiệp đã tiến hành phân tích kỹ thuật, thử nghiệm, đánh giá hiệu quả và có lý do hợp lý về mặt kinh tế kỹ thuật trước khi áp dụng. Việc lưu trữ đầy đủ các bằng chứng này không chỉ giúp doanh nghiệp chứng minh tính chính danh khi bị điều tra, mà còn tạo nên sự minh bạch và đáng tin cậy trong mắt cơ quan thực thi của EU.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp tuyệt đối không nên thay đổi đặc tính sản phẩm một cách tùy tiện hoặc chỉ nhằm mục đích phù hợp với mã HS an toàn hơn. Những điều chỉnh không hợp lý rất dễ tạo ra ấn tượng rằng doanh nghiệp đang nỗ lực né tránh biện pháp PVTM, đặc biệt khi sự thay đổi diễn ra ngay sau thời điểm EU áp thuế lên sản phẩm tương tự từ quốc gia khác. Để tránh rủi ro, doanh nghiệp nên chủ động **tham khảo ý kiến chuyên gia xuất xứ,**

**luật sư thương mại quốc tế và các hiệp hội ngành hàng** trước khi quyết định điều chỉnh mã HS. Đây là lực lượng có kinh nghiệm trong việc đánh giá bản chất sản phẩm và phạm vi mô tả của các biện pháp PVTM.

Quan trọng hơn cả, doanh nghiệp cần ghi nhớ rằng **EU luôn đánh giá theo bản chất kinh tế chứ không dựa trên hình thức khai báo**. Vì vậy, minh bạch, chính danh và có căn cứ kỹ thuật rõ ràng là chìa khóa giúp doanh nghiệp tránh rơi vào vòng nghi ngờ lẫn tránh của EU.

#### **4. Trộn xuất xứ, khai báo không chuẩn và quản trị chứng từ lỏng lẻo**

Một trong những nguyên nhân khiến doanh nghiệp Việt Nam dễ bị ghi nhận dấu hiệu lẫn tránh là **thiếu một hệ thống quản lý chứng từ và truy xuất nguồn gốc rõ ràng**. Trong thực tế, nhiều doanh nghiệp nhập nguyên liệu từ nhiều quốc gia khác nhau nhưng không quản lý riêng từng lô, không tách kho hoặc không ghi nhận rõ tỷ lệ sử dụng từng nguồn nguyên liệu trong từng đơn hàng sản xuất.

Hậu quả là khi EU yêu cầu chứng minh nguyên liệu sử dụng cho một lô hàng xuất khẩu nào đó, doanh nghiệp không thể giải trình chính xác lô nguyên liệu nào được dùng. Điều này khiến EU nghi ngờ rằng doanh nghiệp có thể đang sử dụng nguyên liệu từ nước đang bị áp thuế, rồi gắn xuất xứ Việt Nam vào sản phẩm.

Một điểm dễ gây rủi ro khác là sự **không thống nhất giữa các chứng từ**. Ví dụ:

Một trong những điểm yếu của doanh nghiệp khi xuất khẩu sang EU là **hồ sơ chứng từ không thống nhất**. Hãy hình dung một lô hàng thép hoặc gỗ xuất khẩu: trên giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) ghi rõ “Made in Vietnam”, nhưng hóa đơn thương mại (invoice) lại sử dụng mô tả sản phẩm, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật gần như y hệt cách mô tả mà nhà sản xuất ở quốc gia đang bị EU áp thuế vẫn dùng. Tiếp đó, trên packing list, doanh nghiệp lại ghi một mã sản phẩm khác với mã thể hiện trên hóa đơn; trong khi tờ khai hải quan xuất khẩu lại có thông tin về loại hàng, mã HS, thậm chí trọng lượng... không trùng khớp với hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu trước đó.

Đối với doanh nghiệp, những sai lệch này đôi khi chỉ là “lỗi hành chính”, do bộ phận chứng từ làm chưa cẩn thận, hoặc do copy paste từ mẫu cũ mà không rà soát kỹ. Nhưng trong con mắt cơ quan điều tra EU, **sự không đồng bộ giữa các chứng từ lại là một tín hiệu rất mạnh của hành vi thiếu minh bạch**. Họ không nhìn đây như vài lỗi nhỏ, mà coi đó là khả năng doanh nghiệp đang cố tình làm mờ đi nguồn gốc thật sự của hàng hóa: C/O nói “Việt Nam”, nhưng cách mô tả sản phẩm và dấu vết trong chứng từ lại là của nước đang bị áp thuế.

Ở góc độ điều tra chống lẩn tránh, EU sẽ đặt câu hỏi: nếu hàng hóa thực sự được sản xuất tại Việt Nam, tại sao doanh nghiệp lại dùng mô tả, mã nội bộ, pattern chứng từ giống với nhà sản xuất ở nước bị đánh

thuế? Tại sao không chứng minh được mối liên hệ logic giữa nguyên liệu nhập khẩu, quá trình sản xuất và hàng hóa xuất khẩu? Khi không trả lời được những câu hỏi này một cách nhất quán, doanh nghiệp rất dễ bị xếp vào nhóm không hợp tác hoặc có dấu hiệu che giấu, từ đó bị áp mức thuế bất lợi, thậm chí bị đánh đồng với hành vi lẩn tránh có chủ đích.

Vì vậy, bài học rút ra là: **sự nhất quán tuyệt đối trong toàn bộ hồ sơ (C/O, invoice, packing list, tờ khai hải quan chứng từ nhập nguyên liệu)** không chỉ là chuyện đẹp hồ sơ, mà là yếu tố sống còn để doanh nghiệp chứng minh mình làm ăn chân chính và không tham gia lẩn tránh.

Chỉ cần vài sai sót nhỏ như vậy, EU lập tức kết luận rằng doanh nghiệp không minh bạch hoặc có dấu hiệu che giấu. Trong mắt EU, sự không nhất quán này không phải lỗi vô ý, mà có thể là dấu hiệu của hành vi cố tình làm mờ xuất xứ.

Trong nhiều vụ việc, doanh nghiệp không hề có chủ đích lẩn tránh nhưng vẫn bị đánh giá “không hợp tác” vì không cung cấp được chứng từ đầy đủ hoặc cung cấp muộn. Trong điều tra PVTM, **không hợp tác đồng nghĩa với việc bị áp mức thuế cao nhất**.

#### **Bài học cho doanh nghiệp Việt Nam:**

Để giảm thiểu rủi ro bị xem xét trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh của EU, doanh nghiệp Việt Nam trước hết cần xây dựng **một hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ thật chặt chẽ và khoa học**. Truy

xuất nguồn gốc không chỉ dừng ở việc biết nguyên liệu đến từ đâu, mà còn phải thể hiện được lô nguyên liệu nào được sử dụng trong lô hàng xuất khẩu nào, với tỷ lệ bao nhiêu, tiêu hao như thế nào và tồn kho ra sao. Một hệ thống truy xuất tốt phải cho phép doanh nghiệp lần ngược toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu nhập nguyên liệu, phân bổ vào lệnh sản xuất, cho tới đóng gói và xuất khẩu chỉ trong vài phút tra cứu. Khi EU yêu cầu cung cấp thông tin, doanh nghiệp có thể lập tức trình bày và chứng minh tính nhất quán của từng bước trong chuỗi cung ứng. Ngược lại, sự thiếu minh bạch hay thiếu tách bạch giữa các lô hàng rất dễ khiến EU nghi ngờ rằng doanh nghiệp đang cố che giấu việc sử dụng nguyên liệu từ quốc gia đang bị áp thuế.

Song song với đó, doanh nghiệp tuyệt đối **không nên khai xuất xứ Việt Nam khi chưa đủ điều kiện**, hoặc khi không thể chứng minh được giá trị gia tăng thực chất trong nước. Trong bối cảnh EU liên tục siết chặt kiểm soát và chủ động điều tra các dấu hiệu lẩn tránh, một khai báo xuất xứ không chính xác dù vô ý hay cố ý có thể dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng: truy thu thuế cho toàn bộ các lô hàng liên quan, bị áp mức thuế cao nhất theo cơ chế không hợp tác, mất thị trường EU trong thời gian dài, thậm chí tác động đến uy tín của cả ngành hàng Việt Nam. Với EU, chỉ cần thiếu chứng minh mà vẫn khai báo xuất xứ Việt Nam đã được xem là hành vi gian lận, chứ không nhất thiết phải có bằng chứng về ý

định.

Cuối cùng, để bảo đảm toàn bộ chu trình xuất khẩu đạt độ tin cậy cao, doanh nghiệp cần **đầu tư nghiêm túc vào quản trị chứng từ và nhân sự xuất nhập khẩu**. Quy tắc xuất xứ, quy tắc lắp ráp, định nghĩa sản phẩm, hướng dẫn của EU và quy định nội địa đều phức tạp và thay đổi theo thời gian; vì vậy, nhân sự làm chứng từ phải có chuyên môn vững và được đào tạo thường xuyên. Một sai sót tưởng như nhỏ như mô tả hàng hóa không thống nhất, mã HS không phù hợp, hoặc nhầm lẫn ngày tháng cũng đủ để EU đặt câu hỏi về tính minh bạch, và khi đã nghi ngờ, doanh nghiệp thường rất khó chứng minh sai sót chỉ là “lỗi hành chính”. Do đó, đầu tư vào con người, vào hệ thống, vào quy trình kiểm tra chéo là khoản đầu tư mang tính sống còn, chứ không phải chi phí phụ.

### **5. Chuyển kênh xuất khẩu qua công ty liên kết hoặc doanh nghiệp FDI**

Hình thức lẩn tránh này xảy ra khi doanh nghiệp tận dụng **cấu trúc liên kết doanh nghiệp** như quan hệ công ty mẹ con, liên doanh, hoặc mạng lưới FDI để “đi đường vòng” né thuế. Điển hình là hàng hóa sản xuất tại quốc gia bị áp thuế (ví dụ: Trung Quốc hoặc Indonesia) được chuyển sang một công ty liên kết tại Việt Nam. Công ty này sau đó chỉ thực hiện các công đoạn hạn chế, không tạo nhiều giá trị gia tăng, rồi xuất khẩu sang EU dưới nhãn Made in Vietnam.

EU rất cảnh giác với mô hình này vì

hiệu tập đoàn đa quốc gia có khả năng tổ chức chuỗi cung ứng linh hoạt, dễ dàng chuyển các khâu sản xuất nhỏ sang quốc gia khác để né biện pháp PVTM. Khi EU nhận thấy Việt Nam có lượng FDI lớn từ nước đang bị áp thuế, họ có cơ sở nghi ngờ rằng Việt Nam đang trở thành “cửa ngõ” cho hàng hóa né thuế.

Dấu hiệu quan trọng nhất khiến EU mở điều tra là **tăng trưởng xuất khẩu đột biến**, đặc biệt khi đi kèm một số hành vi sau:

- Công ty Việt Nam có công suất nhỏ nhưng xuất khẩu khối lượng lớn.
- Quan hệ sở hữu giữa công ty Việt Nam và công ty ở nước bị áp thuế rất chặt chẽ.
- Nguyên liệu phần lớn đến từ nước bị áp thuế.
- Giá trị gia tăng tại Việt Nam thấp hoặc không phù hợp với mô hình kinh tế ngành đó.

Hình thức này không chỉ mang rủi ro bị điều tra, mà còn khiến doanh nghiệp Việt Nam bị vướng trong cấu trúc của tập đoàn mẹ: bị yêu cầu xuất khẩu để đáp ứng chiến lược né thuế của công ty mẹ nhưng lại phải chịu hoàn toàn hậu quả pháp lý nếu bị EU điều tra.

#### **Bài học cho doanh nghiệp Việt Nam:**

Trong bối cảnh EU ngày càng soi kỹ các mối liên kết trong chuỗi cung ứng, doanh nghiệp Việt Nam trước hết cần **minh bạch trong quan hệ sở hữu và hợp đồng FDI**. Nếu doanh nghiệp là công ty con, công ty liên kết, hoặc đối tác gia công cho một tập

đoàn nước ngoài vốn đang bị EU áp thuế, mọi thông tin về cấu trúc sở hữu, tỷ lệ góp vốn, vai trò của mỗi bên trong chuỗi sản xuất xuất khẩu cần được thể hiện rõ ràng trong hồ sơ pháp lý và hợp đồng. Đi kèm với đó, doanh nghiệp nên **tránh tham gia các mô hình gia công không đáng kể**, nghĩa là chỉ thực hiện một, hai công đoạn rất đơn giản như lắp ráp bề mặt, hoàn thiện nhẹ, đóng gói hay kiểm tra hình thức. Nếu phần việc ở Việt Nam quá nhỏ so với giá trị sản phẩm, EU có cơ sở để cho rằng công đoạn ở Việt Nam không phải là sản xuất thực chất mà chỉ là “trạm trung chuyển có thêm vài thao tác kỹ thuật”. Về dài hạn, doanh nghiệp nên ưu tiên mô hình sản xuất có chiều sâu hơn, có đầu tư máy móc, nhân lực kỹ thuật và tạo ra tỷ lệ giá trị gia tăng đáng kể tại Việt Nam.

Một yếu tố nhạy cảm khác là **giá chuyển nhượng** giữa công ty Việt Nam và công ty liên kết nước ngoài. Nếu giá bán – mua nội bộ quá thấp hoặc quá cao so với mặt bằng thị trường, EU dễ nhìn đó như dấu hiệu của việc điều chỉnh giá để phân bổ lợi nhuận hoặc che giấu nguồn gốc thực sự của giá trị sản phẩm. Doanh nghiệp vì vậy cần bảo đảm các giao dịch nội bộ có cơ sở kinh tế hợp lý, có so sánh với giá thị trường, và có tài liệu giải trình rõ ràng nếu bị yêu cầu.

Trước khi ký bất kỳ **hợp đồng gia công** nào, doanh nghiệp cũng phải nắm rõ **nguồn nguyên liệu, chuỗi cung ứng và mục đích của đối tác**. Không nên chỉ thấy đơn hàng lớn, điều kiện thanh toán tốt mà bỏ qua câu

hỏi: nguyên liệu đến từ đâu, sản phẩm đó có đang bị EU/US áp thuế với một nước nào khác không, vai trò của mình trong chuỗi là sản xuất thật hay chỉ gắn nhãn xuất xứ? Nếu không làm rõ những điều này từ đầu, doanh nghiệp rất dễ vô tình tham gia vào một cấu trúc lẩn tránh mà không hề hay biết.

Cuối cùng, điều quan trọng xuyên suốt là **luôn duy trì khả năng chứng minh giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam**. Điều này không chỉ thể hiện qua con số tỷ lệ phần trăm, mà còn qua hồ sơ quy trình sản xuất, sơ đồ công đoạn, chi phí lao động, chi phí khấu hao máy móc, chứng từ mua nguyên liệu trong nước... Càng chứng minh được mình thực sự “sản xuất” chứ không chỉ “lắp ráp hộ”, doanh nghiệp càng có cơ hội đứng vững trước các cuộc điều tra lẩn tránh của EU.

### *Kết luận*

Từ những phân tích ở các phần trước, có thể thấy rằng các hình thức lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang ngày càng trở nên tinh vi, đa dạng và khó kiểm soát hơn trong bối cảnh dòng chảy thương mại toàn cầu biến động mạnh. Việt Nam, với vị thế là một trung tâm sản xuất mới nổi của khu vực và là điểm đến của nhiều dòng vốn FDI dịch chuyển từ các nước đang bị EU áp thuế, đứng trước nguy cơ trở thành mục tiêu trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh. Chính vì vậy, việc nhận diện đầy đủ và sâu sắc các hình thức lẩn tránh phổ biến không chỉ là yêu cầu học

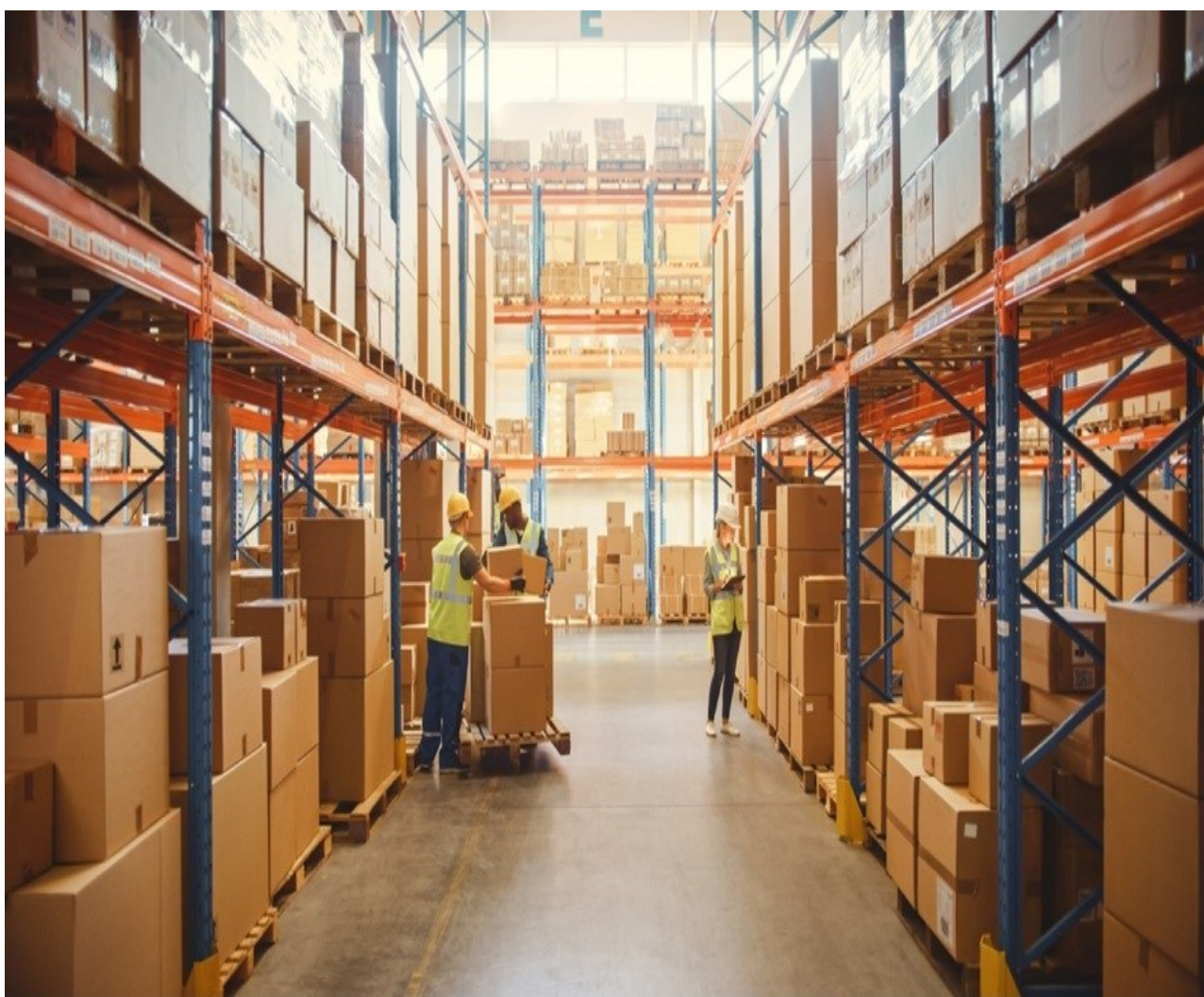
thuật, mà còn là điều kiện sống còn để doanh nghiệp chủ động bảo vệ mình.

Các hình thức lẩn tránh thường gặp bao gồm chuyển tải đơn thuần, gia công lắp ráp đơn giản, thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm hoặc mã HS, trộn xuất xứ và quản trị chứng từ lỏng lẻo, hay chuyển kênh xuất khẩu thông qua mạng lưới công ty liên kết nhìn bề ngoài có thể khác nhau, nhưng đều có điểm chung là **thiếu giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam và thiếu minh bạch trong nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất và dòng chảy thương mại**. Đây chính là hai tiêu chí then chốt mà EU dùng để đánh giá liệu doanh nghiệp có tham gia lẩn tránh hay không. Chỉ cần doanh nghiệp không chứng minh được một trong hai yếu tố này, nguy cơ bị điều tra hoặc bị áp mức thuế bất lợi là rất cao, bất kể doanh nghiệp có chủ đích hay không.

Bài học xuyên suốt rút ra là doanh nghiệp Việt Nam phải chuyển từ tư duy đáp ứng đơn hàng sang tư duy **tuân thủ và quản trị chuỗi cung ứng theo chuẩn quốc tế**. Điều này đòi hỏi một hệ thống truy xuất nguồn gốc rõ ràng, khả năng chứng minh tỷ lệ giá trị gia tăng tại Việt Nam, sự nhất quán tuyệt đối trong chứng từ và việc đầu tư nghiêm túc vào nhân sự làm xuất nhập khẩu, pháp chế và kỹ thuật. Doanh nghiệp cũng cần thận trọng khi hợp tác với các công ty FDI hoặc các nhà cung cấp đến từ quốc gia đang bị áp thuế; mọi mối liên kết thương mại đều phải được rà soát rủi ro phòng vệ thương mại một cách bài bản.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp không nên xem việc thay đổi mã HS hay điều chỉnh sản phẩm chỉ là giải pháp kỹ thuật bởi EU luôn đánh giá theo bản chất kinh tế chứ không theo hình thức khai báo. Mọi thay đổi cần có hồ sơ R&D đầy đủ và minh chứng rõ ràng để tránh bị hiểu nhầm là cố tình né tránh.

Tựu trung lại, việc hiểu đúng và ứng xử đúng với các hình thức lẫn tránh không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được các vụ điều tra tổn kém và phức tạp, mà còn góp phần bảo vệ uy tín của ngành hàng Việt Nam trên thị trường EU. Trong bối cảnh EU siết chặt phòng vệ thương mại và tăng cường điều tra chống lẫn tránh, năng lực tuân thủ – chứ không chỉ năng lực sản xuất – mới chính là chìa khóa giúp doanh nghiệp Việt Nam duy trì thị trường và phát triển bền vững trong dài hạn.



# Tổng quan chung về hoạt động điều tra chống lẩn tránh của EU

## I. Tổng quan chung về hoạt động điều tra chống lẩn tránh của EU

### 1. Tổng quan

Trong bối cảnh căng thẳng thuế quan trên toàn cầu, EU tăng cường áp dụng chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trong nhiều lĩnh vực, bao gồm các hàng hóa nông nghiệp, hóa chất, sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo.

Biện pháp lẩn tránh thuế thường thông qua các hoạt động như chuyển sản xuất sang các nước thứ ba hoặc sửa đổi hàng hóa để tránh thuế quan.

Gần đây, EU đã tiến hành điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và mở rộng các biện pháp trong nhiều lĩnh vực, bao gồm các hàng hóa nông nghiệp, hóa chất và đặc biệt là nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo.

Để điều tra hàng hóa có dấu hiệu lẩn tránh thuế, Ủy ban châu Âu sẽ điều tra xem liệu các hoạt động như chuyển đổi sản xuất hoặc sửa đổi hàng hóa ở mức độ nhỏ, có được sử dụng để lẩn tránh thuế chống bán phá giá hay thuế chống trợ cấp hiện hành hay không.

Điều này có thể liên quan đến việc xem xét các mô hình thương mại, quy trình sản xuất và đặc điểm của hàng hóa nhập khẩu để xác định xem có hay không hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Các ví dụ cụ thể bao gồm các cuộc điều tra về việc nhập khẩu một số hàng hóa nhất định từ các quốc gia áp dụng thuế chống bán phá giá, ngay cả khi những hàng hóa đó được dán nhãn lại hoặc sản xuất ở một địa điểm khác.

Việc điều tra giúp EU chủ động ngăn chặn các hoạt động trốn thuế bằng cách mở rộng các biện pháp sang các nước thứ ba và các hàng hóa liên quan hoặc nghi ngờ là chỉ có chỉnh sửa nhỏ so với hàng hóa thuộc diện bị áp thuế.

Thống kê của EU cho thấy, khoảng 9% tổng số vụ điều tra mới trong giai đoạn 2015-2024 là điều tra chống lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại. Trong đó, hầu hết các vụ điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế bán phá giá đã áp dụng với hàng hóa nhập khẩu vào EU.

Trong giai đoạn 2015-2024, có thể thấy trùng khớp với thời gian Mỹ bắt đầu áp dụng các biện pháp thương mại cứng rắn với hàng hóa từ Trung Quốc (năm 2018), theo đó EU cũng tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại để tránh một lượng hàng lớn từ Trung Quốc và/hoặc các nước khác không thể xuất khẩu sang Mỹ chuyển hướng với thị trường EU, gây khó khăn cho các ngành sản xuất nội địa của EU.

Số vụ điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại mới có xu hướng tăng từ năm 2019 đến nay, trong năm 2022 đã lên tới 59 vụ việc, riêng năm 2023 cũng là năm có số vụ điều tra chống lẩn tránh cao nhất của EU, lên tới 13 vụ việc. Cụ thể như bảng dưới đây:

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Số vụ việc mới</b>	7	1	3	0	8	3	6	2	12	2
<b>Tổng số vụ việc</b>	46	43	40	42	46	54	52	59	52	53

Tính chung cả giai đoạn 2015-2024, có 487 vụ việc điều tra để áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có 44 vụ điều tra chống lẩn tránh.

EU rõ ràng đang xem xét chống lẩn tránh như một công cụ bảo vệ hiệu quả để ngăn doanh nghiệp xuất khẩu “né” biện pháp AD/CVD bằng cách chuyển xuất qua nước thứ ba, hoặc thực hiện gia công đơn giản tại nước thứ ba.

Trong tương lai, xu hướng này được dự báo sẽ mạnh hơn: EU sẽ tập trung hơn vào các ngành có nguy cơ cao như thép, kim loại cơ bản, năng lượng sạch và sản phẩm liên quan chuỗi cung ứng xanh; đồng thời, EU sẽ theo dõi chặt chẽ các nhà xuất khẩu từ các nước đang trở thành “cửa ngõ chuyển hướng” (trans-shipment) và các nước đang gia nhập chuỗi sản xuất toàn cầu mà có khả năng bị xem là nơi lẩn tránh. Bằng cách này, chống lẩn tránh không chỉ là phân phụ trợ cho AD/CVD mà đang trở thành một mũi giáp công riêng biệt trong chính sách thương mại bảo hộ của EU.

EU đang phát triển cả về quy mô, tần suất, và chiến lược thực hiện; số liệu cho thấy sự tăng cường rõ nét; và việc so sánh với AD/CVD làm rõ rằng chống lẩn tránh đang ngày càng được ưu tiên hơn để bảo vệ ngành công nghiệp EU trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu thay đổi nhanh.

## 2. So sánh điều tra chống lẩn tránh với điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp

2.1. Bảng so sánh số vụ điều tra chống bán phá giá, trợ cấp và chống lẩn tránh theo năm

2.2. Tỉ trọng vụ việc AC trong tổng số vụ điều tra phòng vệ thương mại của EU

Nếu so sánh số lượng vụ việc điều tra chống lẩn tránh với tổng số vụ việc điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của EU áp dụng thì có thể thấy rõ ở bảng dưới đây:

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Số lượng vụ việc điều tra chống lẩn tránh/ Tổng số vụ điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại</b>	15,22	2,33	7,50	0,00	17,39	5,56	11,54	3,39	23,08	3,77

các nỗ lực chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU trong năm 2025 tập trung vào việc theo dõi số liệu, hiện tượng, phát hiện và điều tra các trường hợp công ty hoặc hàng hóa trốn thuế chống bán phá giá hoặc các biện pháp phòng vệ thương mại khác.

EU sẽ mở rộng các biện pháp phòng vệ cho các hàng hóa hoặc công ty liên quan đến việc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, đảm bảo rằng các biện pháp ban đầu vẫn có hiệu quả và không thể bị lợi dụng bằng các hành vi gian lận, thương mại không công bằng.

EU hiện là một trong những thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, chỉ sau Mỹ, Trung Quốc, năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 51,66 tỷ USD sang EU, tăng 18,5%, tương ứng tăng 8,08 tỷ USD so với năm trước, 6 tháng đầu năm nay, xuất khẩu sang EU tăng 10%, đạt 27,3 tỷ USD, trong đó tập trung vào nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo, nông, lâm, thủy sản...

Do đó, các doanh nghiệp phải thận trọng hơn với nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện minh bạch xuất xứ, lưu trữ thông tin đầy đủ về các lô hàng xuất khẩu...

### *Số liệu cập nhật đến năm 2025*

Có thể thấy, dù xét về tổng số vụ việc tuyệt đối, vụ việc điều tra chống bán phá giá vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hệ thống phòng vệ thương mại của EU, song tốc độ tăng của vụ việc chống lẩn tránh lại đáng chú ý hơn, thể hiện ở số lượng vụ điều tra được khởi xướng, số biện pháp được mở rộng và mức độ ưu tiên được nêu rõ trong các báo cáo chính thức của EU.

So với biện pháp chống bán phá giá/trợ cấp, biện pháp chống lẩn tránh có xu hướng tăng nhanh hơn bởi vì EU coi đây là công cụ bảo vệ hiệu lực của các biện pháp gốc. Khi một biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp được ban hành, doanh nghiệp nước ngoài thường tìm cách điều chỉnh phương thức giao dịch hoặc dòng chảy thương mại để duy trì xuất khẩu sang EU. Sự thay đổi này có thể bao gồm: chuyển xuất khẩu sang nước thứ ba chưa bị áp thuế; thực hiện công đoạn gia công đơn giản ở nước khác; thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm để né mã HS; hoặc điều chỉnh giá bán theo hướng hấp thụ thuế. Những hình thức này làm tổn hại tính răn đe của biện pháp phòng vệ và thúc đẩy EU đẩy mạnh sử dụng biện pháp chống lẩn tránh như một “tuyên phòng thủ thứ hai”.

Xu hướng gia tăng biện pháp chống lẩn tránh cũng bắt nguồn từ các yếu tố mang tính cấu trúc của thương mại toàn cầu. Thứ nhất, dịch chuyển đầu tư và sản xuất từ các quốc gia bị áp thuế cao (đặc biệt là Trung

Quốc) sang các nước thứ ba, bao gồm cả Việt Nam, giúp doanh nghiệp tận dụng quy tắc xuất xứ để giảm thiểu tác động của biện pháp chống bán phá giá/trợ cấp. Thứ hai, tình trạng công suất dư thừa toàn cầu, nhất là trong ngành thép và năng lượng sạch, dẫn đến áp lực cạnh tranh lớn tại thị trường EU, buộc các doanh nghiệp tìm cách duy trì thị phần bằng cả kênh trực tiếp và gián tiếp. Thứ ba, mô hình thương mại vòng trở nên phổ biến hơn khi chuỗi cung ứng khu vực mở rộng, đặc biệt tại Đông Nam Á nơi có hệ thống logistics phát triển và mức độ liên kết sản xuất cao.

Có thể thấy, sự gia tăng của các vụ việc chống lẩn tránh không đơn thuần phản ánh số liệu thống kê, mà cho thấy sự dịch chuyển tư duy của EU từ việc phản ứng trước hành vi bán phá giá sang bảo vệ tính hiệu lực dài hạn của biện pháp phòng vệ thương mại. Đây là xu hướng dự báo sẽ tiếp tục mạnh mẽ trong tương lai, nhất là khi EU đẩy cao chiến lược tự chủ kinh tế, kiểm soát chuỗi cung ứng và triển khai các cơ chế mới như CBAM.

### **3. Xu hướng chiến lược của EU trong tương lai**

Trong bối cảnh thương mại quốc tế đang trải qua những biến động sâu sắc về cấu trúc chuỗi cung ứng, EU ngày càng định hình một chiến lược toàn diện và dài hạn nhằm bảo vệ hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là các biện pháp chống lẩn tránh. Nếu như trước đây chống lẩn tránh chỉ đóng vai trò hỗ trợ cho

chống bán phá giá và chống trợ cấp, thì trong giai đoạn hiện nay và tương lai, EU đã và đang xem đây là **một trụ cột chiến lược trong bảo hộ thương mại**, gắn chặt với các mục tiêu công nghiệp, môi trường và an ninh kinh tế.

Trước hết, xu hướng nổi bật nhất là EU sẽ **tập trung mạnh vào các ngành có tính nhạy cảm cao và nguy cơ lẫn tránh lớn**, đặc biệt là **thép và kim loại cơ bản**. Đây là nhóm ngành mà EU nhiều năm qua chịu áp lực từ công suất dư thừa toàn cầu, nhất là từ Trung Quốc. Sự gia tăng xuất khẩu thông qua các nước châu Á, châu Phi và Đông Nam Á khiến EU mở rộng giám sát đối với các dòng hàng thép cán nóng, cán nguội, thép không gỉ, thép mạ và thép hữu cơ. Bên cạnh đó, các ngành thuộc nền kinh tế xanh chẳng hạn như **pin, xe đạp điện, xe điện, linh kiện năng lượng sạch** cũng đang trở thành tâm điểm. EU dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng điều tra lẫn tránh đối với các sản phẩm có liên quan đến chiến lược tự chủ công nghệ, đặc biệt khi nhu cầu chuyển đổi năng lượng ngày càng lớn.

Về mặt quốc gia, EU thể hiện xu hướng chuyển từ tập trung vào Trung Quốc sang mô hình giám sát chuỗi cung ứng khu vực. Điều này có nghĩa là ngoài Trung Quốc, EU tăng cường theo dõi các quốc gia được xem là **điểm trung chuyển** hoặc **cứ điểm tái xuất** của hàng hóa Trung Quốc, chẳng hạn như **Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia**. Đây là các quốc gia có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh vào

EU, cơ cấu sản xuất đan xen với Trung Quốc, và nhiều dự án FDI mang dấu ấn chuỗi cung ứng Trung Quốc. Do vậy, trong tương lai gần, các quốc gia này sẽ nằm trong danh sách giám sát trọng điểm của EU về nguy cơ chuyển luồng thương mại và gian lận xuất xứ.

Về hành vi lẫn tránh, EU dự báo sẽ chú trọng các hình thức phổ biến nhất trong chuỗi cung ứng hiện đại: **gia công đơn giản, thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm, tách nhỏ lô hàng**, và **thực hiện hấp thụ thuế** để giảm tác động của thuế chống bán phá giá. Các phương thức này hầu hết dựa trên việc tận dụng sự linh hoạt của chuỗi cung ứng hoặc lợi thế chi phí từ các nước thứ ba, và thường khó phát hiện hơn so với mô hình chuyển luồng thương mại thuần túy.

Cuối cùng, một trong những động lực lớn nhất định hình chiến lược chống lẫn tránh của EU chính là **CBAM (Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới)** và các chính sách công nghiệp xanh. Khi EU áp thuế carbon lên hàng nhập khẩu, nguy cơ doanh nghiệp chuyển hoạt động sản xuất sang quốc gia khác để tránh nghĩa vụ carbon sẽ tăng lên. Do đó, cơ chế chống lẫn tránh nhiều khả năng sẽ được mở rộng sang cả lĩnh vực môi trường, bảo đảm rằng các tiêu chuẩn carbon không bị vô hiệu hóa bởi những thay đổi bề ngoài trong chuỗi cung ứng.

Tổng thể, chiến lược tương lai của EU thể hiện một bước dịch chuyển quan trọng:

từ bảo vệ ngành sản xuất nội địa đơn thuần sang **bảo đảm tính minh bạch, an toàn và bền vững của chuỗi cung ứng**, trong đó chống lẫn tránh đóng vai trò nòng cốt để duy trì hiệu lực của toàn bộ hệ thống phòng vệ thương mại.

#### **4. Nhận định chung về vai trò của chống lẫn tránh trong hệ thống phòng vệ thương mại EU**

Trong hệ thống phòng vệ thương mại của EU, các biện pháp chống lẫn tránh (AC) ngày càng giữ vai trò trọng tâm. Mặc dù về mặt hình thức, AC được thiết kế để bảo vệ hiệu quả cho các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp (mục 4.1), và cũng đóng vai trò răn đe trước hành vi chuyên luồng thương mại qua nước thứ ba (mục 4.2), song bản chất chiến lược của AC thể hiện rõ hơn ở hai khía cạnh sâu sắc hơn: **mối liên hệ giữa AC và lợi ích của Liên minh**, và **tính linh hoạt của EU trong diễn giải thế nào là hành vi lẫn tránh**. Đây là hai yếu tố định hình cách EU thực thi AC và cũng là nền tảng cho xu hướng siết chặt công cụ này trong tương lai.

Trước hết, ở góc độ **Lợi ích liên minh**, EU luôn đánh giá rằng việc duy trì hiệu lực của các biện pháp AD/CVD không chỉ nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa mà còn phục vụ lợi ích kinh tế xã hội rộng lớn hơn của Liên minh. Trong nhiều báo cáo và quyết định, EU lập luận rằng nếu các biện pháp AD/CVD bị vô hiệu hóa vì hành vi lẫn tránh, thiệt hại không chỉ dừng lại ở

ngành sản xuất mà có thể mở rộng sang mất cân bằng cạnh tranh, suy giảm tự chủ chiến lược và ảnh hưởng đến đầu tư dài hạn vào các ngành then chốt. Do đó, chống lẫn tránh được coi là một phần của bức tường phòng thủ giúp đảm bảo sự ổn định của thị trường EU, đặc biệt trong những lĩnh vực đóng vai trò chiến lược như thép, năng lượng sạch, hóa chất và phương tiện vận tải điện. Việc mở rộng biện pháp AC sang các nước thứ ba trong những năm gần đây ngay cả khi các nước này không bị cáo buộc bán phá giá phản ánh rõ quan điểm rằng bảo vệ lợi ích chung của Liên minh vượt lên trên phạm vi một vụ việc hay một loại sản phẩm cụ thể.

Khía cạnh thứ hai và mang tính đặc thù nhất là **tính linh hoạt của EU trong diễn giải khái niệm lẫn tránh**. So với các khuôn khổ pháp lý của WTO, EU trao cho mình biên độ rộng hơn để xác định hành vi lẫn tránh trong thực tiễn. Điều này được thể hiện ở ba điểm then chốt. Thứ nhất, EU không yêu cầu chứng minh toàn bộ chuỗi gian lận, mà chỉ cần cho thấy **sự thay đổi bất thường trong mô hình thương mại** sau khi biện pháp AD/CVD được áp dụng. Thứ hai, EU có thể coi các hành vi như **gia công đơn giản, lắp ráp cơ bản, hoặc thay đổi nhẹ đặc tính sản phẩm** là đủ để kết luận có lẫn tránh, miễn là các công đoạn này không tạo ra giá trị gia tăng đáng kể. Thứ ba, EU có thể mở rộng biện pháp dù không chứng minh được sự tham gia trực tiếp” của nhà sản xuất nước bị áp thuế gốc,

chỉ cần sự trùng khớp về dòng chảy thương mại hoặc về nguồn cung linh kiện.

Chính nhờ sự linh hoạt này, EU có thể phản ứng nhanh trước các biến động trong chuỗi cung ứng và hành vi thích ứng của doanh nghiệp nước thứ ba. Trong thực tiễn, điều này mang lại hiệu quả bảo vệ mạnh mẽ hơn cho ngành sản xuất EU nhưng đồng thời cũng làm gia tăng mức độ rủi ro cho các nước xuất khẩu, nhất là những nước chịu sự dịch chuyển sản xuất từ quốc gia bị áp thuế gốc. Vì vậy, sự linh hoạt này vừa là công cụ giúp EU duy trì tính hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại, vừa thể hiện cách EU diễn giải luật theo hướng mở rộng, phù hợp với mục tiêu chiến lược về tự chủ kinh tế, kiểm soát chuỗi cung ứng và bảo hộ có chọn lọc.

## **II. Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh của EU đối với các quốc gia**

### **1. Các nhóm ngành điển hình thường bị EU điều tra lẩn tránh**

Trong bức tranh chung của các biện pháp phòng vệ thương mại mà Liên minh châu Âu (EU) áp dụng đối với hàng nhập khẩu, các cuộc điều tra chống lẩn tránh đã xuất hiện với tần suất ngày càng tăng và trở thành một phần trọng tâm trong chiến lược thương mại của khối. Việc theo dõi các xu hướng điều tra trên phạm vi toàn cầu cho thấy rằng EU thường tập trung vào bốn nhóm ngành có nguy cơ lẩn tránh cao nhất: thép và kim loại cơ bản, xe đạp điện và các sản phẩm liên quan đến pin, hóa chất và

sản phẩm hóa dầu, cùng với các nhóm hàng công nghiệp chế biến gia công như nhôm, tấm gỗ và vật liệu xây dựng. Đây đều là những lĩnh vực mà năng lực sản xuất toàn cầu dư thừa, chuỗi cung ứng mang tính đa tầng và phân tán theo khu vực, khiến cho rủi ro lẩn tránh thông qua gia công đơn giản hoặc chuyển luồng thương mại trở nên đặc biệt phổ biến.

Nhóm ngành thép và kim loại cơ bản được xem là lĩnh vực mà EU áp dụng nhiều



biện pháp chống lẩn tránh nhất và cũng là nơi diễn ra các vụ việc phức tạp nhất. Thép cán nguội, thép không gỉ, thép mạ hợp kim và thép hữu cơ đều là những loại sản phẩm thường xuyên bị giám sát vì liên quan chặt chẽ đến tình trạng công suất dư thừa toàn cầu, chủ yếu từ Trung Quốc. Khi EU áp thuế chống bán phá giá đối với thép nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc Ấn Độ, nhiều doanh nghiệp nước ngoài tìm cách chuyển hàng sang các nước như Malaysia, Thổ Nhĩ Kỳ, Serbia hoặc các quốc gia ASEAN để thực hiện một số công đoạn gia công nhỏ, nhằm đạt điều kiện xuất xứ mới và né tránh

thuế. EU đã khởi xướng nhiều vụ điều tra trong bối cảnh này và thường kết luận rằng mức độ gia công tại nước thứ ba không đủ để tạo ra sự biến đổi đáng kể của sản phẩm, từ đó mở rộng thuế chống bán phá giá sang những quốc gia có liên quan.

Trong các vụ thép không gỉ cán nguội, thép phủ màu hoặc thép cuộn cán nguội, EU nhất quán cho rằng việc thay đổi mã HS, thay đổi bề mặt hoặc thực hiện gia công cơ bản với giá trị gia tăng quá thấp vẫn cấu thành hành vi lẩn tránh. Những kết luận như vậy phản ánh cách tiếp cận nghiêm ngặt của EU trong lĩnh vực thép một ngành mang tính chiến lược cao và có liên quan đến hàng triệu việc làm trong khối.

Bên cạnh thép, nhóm ngành xe đạp điện và các sản phẩm liên quan đến pin cũng là lĩnh vực mà EU tập trung nguồn lực điều tra lẩn tránh trong nhiều năm gần đây. Khi EU áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp lên xe đạp điện nhập khẩu từ Trung Quốc, dòng chảy thương mại lập tức dịch chuyển sang các nước ASEAN.



Nhiều doanh nghiệp Trung Quốc thành

lập cơ sở lắp ráp tại Thái Lan, Malaysia hoặc Indonesia nhằm nhập linh kiện từ Trung Quốc, hoàn thiện sản phẩm tại nước thứ ba rồi xuất khẩu sang EU. Các cuộc điều tra của EU cho thấy rằng phần lớn giá trị linh kiện vẫn đến từ Trung Quốc, còn công đoạn lắp ráp tại các nước ASEAN chỉ mang tính tối thiểu.

Vì vậy, EU đã mở rộng thuế AD/CVD đối với xe đạp điện nhập khẩu từ một loạt quốc gia thứ ba. Đây là ví dụ điển hình cho xu hướng doanh nghiệp dịch chuyển cơ sở sản xuất để né thuế và cũng minh họa cách EU sử dụng chống lẩn tránh để đóng lỗ hổng trong chuỗi cung ứng. Xu hướng này có thể sẽ gia tăng trong thời gian tới khi châu Âu chuyển mạnh sang phương tiện xanh và phương tiện sử dụng pin lithium-ion những lĩnh vực mà Trung Quốc có lợi thế áp đảo.

Trong ngành hóa chất và sản phẩm hóa dầu, EU cũng đã tiến hành nhiều cuộc điều tra nhằm xác định xem các sản phẩm có bị chuyển luồng qua các nước có công đoạn chế biến nhẹ trước khi xuất khẩu sang EU hay không. Các vụ điển hình như acid citric hoặc acid tartaric cho thấy doanh nghiệp quốc tế thường tận dụng các công đoạn đơn giản như pha trộn, đóng gói lại hoặc tinh chế sơ bộ để tạo ra mã HS mới hoặc xuất xứ khác. Tuy nhiên, EU, thông qua việc phân tích giá trị gia tăng và dòng chảy thương mại, thường kết luận rằng các công đoạn này không đủ tạo ra sự biến đổi đáng kể của sản phẩm. Những kết luận như vậy

cho phép EU mở rộng áp thuế sang các quốc gia thứ ba, nhằm bảo vệ ngành hóa chất nội địa và đồng thời giảm rủi ro về an toàn sản phẩm khi các hóa chất kém chất lượng có thể nhập vào thị trường.

Cuối cùng, nhóm ngành công nghiệp chế biến gia công như nhôm, tấm gỗ và vật liệu xây dựng cũng là tâm điểm điều tra trong nhiều năm gần đây. Trong lĩnh vực nhôm định hình, EU đã ghi nhận các mô hình chuyển luồng thương mại từ Trung Quốc sang một số quốc gia ASEAN, trong đó sản phẩm nhôm được gia công lại một cách tối thiểu nhằm thay đổi xuất xứ. Tương tự, với các sản phẩm gỗ và tấm ván, EU đặc biệt quan tâm đến việc các nước thứ ba trở thành nơi tập kết để lẩn tránh các biện pháp về tính bền vững và nguồn gốc nguyên liệu.

Ngành công nghiệp nhẹ, với đặc tính dễ tháo lắp, thay đổi bao bì hoặc tái đóng gói, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng thực hiện các hành vi lẩn tránh tinh vi nếu không bị giám sát chặt chẽ. Vì vậy, các biện pháp chống lẩn tránh trong nhóm ngành này được đánh giá là mang tính phòng ngừa hơn là phản ứng thuần túy.

Thông qua bốn nhóm ngành điển hình và các vụ việc tiêu biểu nêu trên, có thể thấy rằng EU duy trì một cách tiếp cận chủ động và ngày càng sâu sát đối với các hành vi lẩn tránh. Điều này xuất phát từ mục tiêu kép: bảo vệ tính hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại đã ban hành và duy trì sự ổn định của chuỗi cung ứng trong các ngành chiến lược. Đồng thời, bằng cách

nhấn mạnh vào phân tích mô hình thương mại, giá trị gia tăng và mức độ gia công, EU đã xây dựng được một hệ thống đánh giá linh hoạt nhưng chặt chẽ. Từ đây có thể dự báo rằng các nhóm ngành nêu trên sẽ tiếp tục là mục tiêu điều tra chủ đạo trong nhiều năm tới, đặc biệt khi EU mở rộng các chính sách xanh, yêu cầu truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn hóa chuỗi cung ứng đối với những sản phẩm then chốt.

## 2. Các vụ việc tiêu biểu

Trong số các cuộc điều tra chống lẩn tránh mà EU đã tiến hành trong nhiều năm gần đây, có một số vụ việc tiêu biểu minh họa rõ nhất cách tiếp cận của EU trong việc phát hiện, phân tích và mở rộng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp khi xuất hiện hành vi né tránh. Những vụ việc này không chỉ thể hiện khả năng EU theo dõi sát các dòng chảy thương mại mà còn cho thấy cách EU sử dụng dữ liệu, lập luận pháp lý và phân tích chuỗi cung ứng để đưa ra kết luận.

Một trong những vụ việc gây chú ý lớn là loạt điều tra liên quan đến **thép không gỉ cán nguội** và **thép cuộn cán nguội** trong giai đoạn 2020–2024. Trong các cuộc điều tra này, EU chỉ ra sự thay đổi đột ngột trong mô hình thương mại ngay sau khi biện pháp chống bán phá giá đối với Trung Quốc hoặc Indonesia có hiệu lực. Dòng hàng xuất khẩu sang EU giảm mạnh từ các quốc gia bị áp thuế gốc, nhưng lại tăng tương ứng từ một số nước thứ ba gần như không có năng lực sản xuất đáng kể trước

đó. Khi xác minh, EU phát hiện nhiều doanh nghiệp tại nước thứ ba thực hiện các công đoạn gia công rất nhỏ như cắt cuộn, cán lại ở mức hạn chế hoặc thay đổi mã sản phẩm mà không làm thay đổi bản chất vật lý. Lập luận của EU trong các vụ này thường dựa vào tỷ lệ giá trị gia tăng quá thấp, sự tương đồng về chủng loại hàng hóa và việc nhập khẩu nguyên liệu gần như hoàn toàn từ quốc gia bị áp thuế gốc. Kết luận cuối cùng thường là mở rộng thuế chống bán phá giá ban đầu sang nước thứ ba liên quan.

Một vụ việc quan trọng khác là chuỗi điều tra liên quan đến **xe đạp điện và linh kiện xe đạp điện**. Sau khi EU áp thuế chống bán phá giá/trợ cấp đối với Trung Quốc, xuất khẩu xe đạp điện từ Thái Lan, Malaysia và một số nước ASEAN tăng đột biến. Khi điều tra, EU yêu cầu đối chiếu dữ liệu nhập khẩu linh kiện từ Trung Quốc với dữ liệu xuất khẩu xe đạp điện hoàn chỉnh sang EU. Kết quả cho thấy tỷ lệ nhập khẩu linh kiện từ Trung Quốc tăng tương ứng với tỷ lệ tăng xuất khẩu thành phẩm từ nước thứ ba, xác nhận mô hình lắp ráp đơn giản. Đáng chú ý, trong một số vụ, EU còn phát hiện sự tham gia của các công ty Trung Quốc trong vận hành nhà máy tại nước thứ ba, coi đây là bằng chứng bổ sung về mục tiêu chuyển luồng thương mại nhằm né thuế. Hệ quả là EU mở rộng biện pháp lên cả sản phẩm hoàn chỉnh lẫn linh kiện.

Trong lĩnh vực hóa chất, các vụ việc liên

quan đến **acid citric và acid tartaric** cho thấy EU đặc biệt nhạy cảm với hành vi tinh chế nhẹ hoặc tái chế trong nước thứ ba. Các doanh nghiệp thường nhập acid thô từ nước bị áp thuế, thực hiện một công đoạn tinh chế đơn giản, sau đó xuất khẩu sang EU với mã HS khác. Khi phân tích, EU dựa vào hồ sơ kỹ thuật, tỷ lệ giá trị gia tăng và quy mô đầu tư tại nước thứ ba để xác định liệu quá trình này có đủ để tạo ra sản phẩm mới. Kết luận trong nhiều trường hợp là không, dẫn đến việc mở rộng biện pháp.

Một ví dụ khác liên quan ngành công nghiệp nhẹ là các vụ việc về **nhôm định hình và tấm gỗ**.

Tại đây, EU thường phát hiện mô hình tái đóng gói, thay đổi hình dạng tối thiểu hoặc thêm bước xử lý bề mặt nhằm tạo ấn tượng về nguồn gốc mới. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp thậm chí sử dụng hệ thống logistic để quay vòng hàng hóa qua một nước trung gian mà không trải qua bất kỳ quá trình sản xuất nào. Khi đối chiếu dữ liệu xuất nhập khẩu giữa các nước, EU dễ dàng phát hiện sự bất hợp lý và kết luận có lần tránh.

Nhìn chung, các vụ việc trên có thể thấy cách EU kết hợp phân tích kỹ thuật, dòng chảy thương mại và dữ liệu hải quan để đưa ra kết luận. Đồng thời, có thể nhận thấy rằng lập trường ngày càng chặt chẽ của EU trong việc xử lý những hành vi dù nhỏ nhất nhưng có khả năng vô hiệu hóa hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại hiện hành.

### 3. Các tiêu chí EU đánh giá hành vi lẩn tránh trong thực tiễn

Trong thực tiễn điều tra chống lẩn tránh, EU sử dụng một hệ thống đánh giá nhiều tầng, kết hợp phân tích dữ liệu thương mại, kiểm tra kỹ thuật về quy trình sản xuất và đánh giá hành vi doanh nghiệp để xác định liệu có tồn tại lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp hay không. Cách tiếp cận của EU được xem là khá đặc thù bởi không chỉ dựa trên định nghĩa pháp lý thuần túy của WTO mà còn phản ánh quan điểm của EU về bảo vệ chuỗi cung ứng, ổn định thị trường và duy trì hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại.

Một trong những bước đánh giá đầu tiên của EU là quan sát **sự thay đổi mô hình thương mại** sau khi biện pháp phòng vệ được ban hành. EU không yêu cầu chứng minh tuyệt đối rằng hành vi lẩn tránh bắt nguồn từ doanh nghiệp nước bị áp thuế gốc; thay vào đó, EU tìm kiếm những dấu hiệu bất thường trong số liệu thương mại. Ví dụ, nếu xuất khẩu từ nước bị áp thuế giảm mạnh trong khi xuất khẩu từ một nước thứ ba tăng nhanh ở cùng loại sản phẩm, EU coi đây là lý do để xem xét liệu sự thay đổi đó có liên quan đến việc né tránh thuế. Phương pháp này cho phép EU phát hiện lẩn tránh ngay cả khi không có bằng chứng trực tiếp về gian lận có chủ đích.

Bên cạnh phân tích mô hình thương mại, EU đặc biệt chú trọng đến **giá trị gia tăng và mức độ chuyển đổi sản phẩm** tại nước thứ ba. Các đoàn điều tra thường yêu cầu

doanh nghiệp cung cấp hồ sơ chi tiết về nguyên liệu đầu vào, tỷ lệ sử dụng linh kiện nhập khẩu từ nước bị áp thuế, quy trình sản xuất, mức đầu tư máy móc và chi phí lao động.

Nếu quá trình tại nước thứ ba chỉ bao gồm các công đoạn đơn giản như lắp ráp cơ bản, gia công nhỏ hoặc thay đổi hình dạng bề ngoài mà không tạo ra sản phẩm mới về bản chất, EU có thể kết luận rằng công đoạn này không đủ để tạo ra xuất xứ mới và vì vậy cấu thành hành vi lẩn tránh. Điểm đáng chú ý là EU không áp dụng một ngưỡng cố định về tỷ lệ giá trị gia tăng mà đánh giá trên cơ sở từng vụ việc, tùy theo đặc thù ngành và loại sản phẩm.

EU cũng tiến hành **đối chiếu dữ liệu hải quan**, bao gồm lượng nhập khẩu nguyên liệu, lượng xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh và hồ sơ giao dịch của doanh nghiệp. Thông qua việc đối chiếu này, EU có thể xác định sự tương đồng đáng ngờ giữa lượng nguyên liệu nhập từ nước bị áp thuế gốc và lượng hàng xuất khẩu sang EU sau đó. Trong nhiều vụ việc, sự trùng khớp gần như tuyệt đối về số lượng giữa hai dòng này là bằng chứng quan trọng để EU kết luận có lẩn tránh.

Ngoài phân tích kỹ thuật và dữ liệu, EU còn đánh giá **cấu trúc sở hữu và quan hệ thương mại** giữa doanh nghiệp tại nước bị áp thuế và doanh nghiệp tại nước thứ ba. Nếu phát hiện doanh nghiệp nước thứ ba có liên kết tài chính, quan hệ công ty mẹ – công ty con, hoặc hợp đồng cung ứng độc



quyền với đối tượng bị áp thuế gốc, EU xem đây là bằng chứng bổ sung củng cố nghi vấn lẫn tránh.

Cuối cùng, EU áp dụng cách tiếp cận tổng thể, nghĩa là không cần tất cả các yếu tố trên đều tồn tại mới kết luận lẫn tránh. Chỉ cần một chuỗi bằng chứng đủ mạnh dù gián tiếp EU vẫn có thể mở rộng biện pháp. Chính sự linh hoạt này tạo nên đặc trưng trong cách EU đánh giá lẫn tránh, đồng thời lý giải vì sao nhiều vụ việc bị mở rộng thuế dù doanh nghiệp nước thứ ba vẫn thực hiện một phần sản xuất thực tế.

#### **4. Nhận xét rút ra từ thực tiễn áp dụng của EU đối với các nước**

Quan sát thực tiễn điều tra chống lẫn tránh của EU trong hơn một thập kỷ qua cho thấy một loạt đặc điểm nhất quán trong cách khối này xử lý các hành vi được cho là nhằm vô hiệu hóa biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Một nhận định quan trọng là EU có xu hướng **mở rộng thuế gốc** với mức thuế tương tự biện pháp ban đầu

đối với các nước thứ ba bị kết luận có liên quan đến hành vi lẫn tránh. Việc lựa chọn áp dụng thuế gốc thay vì xây dựng mức thuế mới giúp EU hạn chế thời gian điều tra và bảo đảm tính răn đe mạnh mẽ, bởi mức thuế gốc thường được xem là mức thể hiện đầy đủ nhất thiệt hại mà ngành sản xuất EU phải chịu. Đồng thời, điều này cho thấy EU không coi các doanh nghiệp trong nước thứ ba là đối tượng bị điều tra độc lập, mà xem họ là một phần kéo dài của chuỗi hoạt động bị coi là lẫn tránh từ quốc gia bị áp thuế ban đầu.

Liên quan mật thiết với xu hướng này là cách EU ngày càng mở rộng phạm vi điều tra trên **toàn bộ chuỗi cung ứng**, thay vì chỉ xem xét hàng hóa cuối cùng. Trên thực tế, nhiều vụ việc cho thấy các doanh nghiệp có thể chuyển đổi hình thức xuất khẩu, chẳng hạn thay vì xuất khẩu thành phẩm, họ chuyển sang xuất khẩu linh kiện hoặc nguyên liệu để lắp ráp tại nước thứ ba. EU phản ứng bằng cách phân tích dòng nguyên

liệu, nguồn gốc linh kiện và mức độ phụ thuộc vào đầu vào từ nước bị áp thuế. Vì vậy, không ít vụ điều tra chống lẩn tránh được mở rộng sang cả linh kiện, phụ kiện hoặc sản phẩm trung gian. Điều này chứng tỏ rằng EU đã dịch chuyển tư duy từ điều tra sản phẩm đơn lẻ sang giám sát toàn bộ chuỗi giá trị, nhằm ngăn chặn chiến lược “bê nhỏ” sản phẩm để tránh thuế.

Một điểm nổi bật khác là EU có lập trường ngày càng nghiêm ngặt khi đánh giá **gia công không đáng kể**. Ngưỡng không đáng kể được EU diễn giải rộng, không chỉ bao gồm các thao tác kỹ thuật đơn giản, mà còn áp dụng với những công đoạn có vẻ phức tạp hơn nhưng không làm thay đổi bản chất sản phẩm. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp tại nước thứ ba khó chứng minh được rằng sản phẩm xuất khẩu sang EU thực sự được chế biến đáng kể trong nước họ. Sự nghiêm ngặt này phản ánh quan điểm của EU rằng bất kỳ quy trình sản xuất nào chỉ đóng vai trò trung chuyển hữu hình đều không đủ để tạo ra xuất xứ mới cho sản phẩm.

Cùng với đó, thực tiễn cũng cho thấy có sự **chuyển dịch từ điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp sang điều tra chống lẩn tránh** khi doanh nghiệp thay đổi hành vi xuất khẩu để thích ứng với thuế ban đầu. Việc này thể hiện rõ qua mô hình doanh nghiệp di dời hoạt động sang các nước trong khu vực, hoặc thay đổi cấu trúc sản phẩm để né mã HS. Thay vì mở cuộc điều tra mới hoàn toàn, EU lựa chọn kích hoạt

cơ chế chống lẩn tránh, vốn có thời gian xử lý ngắn hơn và phạm vi áp dụng rộng hơn, giúp khối này duy trì hiệu lực biện pháp trong thời gian thực.

Từ các xu hướng trên, bài học quan trọng rút ra ở tầm quốc tế là yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng và khả năng truy xuất nguồn gốc trở thành yếu tố bắt buộc. Các quốc gia và doanh nghiệp không chỉ cần đảm bảo năng lực sản xuất thực chất mà còn phải duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, chứng từ đầu vào đầu ra rõ ràng để giảm thiểu rủi ro bị xem là mắt xích trong hành vi lẩn tránh.

### **III. Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh của EU đối với Việt Nam**

#### **1. Vị trí của Việt Nam trong thương mại với EU và nguy cơ bị điều tra**

Vị trí của Việt Nam trong thương mại với EU ngày càng được củng cố, đặc biệt trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tái cấu trúc và các doanh nghiệp quốc tế tìm kiếm những điểm sản xuất ổn định, chi phí cạnh tranh và tiếp cận tốt thị trường. Một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự nổi lên của Việt Nam trên bản đồ thương mại EU là xu hướng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc. Khi EU gia tăng áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một loạt sản phẩm có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhiều doanh nghiệp đã lựa chọn Việt Nam như một cứ điểm thay thế trong chuỗi cung ứng. Việt Nam có lợi thế lớn về lực lượng lao động, cơ sở hạ tầng

sản xuất ngày càng hoàn thiện, và quan trọng hơn, không bị áp số lượng lớn biện pháp phòng vệ thương mại như Trung Quốc. Điều này khiến dòng vốn FDI, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến chế tạo, liên tục tăng, kéo theo năng lực sản xuất của Việt Nam mở rộng đáng kể trong các ngành như thép, điện điện tử, hóa chất và đồ gỗ. Tuy nhiên, chính sự dịch chuyển mạnh mẽ này cũng đặt Việt Nam vào vị trí điểm trung chuyển tiềm năng, nơi EU có xu hướng giám sát chặt để xác định liệu có hành vi chuyển luồng thương mại nhằm lẩn tránh thuế từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Song song với xu hướng đó, **tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam vào EU cũng tăng mạnh**, đặc biệt ở những nhóm hàng mà EU xem là nhạy cảm hoặc đang có biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng với quốc gia khác.

Trong các năm gần đây, xuất khẩu của Việt Nam sang EU ghi nhận sự mở rộng đáng kể trong các nhóm hàng thép cán dẹt, sản phẩm cơ khí, pin linh kiện điện, đồ gỗ, hóa chất và một số sản phẩm dệt may da giày. Nhiều mặt hàng trong số này có mức tăng trưởng theo năm lên tới hai con số, đặc biệt trong giai đoạn 2020–2023. Mặc dù sự tăng trưởng này phản ánh năng lực sản xuất ngày càng cải thiện của Việt Nam, EU cũng thường xem xét liệu mức tăng có xuất phát từ sản xuất thực chất hay từ việc nhập nguyên liệu, linh kiện từ các nước bị áp thuế gốc rồi gia công đơn giản tại Việt Nam. Vì vậy, tăng trưởng xuất khẩu nhanh

thường đi kèm với nguy cơ cao bị giám sát, nhất là khi sự mở rộng thị phần của Việt Nam diễn ra đồng thời với sự sụt giảm tương ứng từ Trung Quốc hoặc Ấn Độ.

Một yếu tố quan trọng khác tác động đến vị trí của Việt Nam trong thương mại với EU là **Hiệp định EVFTA**, vốn mang lại ưu đãi thuế quan sâu rộng cho hàng hóa Việt Nam. EVFTA giúp hàng Việt Nam có lợi thế cạnh tranh đáng kể so với các đối thủ không có hiệp định với EU.

Tuy nhiên, chính ưu đãi thuế quan này tạo ra động lực mạnh mẽ để các doanh nghiệp quốc tế dịch chuyển một phần chuỗi sản xuất sang Việt Nam nhằm tận dụng ưu đãi thuế. Điều này khiến EU có xu hướng giám sát chặt hơn các dòng hàng từ Việt Nam, đặc biệt đối với những sản phẩm mà EU nghi ngờ có khả năng mượn xuất xứ. Trong bối cảnh EU áp dụng ngày càng nhiều chính sách liên quan tới tiêu chuẩn xanh, kiểm soát chuỗi cung ứng và phòng vệ thương mại, Việt Nam với vị trí vừa là trung tâm sản xuất mới nổi, vừa là nền kinh tế hưởng ưu đãi EVFTA đứng trước cả cơ hội lẫn thách thức. Cơ hội đến từ khả năng mở rộng thị phần, nhưng thách thức nằm ở nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh nếu EU cho rằng sản phẩm xuất khẩu sang thị trường này không phản ánh đúng năng lực sản xuất nội địa của Việt Nam.

## **2. Các vụ điều tra chống lẩn tránh liên quan đến Việt Nam**

Trong những năm gần đây, Việt Nam nổi lên như một trong những quốc gia thường

xuyên được EU đưa vào diện xem xét trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Mặc dù số lượng vụ việc liên quan trực tiếp đến Việt Nam không quá lớn so với một số quốc gia khác trong khu vực, mức độ chú ý mà EU dành cho Việt Nam đang tăng nhanh, phản ánh những biến động phức tạp trong chuỗi cung ứng toàn cầu và sự gia tăng mạnh mẽ năng lực sản xuất tại Việt Nam. Trong đó, vụ việc quan trọng và tiêu biểu nhất là cuộc điều tra liên quan đến **thép không gỉ cán nguội (SSCR – R797)**, vốn mở ra một giai đoạn mới trong cách EU đánh giá Việt Nam trong bối cảnh nguy cơ lẩn tránh.

Ở vụ SSCR, EU khởi xướng điều tra sau khi nhận thấy lượng thép không gỉ nhập khẩu từ Indonesia nước bị áp thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá giảm mạnh, trong khi lượng nhập khẩu cùng mặt hàng từ Việt Nam lại tăng đáng kể trong cùng thời kỳ. Điều đáng chú ý là EU nhận thấy nhiều doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn thép cán nóng hoặc thép cuộn từ Indonesia trước khi xuất khẩu sản phẩm cán nguội vào EU. Trong quá trình điều tra, EU tập trung phân tích giá trị gia tăng thực hiện tại Việt Nam, mức độ đầu tư vào dây chuyền cán nguội, tỷ lệ sử dụng nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc từ Indonesia, và cấu trúc sở hữu hoặc quan hệ thương mại giữa các công ty Việt Nam và nhà sản xuất Indonesia. Kết luận của EU là quá trình sản xuất tại Việt Nam không đủ

để tạo ra sự chuyển đổi đáng kể về bản chất sản phẩm, từ đó mở rộng biện pháp chống trợ cấp và chống bán phá giá ban đầu vốn áp lên Indonesia sang cả hàng xuất khẩu của Việt Nam. Đây là lần đầu tiên EU áp dụng biện pháp mở rộng chống lẩn tránh đối với thép Việt Nam ở quy mô lớn, tạo tiền lệ quan trọng cho các vụ việc sau này.

Bên cạnh vụ việc trên, EU cũng nhiều lần đưa ra **cảnh báo giám sát tăng cường** đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bất thường trong bối cảnh các nước trong khu vực bị áp thuế gốc. Các mặt hàng thép như thép phủ nhôm kẽm, thép hữu cơ, thép cán nguội và ốc vít thép đều nằm trong danh sách theo dõi chặt của EU. Mặc dù chưa mở điều tra chính thức cho một số mặt hàng, EU thường xuyên cập nhật thông tin từ cơ quan hải quan và yêu cầu doanh nghiệp EU báo cáo về các dấu hiệu bất thường trong nhập khẩu từ Việt Nam. Điều này cho thấy EU có thể khởi xướng điều tra bất kỳ lúc nào nếu phát hiện sự trùng khớp đáng ngờ giữa sự giảm nhập khẩu từ Trung Quốc và sự tăng nhập khẩu từ Việt Nam.

Ở ngoài ngành thép, các sản phẩm như **xe đạp điện, pin lithium, linh kiện điện tử và đồ gỗ** cũng được EU chú ý do sự mở rộng nhanh chóng của xuất khẩu Việt Nam trong các lĩnh vực này. Mặc dù chưa có vụ điều tra chống lẩn tránh chính thức, EU đã nêu rõ quan ngại rằng chuỗi cung ứng của Việt Nam trong các ngành nêu trên vẫn còn phụ thuộc lớn vào nguyên liệu hoặc linh

kiện từ Trung Quốc, quốc gia đang chịu nhiều biện pháp phòng vệ. Điều này khiến nguy cơ bị xem xét điều tra trong tương lai là không thể bỏ qua.

Nhìn tổng thể, các vụ việc đã và đang được EU xem xét cho thấy Việt Nam đứng trước rủi ro bị điều tra chống lẩn tránh bất cứ lúc nào nếu không chứng minh được năng lực sản xuất thực chất và mức độ độc lập trong chuỗi cung ứng. Đây là cảnh báo quan trọng cho cả cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp trong nước.

### 3. Đặc điểm riêng trong cách EU xem xét Việt Nam

Khi đánh giá nguy cơ lẩn tránh đối với Việt Nam, EU có cách tiếp cận mang tính đặc thù hơn so với nhiều quốc gia khác trong khu vực. Điều này không chỉ xuất phát từ vị thế ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, mà còn bởi những đặc điểm cấu trúc của nền sản xuất Việt Nam khiến EU đặc biệt chú ý. Bốn yếu tố nổi bật dưới đây cho thấy vì sao Việt Nam thường được đặt vào nhóm quốc gia có nguy cơ lẩn tránh trung bình đến cao trong các báo cáo và phân tích của EU.

Thứ nhất, EU luôn dành sự quan tâm đáng kể đến **mối liên hệ giữa chuỗi cung ứng của Việt Nam và Trung Quốc**. Mặc dù Việt Nam đã nỗ lực mở rộng mạng lưới cung ứng nội địa, Trung Quốc vẫn giữ vai trò nhà cung cấp nguyên liệu, linh kiện và máy móc lớn nhất trong nhiều ngành công nghiệp của Việt Nam, đặc biệt là thép, điện



điện tử, hóa chất, pin và các mặt hàng cơ khí. Từ góc nhìn của EU, việc nhập khẩu nguyên liệu từ Trung Quốc rồi chế biến hoặc lắp ráp tại Việt Nam có thể tạo ra rủi ro chuyển luồng thương mại ẩn, nhất là khi EU đang áp dụng nhiều biện pháp chống bán phá giá đối với các sản phẩm Trung Quốc. Dù Việt Nam phát triển sản xuất thực chất, mức độ phụ thuộc nhất định vào nguồn cung Trung Quốc khiến EU luôn xem xét liệu hoạt động này có góp phần vô hiệu hóa biện pháp phòng vệ hay không.

Thứ hai, EU đặc biệt chú trọng vào **mức độ gia công, mức đầu tư và giá trị gia tăng thực tế** được tạo ra tại Việt Nam. Trong các cuộc điều tra, EU thường yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ chi tiết về quy trình sản xuất, tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu, mức chi phí đầu tư vào dây chuyền công nghệ, chi phí lao động và tỷ lệ giá trị nội địa. Nếu các công đoạn sản xuất thực hiện tại Việt Nam bị đánh giá là đơn giản hoặc không đủ để tạo ra sự biến đổi đáng kể của sản phẩm, EU có xu hướng coi đó là cơ sở để nghi ngờ hành vi lẩn tránh. Điểm đáng lưu ý là EU không áp dụng một

ngưỡng cố định về giá trị gia tăng, mà đánh giá theo từng ngành và theo từng chuỗi cung ứng, khiến các doanh nghiệp Việt Nam càng phải chứng minh năng lực sản xuất một cách đầy đủ và minh bạch.

Thứ ba, EU thường **so sánh mẫu hình thương mại của Việt Nam với quốc gia bị áp thuế gốc**, nhằm xác định liệu sự tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam có liên hệ trực tiếp với sự sụt giảm từ nước bị áp thuế hay không. Nếu dữ liệu cho thấy đường biểu diễn nhập khẩu từ Việt Nam leo dốc đúng thời điểm nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc Indonesia giảm mạnh, EU xem đây là dấu hiệu cảnh báo, kể cả khi doanh nghiệp Việt Nam không có hành vi gian lận rõ ràng. Mô hình so sánh này giúp EU phát hiện sớm những dấu hiệu có thể dẫn đến lẫn tránh thông qua chuyên dịch thương mại.

Cuối cùng, EU có xu hướng **diễn giải sự tăng trưởng đột biến của Việt Nam theo hướng thận trọng**, đôi khi dẫn đến nguy cơ bị “hình sự hóa” như một mắt xích trong hành vi lẫn tránh. Trong bối cảnh dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam mạnh mẽ, nhiều ngành có thể tăng năng lực sản xuất nhanh hơn mức thông thường. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng xuất khẩu diễn ra quá nhanh trong thời gian ngắn mà không đi kèm bằng chứng về đầu tư tương xứng, EU có thể xem đây là dấu hiệu xuất khẩu dựa trên hoạt động tái chế biến đơn giản, tái đóng gói hoặc mượn xuất xứ. Điều này cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động

chứng minh sự mở rộng công suất sản xuất bằng hồ sơ đầu tư, chứng từ mua máy móc và trình bày rõ ràng về sự thay đổi trong quy trình sản xuất.

Tổng thể, cách EU xem xét Việt Nam phản ánh sự thận trọng cao và yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt đối với minh bạch chuỗi cung ứng, sản xuất thực chất và năng lực truy xuất nguồn gốc những yếu tố có ý nghĩa quyết định trong việc giảm rủi ro điều tra lẫn tránh trong tương lai.

#### **4. So sánh cách EU điều tra Việt Nam với các quốc gia khác**

Khi so sánh cách EU điều tra Việt Nam với việc điều tra các quốc gia khác trong khu vực, có thể nhận thấy một số đặc điểm riêng phản ánh cách EU nhìn nhận Việt Nam trong chuỗi cung ứng cũng như trong cấu trúc thương mại toàn cầu. Một trong những yếu tố nổi bật nhất là **mức độ hợp tác của doanh nghiệp Việt Nam**, vốn thường được EU ghi nhận là khá tốt so với nhiều nước khác. Trong nhiều vụ việc, doanh nghiệp Việt Nam tỏ ra chủ động cung cấp số liệu, sẵn sàng trả lời bảng câu hỏi, và hợp tác trong các đợt xác minh tại chỗ. Điều này khác biệt đáng kể với một số doanh nghiệp ở các nước ASEAN khác hoặc ở Trung Quốc nơi mức độ hợp tác đôi khi bị EU đánh giá là hạn chế hoặc không nhất quán, dẫn đến nguy cơ bị áp dụng mức thuế cao nhất theo phương pháp sử dụng dữ liệu sẵn có. Mức độ hợp tác cao của doanh nghiệp Việt Nam giúp giảm rủi ro phải chịu thuế cao bất thường, nhưng cũng đồng

nghĩa rằng EU kỳ vọng doanh nghiệp Việt Nam sẽ cung cấp thông tin ở mức độ chi tiết hơn, đặc biệt về chuỗi cung ứng và giá trị gia tăng.

Tuy nhiên, khi xét đến **chiến thuật thu thập dữ liệu và phản hồi của phía Việt Nam**, vẫn còn một số hạn chế khiến Việt Nam không phải lúc nào cũng đạt được kết quả tốt nhất. Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc lưu trữ chứng từ điện tử, quản lý hồ sơ nội bộ chưa chuẩn hóa hoặc thiếu dữ liệu lịch sử về sản xuất nguyên liệu. Điều này gây khó khăn trong việc chứng minh năng lực sản xuất thực chất, nhất là trong các vụ EU yêu cầu phân tách chi phí theo từng công đoạn. So với các nước có hệ thống quản trị doanh nghiệp phát triển hơn như Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Malaysia, Việt Nam đôi khi mất nhiều thời gian hơn để hoàn thiện hồ sơ hoặc giải trình những sai lệch nhỏ trong dữ liệu. Điều này không làm EU đánh giá thấp thiện chí hợp tác, nhưng có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của số liệu, từ đó tác động đến kết luận cuối cùng.

Một yếu tố quan trọng khác thể hiện sự khác biệt giữa Việt Nam và các quốc gia bị điều tra khác là **mức thuế suất mà EU áp dụng cho Việt Nam khi mở rộng biện pháp**. Trong nhiều vụ việc, dù Việt Nam không phải nước bị áp thuế gốc, EU vẫn áp mức thuế tương tự nước gốc khi kết luận có lẫn tránh. Tuy nhiên, ở một số trường hợp, Việt Nam có thể được hưởng mức thuế thấp hơn nếu doanh nghiệp chứng minh được

tính độc lập trong sản xuất và cơ cấu giá. Điều này tạo ra sự khác biệt so với các quốc gia mà EU đánh giá có mức độ liên kết mạnh hơn với Trung Quốc những nước thường bị áp thẳng mức thuế gốc mà không xem xét riêng từng doanh nghiệp. Như vậy, Việt Nam có cơ hội giảm thuế nếu chứng minh đầy đủ tính tự chủ, nhưng cơ hội này phụ thuộc lớn vào chất lượng dữ liệu và sự nhất quán trong giải trình.

Cuối cùng, vị thế của Việt Nam trong **hệ thống ưu đãi thuế quan GSP và EVFTA** cũng tạo ra ảnh hưởng đáng kể đến cách EU đưa ra kết luận. Việc Việt Nam không còn thuộc diện GSP và thay vào đó được hưởng ưu đãi sâu rộng từ EVFTA vừa tạo lợi thế cạnh tranh, vừa khiến EU giám sát chặt chẽ hơn. Các biện pháp ưu đãi khiến EU đặc biệt thận trọng với nguy cơ doanh nghiệp nước ngoài mượn xuất xứ Việt Nam để hưởng lợi thuế. Điều này khiến EU áp dụng tiêu chí đánh giá nghiêm ngặt hơn trong các vụ việc liên quan Việt Nam so với nhiều nước không có FTA với EU. Do đó, vị thế đặc biệt trong hệ thống ưu đãi vừa là lợi thế thương mại, vừa là yếu tố khiến Việt Nam dễ bị xem xét kỹ lưỡng hơn trong các cuộc điều tra chống lẫn tránh.

#### **IV. Các nguy cơ tiềm ẩn đối với các mặt hàng xuất khẩu khác của Việt Nam**

##### **1. Nhóm hàng có nguy cơ cao**

Trong bối cảnh EU ngày càng siết chặt các biện pháp chống lẫn tránh, nhiều nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được đánh giá là có nguy cơ cao trở thành đối

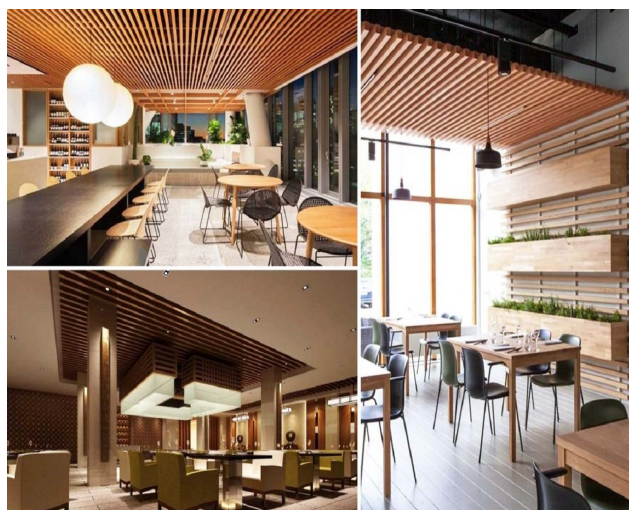
tượng điều tra trong những năm tới. Nguyên nhân không chỉ nằm ở tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ, mà còn ở đặc điểm chuỗi cung ứng đa tầng của Việt Nam, mức độ phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, và sự trùng khớp giữa cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam với những mặt hàng mà EU đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đối với các quốc gia khác. Trong số đó, bốn nhóm hàng dưới đây được xem là nhạy cảm nhất và có nguy cơ cao bị EU xem xét mở điều tra chống lẩn tránh.

Nhóm hàng **thép và kim loại** là lĩnh vực có rủi ro cao nhất xét trên cả dữ liệu thương mại lẫn xu hướng điều tra của EU. Các mặt hàng như thép cán nóng (HRC), thép cán nguội (CRC), thép mạ kẽm (HDG), thép phủ màu và các sản phẩm thép dẹt khác đều nằm trong diện theo dõi chặt chẽ. EU từ lâu đã áp thuế mạnh lên nhiều sản phẩm thép của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ngoài EU, trong khi xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU lại tăng nhanh trong giai đoạn gần đây. Điểm đáng chú ý là năng lực sản xuất thép của Việt Nam đang mở rộng nhanh chóng, song vẫn còn phụ thuộc vào phôi thép và nguyên liệu nhập khẩu từ các quốc gia đang chịu thuế của EU. Sự kết hợp này khiến EU dễ nghi ngờ về khả năng chuyển luồng thương mại hoặc gia công sơ bộ tại Việt Nam trước khi xuất khẩu.

Bên cạnh thép, nhóm hàng thuộc **ngành năng lượng – pin – xe đạp điện và xe điện** cũng được đánh giá có nguy cơ cao.

Đây là những ngành nằm trong chiến lược tự chủ công nghệ và chuyển đổi xanh của EU, đồng thời là những lĩnh vực mà Trung Quốc giữ vai trò cung ứng linh kiện chủ đạo. Khi năng lực sản xuất pin và xe điện tại Việt Nam mở rộng nhờ các dự án FDI, EU có thể đặt câu hỏi liệu sự tăng trưởng này phản ánh sản xuất thực chất hay chỉ là hoạt động lắp ráp linh kiện nhập khẩu. Đặc biệt đối với xe đạp điện và linh kiện, Việt Nam có vị trí gần giống với các nước ASEAN từng bị EU mở rộng thuế trong các cuộc điều tra trước đây, khiến nguy cơ bị xem xét là rất đáng chú ý.

Nhóm hàng **gỗ, nội thất và sản phẩm composite** cũng được EU theo dõi sát sao. Ngành gỗ Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh nhưng phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong khi đó, EU đang áp dụng các quy định rất nghiêm về tính hợp pháp và truy xuất nguồn gốc gỗ, đồng thời đặt mối quan ngại cao với hiện tượng mượn xuất xứ. Nếu xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam tăng trưởng quá nhanh trong khi nhập khẩu nguyên liệu gỗ



từ Trung Quốc cũng tăng tương ứng, EU có thể đặt nghi vấn về việc Việt Nam trở thành điểm trung chuyển.

Cuối cùng, các sản phẩm **dệt may – da giày** cũng có thể đối mặt nguy cơ, dù mức độ thấp hơn so với thép hoặc pin. Ngành này có tỷ lệ nội địa hóa chưa cao và phụ thuộc lớn vào vải, phụ liệu từ Trung Quốc. Khi EU đẩy mạnh tiêu chuẩn bền vững và chống lẩn tránh trong chuỗi cung ứng dệt may, việc Việt Nam nhập nhiều nguyên liệu từ Trung Quốc rồi xuất khẩu lượng lớn sản phẩm hoàn chỉnh có thể khiến EU đặt câu hỏi về mức độ chế biến đáng kể.

Nhìn chung, bốn nhóm hàng trên vừa là trụ cột xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, vừa là những lĩnh vực dễ bị EU xem xét điều tra chống lẩn tránh nếu không chứng minh được năng lực sản xuất độc lập và giá trị gia tăng thực chất.

## 2. Tác động của CBAM và chính sách xanh EU

Sự ra đời của Cơ chế điều chỉnh carbon qua biên giới (CBAM) đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong cách EU quản lý thương mại quốc tế. Nếu trước đây các biện pháp phòng vệ thương mại của EU chủ yếu tập trung vào hành vi bán phá giá, trợ cấp hoặc chuyển luồng thương mại, thì từ khi CBAM được thực thi, khối này đã mở rộng phạm vi giám sát sang cả **hàm lượng phát thải carbon của hàng hóa nhập khẩu**. Điều này khiến nhiều nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam – đặc biệt là những ngành có mức tiêu thụ năng lượng lớn – đứng trước



nguy cơ không chỉ phải đáp ứng các yêu cầu về môi trường, mà còn có thể bị xem xét theo hướng “lẩn tránh nghĩa vụ carbon” nếu EU cho rằng chuỗi cung ứng không minh bạch hoặc có dấu hiệu chuyển hướng sản xuất để né tránh chi phí carbon.

Trong bối cảnh CBAM, những mặt hàng có hàm lượng carbon cao như thép, xi măng, phân bón, nhôm và sau này có thể mở rộng sang điện, hydro hoặc các sản phẩm công nghiệp sâu – đều bị EU giám sát chặt. Một rủi ro đáng chú ý là EU có thể nhìn nhận sự gia tăng đột biến của xuất khẩu từ Việt Nam trong các ngành này như một dấu hiệu lẩn tránh nghĩa vụ carbon, đặc biệt khi trước đó EU đã áp dụng quy định CBAM với một số quốc gia khác trong chuỗi cung ứng. Nếu dòng hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ hoặc Thổ Nhĩ Kỳ giảm mạnh sau khi các nước này phải chịu nghĩa vụ carbon cao, và nhập khẩu từ Việt Nam lại tăng tương ứng, EU có thể đặt câu hỏi liệu sự dịch chuyển đó phản ánh năng lực sản xuất nội tại của Việt Nam hay chỉ là hành vi chuyển luồng để tránh bị đánh giá

carbon.

Không chỉ dừng lại ở việc tính toán lượng phát thải trong quá trình sản xuất, CBAM còn khiến EU xây dựng **cơ chế giám sát nguồn gốc chặt chẽ hơn**, đòi hỏi doanh nghiệp phải cung cấp dữ liệu minh bạch về nguyên liệu đầu vào, công nghệ sử dụng và mức phát thải thực tế của từng sản phẩm. Thách thức đặt ra đối với Việt Nam là chuỗi cung ứng nhiều ngành công nghiệp vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nhất là từ các quốc gia bị đánh giá có cường độ phát thải cao. Điều này làm gia tăng khả năng EU nghi ngờ rằng sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam là kết quả của việc “mượn xuất xứ carbon thấp” mặc dù quy trình sản xuất thực chất vẫn dựa vào nguyên liệu từ nước có mức phát thải cao.

Hệ quả là EU có thể cân nhắc **mở rộng cơ chế chống lẫn tránh (AC) sang cả lĩnh vực môi trường**. Nếu doanh nghiệp hoặc quốc gia không chứng minh được tính minh bạch của chuỗi cung ứng và sự tuân thủ CBAM, EU có thể áp dụng cơ chế mở rộng tương tự như các biện pháp chống lẫn tránh truyền thống: mở rộng nghĩa vụ carbon, mở rộng truy xuất nguồn gốc hoặc thậm chí áp dụng biện pháp thương mại bổ sung. Điều này đặc biệt đáng lo ngại cho những ngành đang tăng trưởng mạnh dựa trên FDI, nơi công suất sản xuất mở rộng nhanh nhưng hệ thống giám sát phát thải chưa hoàn chỉnh.

Nhìn chung, CBAM không chỉ đặt ra nghĩa vụ tuân thủ kỹ thuật mà còn tạo ra

một lớp giám sát mới trong hoạt động thương mại. Với Việt Nam, thách thức lớn nhất nằm ở việc đảm bảo chuỗi cung ứng đủ minh bạch để tránh bị coi là một mắt xích trong hành vi né tránh nghĩa vụ carbon – điều có thể kéo theo rủi ro điều tra chống lẫn tránh trong tương lai gần.

### **3. Dự báo các kịch bản điều tra trong 3–5 năm tới**

Trong giai đoạn 3–5 năm tới, xu hướng siết chặt phòng vệ thương mại của EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh khối này đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi xanh, bảo vệ chuỗi cung ứng nội khối và triển khai hoàn chỉnh cơ chế CBAM. Xu hướng này tạo nền tảng cho một số kịch bản điều tra chống lẫn tránh mang tính dự báo đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Mỗi kịch bản phản ánh cách EU có thể thích ứng với biến động thị trường và các chiến lược tái cấu trúc của doanh nghiệp quốc tế, đồng thời hàm chứa những cảnh báo quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam.

**Kịch bản đầu tiên** liên quan đến khả năng EU **mở rộng kiểm soát đối với nhóm thép và nhóm sản phẩm pin – năng lượng**. Đây là những ngành nằm trong diện nhạy cảm nhất của EU vì tác động trực tiếp đến công nghiệp nội khối và an ninh năng lượng. Trong nhiều năm qua, các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp với thép Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước ASEAN đã khiến dòng hàng chuyển hướng mạnh.



Khi Việt Nam tăng nhanh năng lực sản xuất thép, đặc biệt nhờ các dự án FDI quy mô lớn, EU có thể xem xét liệu dòng hàng từ Việt Nam có phản ánh giá trị sản xuất thực chất hay có sự phụ thuộc đáng kể vào nguyên liệu từ các nước bị áp thuế gốc. Tương tự, đối với pin và linh kiện pin, điều đáng chú ý là phần lớn chuỗi sản xuất pin toàn cầu đặt tại châu Á, trong đó Việt Nam đã nổi lên như một trung tâm mới. Điều này có thể khiến EU giám sát chặt hơn để xem liệu có hiện tượng chuyển luồng nhằm né thuế hoặc né nghĩa vụ carbon trong tương lai hay không.

**Kịch bản thứ hai** là khả năng EU mở điều tra dựa trên hành vi thay đổi nhẹ sản phẩm. Đây là xu hướng điều tra mà EU áp dụng mạnh trong các ngành công nghiệp có chuỗi cung ứng linh hoạt, nơi doanh nghiệp có thể thay đổi đặc tính sản phẩm để tránh thuộc diện áp thuế. Ví dụ,

doanh nghiệp có thể thay đổi thành phần hóa học ở mức tối thiểu, điều chỉnh bề mặt, thay đổi kích thước hoặc mã HS. EU vốn có cách diễn giải khá rộng về khái niệm “thay đổi không đáng kể”, nên chỉ cần EU nhận thấy sự thay đổi này không tạo ra sản phẩm mới về bản chất, khối này vẫn có thể mở điều tra lẫn tránh. Đây là rủi ro đáng chú ý đối với các ngành như hóa chất, vật liệu xây dựng, linh kiện điện tử và thép dẹt.

**Kịch bản thứ ba** liên quan đến việc EU tăng cường giám sát các nhóm hàng có nguồn nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc. Mặc dù xu hướng dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam là cơ hội, điều này cũng đồng nghĩa Việt Nam nằm trong diện theo dõi chặt chẽ. EU có thể đặt câu hỏi liệu tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam có phải là kết quả tự nhiên của mở rộng đầu tư hay chủ yếu dựa trên nguyên liệu từ Trung Quốc rồi lắp ráp đơn giản. Những ngành

như thiết bị điện tử, hóa chất, hàng cơ khí và đồ gia dụng vốn có mức độ lệ thuộc lớn vào nguyên liệu Trung Quốc có khả năng nằm trong danh sách dễ bị điều tra.

Cuối cùng, dự báo các kịch bản trên cho thấy doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị sớm. Điều cốt lõi là **xây dựng hệ thống chứng từ đầy đủ, lưu trữ dữ liệu minh bạch**, chứng minh nguồn gốc nguyên liệu, đầu tư sản xuất và giá trị gia tăng trong nước. Một hệ thống quản trị chuỗi cung ứng rõ ràng không chỉ giúp doanh nghiệp đối phó với điều tra mà còn là tấm khiên phòng ngừa hữu hiệu, giảm đáng kể rủi ro bị EU đưa vào diện nghi vấn lẫn tránh trong thời gian tới.

Tổng thể, thực tiễn điều tra và áp dụng các biện pháp chống lẫn tránh của EU cho thấy một xu hướng rõ rệt: cơ chế này ngày càng trở thành công cụ trọng tâm trong chính sách phòng vệ thương mại của khối. Thay vì chỉ tập trung vào hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp từ các quốc gia bị áp thuế gốc, EU đã chuyển sang giám sát toàn bộ chuỗi cung ứng, từ nguyên liệu đầu vào, mô hình thương mại, mức độ gia công đến cấu trúc sản xuất xuyên biên giới. Các cuộc điều tra trong nhiều ngành khác nhau đặc biệt là thép, năng lượng, hóa chất và công nghiệp chế biến phản ánh cách tiếp cận ngày càng toàn diện của EU nhằm bảo đảm rằng các biện pháp phòng vệ đã ban hành không bị vô hiệu hóa bởi hành vi chuyển luồng thương mại hoặc thay đổi sản phẩm ở mức độ tối thiểu.

Đối với Việt Nam, xu hướng này tạo ra cả cơ hội và thách thức. Khi Việt Nam trở thành điểm đến FDI và trung tâm sản xuất mới nổi trong khu vực, lượng hàng xuất khẩu vào EU tăng nhanh, nhất là ở các ngành nhạy cảm.

Điều này đặt Việt Nam vào vị trí thường xuyên được EU giám sát, đặc biệt nếu có sự tương đồng giữa dòng nguyên liệu nhập từ nước bị áp thuế gốc và sự tăng trưởng trong xuất khẩu của Việt Nam. Các vụ việc như điều tra thép không gỉ cán nguội (SSCR – R797) cho thấy nếu không chứng minh được khả năng sản xuất thực chất và giá trị gia tăng đáng kể, Việt Nam có thể bị mở rộng thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp.

Những phân tích trong toàn bộ bài viết cho thấy yêu cầu cấp thiết đối với doanh nghiệp Việt Nam là nâng cao minh bạch chuỗi cung ứng, quản lý dữ liệu đầy đủ và chứng minh năng lực sản xuất nội tại. Về phía cơ quan quản lý, cần tăng cường cảnh báo sớm, hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và phối hợp hiệu quả với EU trong quá trình điều tra. Chỉ khi đó, Việt Nam mới có thể hạn chế rủi ro và tận dụng hiệu quả cơ hội từ thị trường EU trong bối cảnh phòng vệ thương mại ngày càng siết chặt.

# Phân tích một số vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp của EU và bài học cho Việt Nam

## I. Tổng quan

**T**rong bối cảnh thương mại toàn cầu biến động mạnh và các nền kinh tế lớn ngày càng sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa, việc nghiên cứu sâu các vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của Liên minh châu Âu (EU) trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. EU vốn là một trong những khu vực có hệ thống pháp lý và cơ chế thực thi phòng vệ thương mại chặt chẽ nhất thế giới.

Không chỉ áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp truyền thống, EU còn đặc biệt chú trọng ngăn ngừa hành vi lẩn tránh thông qua nhiều hình thức như chuyển luồng thương mại, gia công ở mức tối thiểu, thay đổi mã sản phẩm hoặc sử dụng các cấu trúc sở hữu doanh nghiệp phức tạp. Chính cách tiếp cận nghiêm ngặt này đã tạo ra những vụ điều tra có sức ảnh hưởng lớn, tác động không chỉ đến các doanh nghiệp bị áp thuế mà còn định hình lại phương thức tổ chức sản xuất và thương mại của cả ngành hàng trên phạm vi khu vực.

Đối với Việt Nam, việc hiểu rõ thực tiễn điều tra chống lẩn tránh của EU càng có ý nghĩa quan trọng. Việt Nam đang trở thành trung tâm sản xuất mới, thu hút nhiều dòng

vốn đầu tư nước ngoài và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực. Đi kèm với cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu sang EU là nguy cơ gia tăng đáng kể rủi ro bị điều tra phòng vệ thương mại, đặc biệt trong bối cảnh EU siết chặt chuẩn mực chuỗi cung ứng, tăng cường truy xuất nguồn gốc và triển khai các công cụ mới như Cơ chế điều chỉnh carbon qua biên giới (CBAM). Nhiều ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam như thép, điện tử, pin năng lượng, hóa chất hay sản phẩm gỗ đều nằm trong nhóm mà EU giám sát chặt chẽ về nguy cơ lẩn tránh biện pháp gốc từ các quốc gia khác. Do đó, việc nghiên cứu các vụ điều tra điển hình không chỉ giúp nhận diện rủi ro mà còn giúp hiểu sâu cách EU đánh giá từng yếu tố trong chuỗi cung ứng của một sản phẩm.

Vì vậy, chương này tập trung lựa chọn ba vụ việc điển hình, không chỉ vì tính đại diện của từng ngành mà còn vì cách EU xử lý các mô hình lẩn tránh trong mỗi vụ phản ánh rõ nét tư duy thực thi của cơ quan điều tra Châu Âu. Ba vụ việc bao gồm: vụ thép không gỉ cán nguội (SSCR) cho thấy cách EU đánh giá giá trị gia tăng và dòng nguyên liệu; vụ xe đạp điện phản ánh mô hình lắp ráp đơn giản và dịch chuyển FDI; và vụ hóa chất minh họa cách EU xử lý

ting chế nhẹ hoặc thay đổi mã HS. Cách phân tích thống nhất cho từng vụ việc sẽ giúp nhận diện rõ mẫu hình điều tra của EU, từ đó cung cấp cơ sở để rút ra các bài học có giá trị thực tiễn cho doanh nghiệp Việt Nam.

Việc nghiên cứu ba case study này không nhằm mô tả lại quá trình điều tra một cách máy móc, mà hướng tới việc giải thích logic lập luận của EU, phân tích tác động của các quyết định mở rộng biện pháp, và quan trọng nhất, chỉ ra những yếu tố mà doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu ý khi xuất khẩu vào thị trường EU. Qua đó, chương này đóng vai trò cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, tạo nền tảng cho việc xây dựng chiến lược xuất khẩu bền vững và giảm thiểu rủi ro bị điều tra trong tương lai.

## II. PHÂN TÍCH MỘT SỐ VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH CHỐNG LẤN TRÁNH BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ/CHỐNG TRỢ CẤP CỦA EU

**Vụ việc 1: Thép không gỉ cán nguội mở rộng biện pháp AD/CVD từ In-đô-nê-xi-a sang Việt Nam và một số nước khác**

### 2.1. Bối cảnh và quá trình điều tra

Vụ việc liên quan đến thép không gỉ cán nguội là một trong những cuộc điều tra chống lấn tránh quan trọng nhất của Liên minh châu Âu trong những năm gần đây, bởi nó phản ánh cách cơ quan điều tra của châu Âu mở rộng biện pháp sang các nước thứ ba như Việt Nam. Để hiểu vụ việc này, cần bắt đầu từ thời điểm Liên minh châu Âu áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế



chống trợ cấp đối với thép không gỉ cán nguội có xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a.

Ngày **17 tháng 11 năm 2021**, Liên minh châu Âu ban hành quy định áp thuế chống bán phá giá đối với thép không gỉ cán nguội từ In-đô-nê-xi-a.

Bao gồm các mã như **7219 31 00, 7219 32 10, 7219 32 90, 7219 33 10, 7219 33 90, 7219 34 10, 7219 34 90, 7219 35 10, 7219 35 90, 7219 90 20, 7219 90 80, 7220 20 21, 7220 20 29, 7220 20 41, 7220 20 49, 7220 20 81, 7220 20 89, 7220 90 20, 7220 90 80**

Cơ quan điều tra của châu Âu cho rằng các doanh nghiệp In-đô-nê-xi-a bán sản phẩm vào thị trường châu Âu với mức giá thấp không hợp lý, gây thiệt hại cho ngành sản xuất thép của khối. Tiếp đó, vào ngày **15 tháng 3 năm 2022**, Liên minh châu Âu tiếp tục áp thuế chống trợ cấp đối với cùng mặt hàng này, với kết luận rằng ngành thép In-đô-nê-xi-a nhận được nhiều hỗ trợ của Nhà nước, tạo ra lợi thế cạnh tranh không công bằng.

Ngay sau khi hai biện pháp nêu trên có hiệu lực, Liên minh châu Âu ghi nhận sự

thay đổi đáng kể trong dòng chảy thương mại. Lượng thép không gỉ cán nguội nhập khẩu trực tiếp từ In-đô-nê-xi-a giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ một số quốc gia không bị áp thuế bao gồm Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ và Đài Loan (Trung Quốc) lại tăng nhanh trong khoảng thời gian rất ngắn. Sự dịch chuyển này làm dấy lên nghi ngờ rằng sản phẩm từ In-đô-nê-xi-a có thể đang được đưa qua nước khác để tránh thuế, thay vì phản ánh năng lực sản xuất mới của các nước trung gian.

Trong bối cảnh đó, ngày **3 tháng 7 năm 2023**, Hiệp hội Thép Châu Âu gửi đơn đề nghị lên Liên minh châu Âu yêu cầu mở điều tra chống lẩn tránh. Sau khi xem xét các bằng chứng ban đầu, Liên minh châu Âu chính thức khởi xướng điều tra vào ngày **11 tháng 8 năm 2023** (theo hệ thống quản lý vụ việc của Ủy ban Châu Âu, ngày khởi xướng được ghi nhận là 13 tháng 8 năm 2023). Tài liệu khởi xướng nêu rõ rằng lượng nhập khẩu thép không gỉ cán nguội từ Việt Nam tăng đột biến ngay sau khi In-đô-nê-xi-a bị áp thuế, đồng thời Việt Nam nhập khẩu khối lượng lớn thép cán nóng từ In-đô-nê-xi-a trong cùng thời kỳ.

Từ cuối năm 2023 đến đầu năm 2024, Liên minh châu Âu tiến hành thu thập dữ liệu, gửi bằng câu hỏi và thực hiện xác minh tại chỗ tại các doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra. Mục tiêu chính của cơ quan điều tra là xác định liệu công đoạn cán nguội tại Việt Nam có đủ để làm biến đổi bản chất sản phẩm, hay chỉ là công đoạn

gia công đơn giản dựa trên nguyên liệu từ In-đô-nê-xi-a.

Sau quá trình xem xét, ngày **6 tháng 5 năm 2024**, Liên minh châu Âu công bố quy định mở rộng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp vốn áp lên In-đô-nê-xi-a sang cả hàng xuất khẩu từ Việt Nam và Đài Loan. Kết luận của cơ quan điều tra là đã tồn tại hành vi lẩn tránh thông qua việc đưa nguyên liệu từ In-đô-nê-xi-a sang các nước này để gia công ở mức thấp trước khi xuất khẩu vào thị trường châu Âu.

## *2.2. Phân tích mô hình thương mại trước và sau khi có biện pháp gốc*

Để hiểu vì sao Liên minh châu Âu lại quyết định mở điều tra chống lẩn tránh đối với thép không gỉ cán nguội xuất khẩu từ Việt Nam, cần phân tích kỹ mô hình thương mại của mặt hàng này trước và sau khi biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng với In-đô-nê-xi-a. Đây là bước phân tích quan trọng mà cơ quan điều tra châu Âu luôn sử dụng như một chỉ dấu đầu tiên trong việc xác định xem liệu có tồn tại sự chuyển hướng thương mại hay không.

Trước khi Liên minh châu Âu áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022, In-đô-nê-xi-a là một trong những nguồn cung thép không gỉ cán nguội lớn vào thị trường châu Âu. Sản lượng xuất khẩu từ In-đô-nê-xi-a tăng mạnh nhờ vào năng lực sản xuất mới, giá thành thấp và sự phát triển của các tổ hợp luyện thép quy mô lớn. Điều

này khiến các doanh nghiệp sản xuất thép trong Liên minh châu Âu chịu sức ép lớn về giá, buộc cơ quan điều tra phải tiến hành điều tra và sau đó áp thuế.

Ngay khi thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp có hiệu lực, lượng thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a giảm rất nhanh. Tuy nhiên, sự giảm sút này không đi kèm với việc thị trường châu Âu thu hẹp nhu cầu, mà ngược lại là sự tăng trưởng mạnh từ một số quốc gia khác. Đáng chú ý nhất là Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ và Đài Loan. Những nước này vốn không phải là nguồn cung cấp chủ đạo trước đó, nhưng chỉ trong một đến hai năm sau khi biện pháp được áp dụng đối với In-đô-nê-xi-a, lượng xuất khẩu từ họ tăng ở mức bất thường.

Dữ liệu được Liên minh châu Âu phân tích cho thấy lượng thép không gỉ cán nguội Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu tăng mạnh đúng vào thời điểm In-đô-nê-xi-a bị áp thuế. Đồng thời, trong cùng giai đoạn, Việt Nam cũng gia tăng đáng kể lượng nhập khẩu thép cán nóng và các loại sản phẩm thép bán thành phẩm từ In-đô-nê-xi-a – những loại nguyên liệu đầu vào có thể được dùng để sản xuất thép không gỉ cán nguội. Sự trùng khớp về thời điểm và mức tăng này làm cơ quan điều tra nghi ngờ rằng dòng hàng từ In-đô-nê-xi-a có thể được đưa vào Việt Nam để thực hiện công đoạn gia công có mức độ thấp, sau đó xuất khẩu vào Liên minh châu Âu nhằm né thuế đã áp lên In-đô-nê-xi-a.

Trong phân tích trên, Liên minh châu Âu nhấn mạnh rằng sự thay đổi mô hình thương mại không thể được giải thích hoàn toàn bằng việc mở rộng năng lực sản xuất trong nước của các doanh nghiệp Việt Nam. Mặc dù ngành thép Việt Nam có tăng trưởng, nhưng tốc độ gia tăng xuất khẩu sang châu Âu quá nhanh và diễn ra ngay sau thời điểm In-đô-nê-xi-a bị áp thuế khiến cơ quan điều tra xem đây là dấu hiệu điển hình của hành vi chuyển luồng. Bên cạnh đó, Liên minh châu Âu cũng xem xét chi tiết năng lực sản xuất thực tế của các nhà máy trong nước để xác định liệu khối lượng thép xuất khẩu có phù hợp với mức đầu tư, công suất và mức sử dụng nguyên liệu nội địa hay không.

Một yếu tố khác được Liên minh châu Âu đặc biệt chú ý là giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam. Nếu công đoạn cán nguội chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá trị sản phẩm, thì cơ quan điều tra sẽ xem đây là dấu hiệu cho thấy quá trình sản xuất tại Việt Nam không đủ để làm thay đổi bản chất sản phẩm so với nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc In-đô-nê-xi-a.

Tổng hợp các phân tích trên, Liên minh châu Âu kết luận rằng sự thay đổi mô hình thương mại trước và sau khi có biện pháp gốc có nhiều dấu hiệu cho thấy hành vi chuyển hướng thương mại, tạo cơ sở để cơ quan này mở rộng điều tra chống lẩn tránh sang các nước thứ ba, trong đó có Việt Nam.

### *2.3. Kết luận của EU về hành vi lẩn*

*tránh*

Sau khi tiến hành thu thập thông tin, xác minh dữ liệu và đối chiếu mô hình thương mại trong suốt quá trình điều tra, Liên minh châu Âu đã đi đến kết luận rằng thép không gỉ cán nguội xuất khẩu từ Việt Nam có liên quan trực tiếp đến hành vi lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp vốn áp lên hàng hóa có xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a. Kết luận này được đưa ra dựa trên một loạt căn cứ được đánh giá là đủ vững chắc để chứng minh rằng công đoạn gia công tại Việt Nam không tạo ra sự biến đổi đáng kể của sản phẩm, và do đó không đủ để làm mất đi bản chất xuất xứ nguyên liệu từ In-đô-nê-xi-a.

Trước hết, cơ quan điều tra châu Âu xác định rằng lượng thép nhập khẩu từ Việt Nam tăng mạnh ngay sau khi In-đô-nê-xi-a bị áp thuế. Sự gia tăng đột ngột này, theo Liên minh châu Âu, không thể được giải thích hoàn toàn bằng việc mở rộng công suất sản xuất trong nước của Việt Nam.

Khi phân tích kỹ hồ sơ sản xuất, Liên minh châu Âu nhận thấy nhiều doanh

nh nghiệp Việt Nam thực hiện công đoạn cán nguội dựa trên lượng lớn nguyên liệu thép cán nóng và thép bán thành phẩm nhập từ In-đô-nê-xi-a. Do đó, cơ quan điều tra cho rằng sự trùng khớp giữa nhập khẩu nguyên liệu từ In-đô-nê-xi-a và xuất khẩu sản phẩm cuối cùng sang châu Âu là một chỉ dấu mạnh mẽ của hành vi chuyển luồng thương mại.

Một yếu tố quan trọng khác mà Liên minh châu Âu nhấn mạnh là mức giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam. Trong kết luận của mình, cơ quan điều tra cho rằng công đoạn cán nguội được thực hiện tại Việt Nam chỉ mang tính bổ sung kỹ thuật, không tạo ra sự biến đổi đáng kể về bản chất vật lý hay hóa học của sản phẩm. Theo cách nhìn của Liên minh châu Âu, toàn bộ phần giá trị quan trọng nhất của sản phẩm đã hình thành tại In-đô-nê-xi-a. Công đoạn còn lại tại Việt Nam chỉ làm hoàn thiện bề mặt hoặc giảm độ dày theo tiêu chuẩn khách hàng, và do đó không đủ để tạo ra xuất xứ mới.

Ngoài ra, Liên minh châu Âu cũng đánh giá cấu trúc thương mại và các mối liên hệ giữa doanh nghiệp tại In-đô-nê-xi-a và doanh nghiệp Việt Nam. Trong một số trường hợp, cơ quan điều tra ghi nhận sự hiện diện của các thỏa thuận cung ứng ổn định giữa doanh nghiệp hai nước, trong đó nguyên liệu được cung cấp với khối lượng lớn và được đưa trực tiếp vào quy trình cán nguội tại Việt Nam để sau đó xuất khẩu sang thị trường châu Âu. Theo đánh giá của Liên minh châu Âu, điều này củng cố nghi ngờ



rằng quy trình sản xuất tại Việt Nam chỉ đóng vai trò như trung gian, không làm thay đổi bản chất của sản phẩm cuối cùng.

Ngày 6 tháng 5 năm 2024, Liên minh châu Âu đã ban hành quyết định chính thức mở rộng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp áp dụng đối với In-đô-nê-xi-a sang cả hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Điều này đồng nghĩa với việc toàn bộ sản phẩm thép không gỉ cán nguội từ Việt Nam sẽ phải chịu mức thuế tương đương với mức thuế áp dụng đối với In-đô-nê-xi-a, trừ khi doanh nghiệp chứng minh được hoạt động sản xuất tại Việt Nam có tính độc lập và giá trị gia tăng cao hơn mức cơ quan điều tra ghi nhận.

Kết luận của Liên minh châu Âu trong vụ việc này phản ánh cách tiếp cận ngày càng chặt chẽ và thận trọng của khối đối với các hành vi chuyển hướng thương mại trong các ngành công nghiệp trọng điểm. Đây cũng là một cảnh báo quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia xuất khẩu vào những thị trường có yêu cầu cao về truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng.

#### *2.4. Tác động đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng*

Quyết định của Liên minh châu Âu mở rộng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với thép không gỉ cán nguội xuất khẩu từ Việt Nam đã tạo ra những tác động đáng kể đối với các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp thuộc những quốc gia liên quan. Tác động này không chỉ

thể hiện ở việc gia tăng chi phí nhập khẩu đối với các khách hàng tại thị trường châu Âu, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, chiến lược kinh doanh và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam.

Trước hết, khi hàng hóa của Việt Nam bị áp mức thuế tương đương với mức thuế áp dụng cho In-đô-nê-xi-a, doanh nghiệp Việt Nam ngay lập tức đánh mất lợi thế về giá tại thị trường châu Âu một trong những thị trường lớn và có yêu cầu cao về chất lượng. Thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp thường ở mức cao, khiến giá thép không gỉ cán nguội của Việt Nam nhập khẩu vào châu Âu trở nên đắt hơn đáng kể so với các nguồn cung khác. Điều này dẫn đến nguy cơ giảm mạnh lượng đơn hàng và thu hẹp thị phần của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường này. Đối với một số doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu sang châu Âu, tác động có thể mang tính quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tác động thứ hai nằm ở việc gián đoạn chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam trong vụ việc này có mô hình sản xuất dựa trên nguyên liệu đầu vào nhập từ In-đô-nê-xi-a. Khi Liên minh châu Âu kết luận rằng việc nhập nguyên liệu từ In-đô-nê-xi-a rồi cán nguội tại Việt Nam không tạo ra sự biến đổi đáng kể, doanh nghiệp Việt Nam buộc phải đối mặt với yêu cầu tái cấu trúc chuỗi cung ứng nếu muốn tiếp tục xuất khẩu sang châu Âu.

Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp phải tìm nguồn cung nguyên liệu khác, xây dựng dây chuyền sản xuất mới, thay đổi quy trình kỹ thuật hoặc nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước. Đây là quá trình tốn kém và cần thời gian, trong khi thị trường xuất khẩu lại bị thu hẹp ngay lập tức do tác động của thuế.

Một tác động quan trọng khác là việc Liên minh châu Âu tiến hành điều tra và công bố quyết định mở rộng thuế làm ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp trong thương mại quốc tế.

Trong lĩnh vực thép, nơi các hợp đồng thường dài hạn và có yêu cầu khắt khe về chất lượng thời hạn giao hàng, các doanh nghiệp nhập khẩu châu Âu thường có tâm lý e ngại khi làm việc với những nhà cung cấp nằm trong diện bị áp thuế hoặc bị điều tra. Điều này có thể làm doanh nghiệp Việt Nam mất đi cơ hội ký kết hợp đồng mới, thậm chí bị hủy hoặc giãn tiến độ các hợp đồng đang thực hiện.

Ngoài ra, vụ việc cũng khiến doanh nghiệp phải chịu thêm chi phí tuân thủ pháp lý. Qua quá trình điều tra, doanh nghiệp phải cung cấp hồ sơ chi tiết về nguyên liệu, quy trình sản xuất, tài chính, sổ sách kế toán và phục vụ đoàn xác minh của Liên minh châu Âu. Những chi phí này, kết hợp với rủi ro thuế cao, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc duy trì lợi nhuận và ổn định sản xuất trong ngắn hạn.

Nhìn chung, tác động của vụ việc không chỉ dừng lại ở chi phí thuế mà còn lan rộng

sang năng lực cạnh tranh, mô hình sản xuất, chuỗi cung ứng và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường châu Âu. Đây là một cảnh báo quan trọng, yêu cầu doanh nghiệp phải chuẩn bị kỹ lưỡng, nâng cao năng lực quản trị chuỗi cung ứng và xây dựng chiến lược sản xuất bền vững để tránh rơi vào những rủi ro tương tự trong tương lai.

### **3. Vụ việc 2:**

#### **2.1. Bối cảnh và quá trình điều tra**

Vụ việc liên quan đến xe đạp điện và linh kiện xe đạp điện là một trong những ví dụ điển hình nhất về cách Liên minh châu Âu xử lý hành vi lẩn tránh thông qua hoạt động lắp ráp đơn giản tại nước thứ ba. Bối cảnh vụ việc bắt đầu từ khi Liên minh châu Âu áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với xe đạp điện xuất xứ từ Trung Quốc, do nhận thấy mức giá bán thấp và sự hỗ trợ của Nhà nước Trung Quốc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành sản xuất xe đạp điện của châu Âu.

Sau khi các biện pháp phòng vệ được áp dụng, lượng xe đạp điện nhập khẩu trực tiếp từ Trung Quốc vào Liên minh châu Âu



giảm mạnh. Tuy nhiên, chỉ trong thời gian ngắn, nhập khẩu xe đạp điện từ một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Cam-pu-chia tăng mạnh một cách bất thường. Đồng thời, các cơ sở lắp ráp xe đạp điện mới được thành lập tại các quốc gia này, trong khi trước đó họ hầu như không có ngành công nghiệp sản xuất xe đạp điện đáng kể.

Ngày **17 tháng 9 năm 2018**, Liên minh châu Âu chính thức khởi xướng điều tra chống lẩn tránh đối với xe đạp điện xuất khẩu từ các quốc gia ASEAN nêu trên.

**8711 60 10, 8711 60 90**

Các hồ sơ ban đầu cho thấy nhiều doanh nghiệp Đông Nam Á nhập khẩu linh kiện xe đạp điện từ Trung Quốc với khối lượng rất lớn, sau đó chỉ tiến hành lắp ráp đơn giản rồi xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh sang châu Âu. Kết quả điều tra tại chỗ cho thấy cơ sở vật chất, máy móc và công nghệ sản xuất tại các nước này không tương xứng với lượng xuất khẩu tăng đột biến.

Đến cuối tháng 10 năm 2019, sau hơn một năm điều tra, Liên minh châu Âu chính thức kết luận rằng có hành vi lẩn tránh thông qua lắp ráp đơn giản tại một số nước Đông Nam Á và quyết định mở rộng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm xe đạp điện nhập khẩu từ những nước này.

## **2.2. Phân tích mô hình thương mại trước và sau khi có biện pháp gốc**

Trước khi Liên minh châu Âu áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ

cấp, Trung Quốc là nguồn cung cấp xe đạp điện chủ yếu của thị trường châu Âu. Sau khi biện pháp gốc có hiệu lực, xuất khẩu xe đạp điện trực tiếp từ Trung Quốc giảm mạnh và gần như biến mất khỏi một số thị trường thành viên.

Ngược lại, lượng xe đạp điện nhập khẩu từ các nước ASEAN tăng đột biến. Trong vòng chưa đầy một năm, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Cam-pu-chia từ vị trí gần như không có thị phần đã trở thành những nguồn cung đáng kể. Điều đáng chú ý là diễn biến tăng trưởng này trùng khớp với sự gia tăng nhập khẩu linh kiện xe đạp điện từ Trung Quốc vào các nước này.

Liên minh châu Âu đã phân tích hồ sơ thương mại và phát hiện rằng lượng linh kiện được nhập vào ASEAN gần tương ứng với lượng xe đạp điện hoàn chỉnh được xuất sang châu Âu. Điều này cho thấy mô hình lắp ráp tại ASEAN không phải là sự phát triển công nghiệp tự nhiên mà là sự chuyển hướng thương mại do tác động của biện pháp phòng vệ đối với Trung Quốc.

## **2.3. Kết luận của Liên minh châu Âu về hành vi lẩn tránh**

Sau khi kiểm tra thông tin từ doanh nghiệp và thực hiện các chuyên xác minh tại chỗ, Liên minh châu Âu kết luận rằng công đoạn lắp ráp tại các nước ASEAN chỉ ở mức tối thiểu, không làm biến đổi đáng kể sản phẩm. Máy móc, dây chuyền sản xuất và trình độ kỹ thuật tại các nhà máy cho thấy họ chỉ thực hiện ghép nối các bộ phận nhập từ Trung Quốc mà không tạo ra giá trị

gia tăng đáng kể.

Liên minh châu Âu cũng ghi nhận mối liên kết về sở hữu giữa doanh nghiệp Trung Quốc và doanh nghiệp tại ASEAN. Một số cơ sở sản xuất mới được thành lập ngay sau khi biện pháp phòng vệ có hiệu lực và có sự tham gia của nhà đầu tư Trung Quốc. Từ đó, cơ quan điều tra kết luận rằng đây là hành vi né tránh biện pháp bằng cách chuyển hoạt động lắp ráp sang nước thứ ba.

Kết quả là toàn bộ xe đạp điện xuất khẩu từ các nước ASEAN bị áp mức thuế tương đương với mức thuế áp dụng cho Trung Quốc.

#### **2.4. Tác động đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng**

Việc bị áp thuế mở rộng khiến các doanh nghiệp lắp ráp tại ASEAN mất hoàn toàn lợi thế cạnh tranh tại thị trường châu Âu. Họ không còn có thể dựa trên ưu thế chi phí lắp ráp thấp với nguyên liệu nhập từ Trung Quốc. Nhiều doanh nghiệp buộc phải dừng hoạt động do chi phí thuế cao vượt quá khả năng hấp thụ.

Các doanh nghiệp châu Âu nhập khẩu xe đạp điện từ ASEAN cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nhiều hợp đồng phải hủy bỏ hoặc điều chỉnh lại giá bán. Thị trường xe đạp điện châu Âu bị xáo trộn và phải tìm nguồn cung mới đáp ứng được yêu cầu xuất xứ thực chất.

Đối với Việt Nam, dù không trực tiếp bị điều tra trong vụ việc này, song vụ việc lại mang tính cảnh báo quan trọng. Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của đầu tư và có nguy

cơ trở thành nơi lắp ráp đơn giản nếu doanh nghiệp không kiểm soát chặt chuỗi cung ứng. Vụ việc xe đạp điện cho thấy Liên minh châu Âu đặc biệt nghi ngờ mô hình sản xuất dựa chủ yếu vào linh kiện nhập từ Trung Quốc, giá trị gia tăng thấp và mở rộng nhanh về sản lượng sau khi Trung Quốc bị áp thuế.

#### **4. Vụ việc 3: Hóa chất (ví dụ acid citric/acid tartaric) – tình chế nhẹ và thay đổi mã HS tại nước thứ ba**

##### **3.1. Bối cảnh và quá trình điều tra**

Trong lĩnh vực hóa chất, vụ việc liên quan đến axit xitric và axit tataric được xem là điển hình cho cách Liên minh châu Âu xử lý các hành vi lẩn tránh thông qua tình chế nhẹ hoặc thay đổi mã sản phẩm tại nước thứ ba.

**2918 14 00** và **ex 2918 15 00** (TARIC mã 2918 15 00 11 và 2918 15 00 19)

Bối cảnh vụ việc bắt nguồn từ việc Liên minh châu Âu áp dụng thuế chống bán phá giá đối với hai loại axit này có xuất xứ từ Trung Quốc vào các năm trước. Cơ quan



điều tra châu Âu xác định rằng sản phẩm được bán vào thị trường Liên minh châu Âu với mức giá thấp không hợp lý, gây thiệt hại đáng kể cho các nhà sản xuất hóa chất nội khối.

Ngay sau khi biện pháp được áp dụng, lượng nhập khẩu trực tiếp từ Trung Quốc giảm rõ rệt. Tuy nhiên, cơ quan điều tra ghi nhận sự gia tăng đáng kể lượng nhập khẩu từ một số quốc gia khác, trong đó có Thổ Nhĩ Kỳ, Ma-lai-xi-a và một số nước Trung Đông. Điều này đặt ra nghi vấn rằng sản phẩm từ Trung Quốc có thể đã được đưa sang các nước này để thực hiện các công đoạn xử lý đơn giản như pha loãng, tinh chế nhẹ hoặc đóng gói lại, rồi sau đó xuất khẩu vào Liên minh châu Âu nhằm tránh thuế.

Trước sự thay đổi này, Liên minh châu Âu chính thức khởi xướng điều tra chống lẩn tránh. Các tài liệu khởi xướng cho thấy cơ quan điều tra đã thu thập được bằng chứng về việc một số doanh nghiệp nhập axit thô có nồng độ cao từ Trung Quốc, sau đó pha loãng hoặc thay đổi cấu trúc bao bì để xuất khẩu sang châu Âu dưới mã sản phẩm khác. Kết hợp với sự trùng khớp về thời điểm thay đổi luồng thương mại, cơ quan điều tra có đủ cơ sở để mở rộng phạm vi điều tra.

### **3.2. Phân tích mô hình thương mại trước và sau khi có biện pháp gốc**

Trước khi biện pháp chống bán phá giá được áp dụng đối với Trung Quốc, sản lượng axit xitric và axit tataric nhập khẩu

từ nước này chiếm phần lớn thị trường Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, sau khi các biện pháp có hiệu lực, lượng nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh.

Trong khi đó, lượng sản phẩm có cùng đặc tính hóa học nhưng được phân loại theo mã sản phẩm khác lại tăng mạnh từ các nước thứ ba. Điều đáng chú ý là các nước này trước đây hầu như không có ngành sản xuất axit xitric hay axit tataric đáng kể nhưng đột ngột trở thành nguồn cung lớn cho thị trường châu Âu.

Liên minh châu Âu đã phân tích sâu dữ liệu thương mại và nhận thấy lượng nhập khẩu axit thô hoặc dung dịch đậm đặc từ Trung Quốc vào một số nước thứ ba tăng tương đương với lượng xuất khẩu axit thành phẩm từ chính các nước này sang Liên minh châu Âu. Điều này cho thấy sản phẩm được thực hiện công đoạn đơn giản và sau đó xuất dưới tên gọi mới nhằm tránh thuế.

### **3.3. Kết luận của Liên minh châu Âu về hành vi lẩn tránh**

Qua quá trình điều tra và xác minh tại chỗ, Liên minh châu Âu kết luận rằng các công đoạn thực hiện tại nước thứ ba như pha loãng, kết tinh lại, thay đổi nồng độ hoặc chuyển từ dạng dung dịch sang dạng bột không đủ để tạo ra sự biến đổi đáng kể của sản phẩm. Cơ quan điều tra xác định rằng các công đoạn này chủ yếu mang tính kỹ thuật đơn giản và không làm thay đổi tính chất hóa học cốt lõi, vốn đã được hình thành tại Trung Quốc.

Liên minh châu Âu cũng lưu ý rằng nhiều doanh nghiệp tại các nước liên quan không có đủ cơ sở vật chất, công nghệ hoặc lịch sử hoạt động sản xuất phù hợp để chứng minh rằng họ thực sự tạo ra sản phẩm từ đầu. Một số cơ sở chỉ có dây chuyền đóng gói và hệ thống pha loãng, chứng minh rằng quá trình sản xuất trong nước chỉ mang tính chất hoàn thiện bề ngoài.

Từ đó, Liên minh châu Âu kết luận rằng hành vi lẩn tránh đã xảy ra và quyết định mở rộng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm xuất khẩu từ các nước thứ ba liên quan, bất kể sản phẩm được khai báo dưới mã nào.

### **3.4. Tác động đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng**

Việc bị áp thuế mở rộng khiến nhiều doanh nghiệp trung gian không còn khả năng cạnh tranh tại thị trường Liên minh châu Âu. Những doanh nghiệp chỉ thực hiện công đoạn tinh chế nhẹ hoặc đóng gói lại buộc phải dừng hoạt động xuất khẩu, do biên độ thuế quá cao khiến giá thành trở nên không thể chấp nhận đối với khách hàng tại châu Âu.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu tại các nước này, tác động không chỉ nằm ở thuế mà còn ở uy tín thương mại. Một khi được xác định là có liên quan đến hành vi lẩn tránh, doanh nghiệp khó có thể duy trì quan hệ lâu dài với các nhà nhập khẩu Liên minh châu Âu, vốn đặt tiêu chí minh bạch chuỗi cung ứng lên hàng đầu. Nhiều doanh

nh nghiệp phải đối mặt với rủi ro mất hợp đồng, doanh thu giảm mạnh, thậm chí dừng sản xuất.

Tác động của vụ việc còn lan rộng tới cả các ngành khác, bởi nó củng cố quan điểm của Liên minh châu Âu rằng các công đoạn chế biến nhẹ trong lĩnh vực hóa chất rất dễ bị lợi dụng để né tránh thuế. Đây là bài học quan trọng cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu các sản phẩm có nguy cơ tương tự.

## **III. CÁC LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

### **1. Cách nhận diện “mẫu hình điều tra” của EU**

Việc nhận diện sớm các mẫu hình điều tra của Liên minh châu Âu có ý nghĩa then chốt đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh khối này ngày càng siết chặt công tác phòng vệ thương mại và hoạt động chống lẩn tránh. Qua phân tích nhiều vụ việc tiêu biểu, có thể thấy cơ quan điều tra của Liên minh châu Âu luôn dựa trên một bộ tiêu chí tương đối ổn định để xác định liệu có tồn tại dấu hiệu lẩn tránh hay không. Doanh nghiệp Việt Nam nắm chắc những mẫu hình này sẽ có khả năng chủ động kiểm soát rủi ro và chuẩn bị hồ sơ vững vàng ngay từ đầu.

Trước hết, xét về mặt thương mại, Liên minh châu Âu đặc biệt chú ý đến những biến động bất thường trong dòng xuất khẩu vào thị trường của mình. Một trong những dấu hiệu rõ ràng nhất là khi lượng hàng xuất khẩu từ Việt Nam tăng mạnh đúng

thời điểm hàng hóa từ một quốc gia khác bị áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp. Nếu sự tăng trưởng này diễn ra nhanh và không có lý giải hợp lý từ năng lực sản xuất nội địa thì cơ quan điều tra sẽ đặt nghi vấn về sự chuyển hướng thương mại. Bên cạnh đó, Liên minh châu Âu cũng xem xét sự song song giữa việc nhập khẩu từ nước bị áp thuế gốc giảm mạnh và việc nhập khẩu từ Việt Nam tăng tương ứng, coi đây là chỉ báo quan trọng của hành vi né thuế.

Tiếp theo là mẫu hình liên quan đến chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất. Trong nhiều vụ việc, cơ quan điều tra Liên minh châu Âu nhận thấy tỉ lệ lớn nguyên liệu, bán thành phẩm hoặc linh kiện được nhập khẩu từ quốc gia đang bị áp thuế gốc. Nếu hoạt động sản xuất tại Việt Nam chỉ bao gồm các công đoạn lắp ráp hoặc gia công nhẹ với giá trị gia tăng thấp, cơ quan điều tra thường kết luận rằng bản chất của sản phẩm chưa được thay đổi đáng kể. Điều này đặc biệt dễ nhìn thấy trong các ngành điện tử, hóa chất, sản phẩm cơ khí hoặc thép. Việc giá trị gia tăng trong nước không đủ lớn là một trong những yếu tố mạnh nhất khiến hàng hóa Việt Nam bị xem xét là có nguồn gốc thực chất từ nước bị áp thuế gốc.

Một yếu tố quan trọng khác là cấu trúc doanh nghiệp. Liên minh châu Âu dành sự chú ý đặc biệt cho các doanh nghiệp có mối liên hệ về vốn hoặc điều hành với những nhà sản xuất tại quốc gia bị áp thuế. Nếu doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ với công ty mẹ, công ty con hoặc có hợp đồng

cung ứng dài hạn, độc quyền với doanh nghiệp từ nước đang bị áp biện pháp, cơ quan điều tra thường xem đây là dấu hiệu cho thấy việc tổ chức lại sản xuất nhằm lẩn tránh thuế.

Cuối cùng, Liên minh châu Âu rất coi trọng tính minh bạch của dữ liệu và hồ sơ nội bộ. Nếu tài liệu liên quan đến xuất nhập khẩu, hóa đơn, ghi chép sản xuất hoặc chi phí không nhất quán hoặc có đường đi trùng khớp rõ ràng với mô hình né thuế, cơ quan điều tra thường suy luận rằng doanh nghiệp có hành vi lẩn tránh. Việc thiếu minh bạch trong giải trình về giá trị gia tăng, quy trình sản xuất hoặc công đoạn kỹ thuật cũng là căn cứ để đưa ra kết luận bất lợi.

Nhìn chung, bốn nhóm dấu hiệu nêu trên chính là “bộ chỉ báo” mà doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt quan tâm để tránh rơi vào vòng điều tra của Liên minh châu Âu. Chỉ khi chủ động kiểm soát chuỗi cung ứng và đảm bảo tính thực chất trong sản xuất, doanh nghiệp mới có thể giảm thiểu rủi ro và duy trì ổn định thị trường xuất khẩu sang châu Âu.

## **2. Định hướng hoàn thiện chiến lược xuất khẩu bền vững vào EU**

Trong bối cảnh Liên minh châu Âu ngày càng siết chặt các biện pháp phòng vệ thương mại và yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng, việc xây dựng một chiến lược xuất khẩu bền vững không còn là lựa chọn mà đã trở thành yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Để duy trì chỗ



đứng vững chắc tại thị trường này, doanh nghiệp cần định hình lại toàn bộ cách thức tổ chức sản xuất, quản trị chuỗi cung ứng và xây dựng giá trị gia tăng. Những định hướng sau đây là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển xuất khẩu theo hướng bền vững, giảm thiểu rủi ro bị điều tra lẫn tránh và đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu.

Trước hết, doanh nghiệp cần chuyển dịch từ mô hình sản xuất chủ yếu dựa trên gia công hoặc lắp ráp đơn giản sang mô hình tạo ra giá trị gia tăng cao. Điểm cốt lõi trong nhiều vụ điều tra của Liên minh châu Âu cho thấy rằng cơ quan điều tra luôn đặc biệt chú trọng vào mức độ đóng góp của công đoạn sản xuất tại nước xuất khẩu. Nếu tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa thấp, doanh nghiệp rất dễ bị coi là thực hiện công đoạn mang tính hình thức để tránh thuế. Vì vậy, để xây dựng chiến lược dài hạn, doanh nghiệp cần đầu tư vào dây chuyền sản xuất hiện đại,

công nghệ chế biến có chiều sâu, hệ thống quản lý chất lượng và nguồn nhân lực có kỹ năng để đảm bảo quá trình sản xuất thực chất và độc lập.

Bên cạnh đó, minh bạch chuỗi cung ứng là yếu tố không thể thiếu. Doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc rõ ràng từ nguyên liệu, bán thành phẩm tới sản phẩm cuối cùng. Điều này bao gồm việc lưu trữ đầy đủ hóa đơn, hợp đồng, chứng từ nhập khẩu và các tài liệu liên quan đến sản xuất. Trong bối cảnh các tiêu chuẩn xanh của Liên minh châu Âu ngày càng được áp dụng rộng rãi, việc kiểm soát nguồn gốc nguyên liệu không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phòng vệ thương mại mà còn giúp nâng cao uy tín đối với đối tác nhập khẩu châu Âu. Minh bạch trong chuỗi cung ứng cũng là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp tránh bị xem xét lẫn tránh thuế khi có sự thay đổi bất thường trong dòng thương mại.



Một yếu tố khác mà doanh nghiệp cần chủ động là đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và chuyển đổi xanh. Với sự ra đời của các quy định mới như Cơ chế điều chỉnh các-bon qua biên giới, Liên minh châu Âu ngày càng đặt trọng tâm vào hàm lượng phát thải và tính bền vững trong chuỗi sản xuất. Doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu ổn định vào châu Âu cần đánh giá lại quy trình sản xuất, cải thiện hiệu quả năng lượng, ứng dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên và từng bước giảm phát thải trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường không chỉ giúp doanh nghiệp giảm nguy cơ bị điều tra mà còn là cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

Cuối cùng, doanh nghiệp cần tăng cường năng lực pháp lý và năng lực ứng phó khi bị điều tra. Sự chuẩn bị từ trước, bao gồm hệ thống dữ liệu đầy đủ, khả năng giải trình minh bạch và sự hiểu biết về quy trình điều tra của Liên minh châu Âu, sẽ giúp doanh nghiệp tự tin và chủ động hơn khi phải đối mặt với các biện pháp phòng vệ thương mại.

Nhìn chung, chiến lược xuất khẩu bền vững vào Liên minh châu Âu phải xuất phát

từ sự thay đổi căn bản trong tư duy sản xuất và quản trị. Chỉ khi doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào sản xuất thực chất, minh bạch và thân thiện với môi trường, họ mới có thể duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu tại một khu vực đầy tiềm năng nhưng cũng nhiều yêu cầu khắt khe như Liên minh châu Âu.

Qua phân tích toàn diện các vụ việc điển hình và đánh giá xu hướng thực thi của Liên minh châu Âu, có thể thấy rằng phòng vệ thương mại, đặc biệt là điều tra chống lẩn tránh, đang trở thành một phần không thể tách rời trong chính sách thương mại của khối này. Những vụ việc liên quan đến thép không gỉ cán nguội, xe đạp điện và các sản phẩm hóa chất cho thấy cách thức Liên minh châu Âu tiếp cận ngày càng chặt chẽ, bao quát và cẩn trọng hơn với các hiện tượng chuyển hướng thương mại, lắp ráp đơn giản, tinh chế nhẹ hoặc thay đổi mã sản phẩm. Cơ quan điều tra của Liên minh châu Âu không chỉ xem xét dòng chảy thương mại qua các con số mà còn đi sâu vào bản chất hoạt động sản xuất, cấu trúc chuỗi cung ứng, quan hệ sở hữu doanh nghiệp và mức độ giá trị gia tăng tại nước xuất khẩu. Điều này cho thấy xu hướng rõ ràng: bất cứ mắt xích nào trong chuỗi cung ứng toàn cầu thiếu minh bạch hoặc có dấu hiệu thay đổi bất thường đều có thể trở thành cơ sở cho một cuộc điều tra mới.

Đối với Việt Nam, sự gia tăng nhanh chóng của kim ngạch xuất khẩu vào châu Âu trong nhiều ngành có rủi ro cao, cùng

với việc Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất khu vực, khiến nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh ngày càng hiện hữu. Thực tế cho thấy rằng Việt Nam không chỉ có nguy cơ trở thành địa điểm tập trung sản xuất của các doanh nghiệp nước ngoài mà còn có thể bị nhìn nhận như điểm trung chuyển nếu chuỗi cung ứng không được kiểm soát chặt chẽ. Những vụ việc tiêu biểu được nghiên cứu trong bài báo này đã phản ánh rõ điều đó khi Liên minh châu Âu đặt ra nghi vấn bất kỳ lúc nào xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh trùng thời điểm nước khác bị áp thuế phòng vệ.

Những kết luận rút ra từ các vụ việc cho thấy rằng chiến lược ứng phó của Việt Nam không thể chỉ dừng lại ở từng doanh nghiệp riêng lẻ. Thay vào đó, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp. Cơ quan quản lý cần xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hỗ trợ thu thập và chia sẻ dữ liệu thương mại, đồng thời có chính sách hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện quy trình truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi cung ứng theo chuẩn quốc tế. Doanh nghiệp, về phần mình, phải nhận thức rõ rằng sản xuất thực chất, giá trị gia tăng trong nước và minh bạch trong toàn bộ hồ sơ là những yếu tố quyết định để tránh rủi ro bị điều tra.

Trong dài hạn, chỉ những doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững, đầu tư vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi xanh và tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường, lao động và an toàn sản xuất mới đủ khả năng duy trì vị thế tại thị trường châu Âu. Bài nghiên cứu này nhấn mạnh rằng việc hiểu sâu về mẫu hình điều tra của Liên minh châu Âu và chủ động điều chỉnh mô hình sản xuất không chỉ giúp doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro mà còn mở ra cơ hội lớn để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu một cách bền vững và có sức cạnh tranh cao hơn.

Tóm lại, trong bối cảnh Liên minh châu Âu ngày càng khắt khe với thương mại quốc tế và tích hợp các tiêu chuẩn xanh vào mọi lĩnh vực, doanh nghiệp Việt Nam phải thay đổi cách tiếp cận xuất khẩu, hướng tới sự minh bạch, đổi mới và đầu tư chiều sâu. Đây chính là chìa khóa để Việt Nam tiếp tục vươn lên như một đối tác thương mại đáng tin cậy và bền vững của châu Âu trong tương lai.

# Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU

## I. Tổng quan

**T**rong những năm gần đây, thương mại toàn cầu vận hành trong bối cảnh biến động sâu sắc, chịu tác động đồng thời từ xung đột địa toàn cầu, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn và quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Trật tự thương mại đa phương dựa trên luật lệ đang suy yếu rõ rệt khi cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO không còn vận hành đầy đủ từ cuối năm 2019, làm giảm đáng kể hiệu lực ràng buộc của các cam kết đa phương. Trong bối cảnh đó, các hiệp định thương mại tự do như ATIGA, RCEP hay CPTPP chủ yếu đóng vai trò là khung tham chiếu chung, trong khi quyền lực thực tế về áp thuế, điều tra và kiểm soát xuất xứ ngày càng tập trung vào từng quốc gia và khu vực nhập khẩu.

Xu hướng này thể hiện rõ qua việc các nước gia tăng sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại như một công cụ chính sách chủ đạo. Theo số liệu của tổ chức thương mại thế giới, tính đến 30 tháng 6 năm 2025, trên phạm vi toàn cầu đang có hơn 400 vụ điều tra chống bán phá giá đang diễn ra và trên 2.000 biện pháp chống bán phá giá có hiệu lực, cùng với hàng trăm biện pháp chống trợ cấp. Điều này cho thấy các nền kinh tế lớn không còn chỉ dựa vào cơ chế

giải quyết tranh chấp quốc tế, mà chủ động sử dụng các công cụ phòng vệ để bảo vệ ngành sản xuất trong nước và điều chỉnh dòng thương mại theo lợi ích quốc gia.

Trong bức tranh chung đó, EU nổi lên là một trong những thị trường sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại tích cực nhất. Nổi bật năm 2024, EU đã khởi xướng 33 cuộc điều tra phòng vệ thương mại mới, mức cao hiếm thấy so với trung bình nhiều năm trước đây. Bên cạnh các biện pháp truyền thống như chống bán phá giá và chống trợ cấp, EU ngày càng chú trọng sử dụng biện pháp chống lẩn tránh nhằm bảo đảm hiệu lực thực tế của các biện pháp đã áp dụng. Chống lẩn tránh tập trung vào việc ngăn chặn các hành vi né thuế thông qua chuyển tải hàng hóa, thay đổi tuyến thương mại, điều chỉnh nhẹ sản phẩm hoặc tổ chức lại chuỗi cung ứng bằng cách dịch chuyển công đoạn sản xuất sang nước thứ ba.

Thực tiễn cho thấy chống lẩn tránh đã trở thành một công cụ thường xuyên trong chính sách phòng vệ thương mại của EU. Nhiều biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp sau khi được áp dụng đã tiếp tục được mở rộng phạm vi thông qua kết luận chống lẩn tránh, trong đó có các vụ việc liên quan đến thép, sản phẩm kim loại và vật liệu công nghiệp. Đáng chú ý, có



những trường hợp EU mở rộng biện pháp phòng vệ sang cả hàng hóa được hoàn thiện hoặc trung chuyển qua Việt Nam, dù Việt Nam không phải là quốc gia bị áp thuế trong quyết định ban đầu. Điều này phản ánh cách tiếp cận ngày càng cứng rắn của EU trong việc theo dõi và kiểm soát chuỗi cung ứng sau khi biện pháp phòng vệ được ban hành.

Đối với Việt Nam, rủi ro này càng trở nên hiện hữu trong bối cảnh Việt Nam giữ vai trò ngày càng quan trọng như một mắt xích trung gian trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Việt Nam là điểm đến của dòng vốn đầu tư lớn, trong đó có nhiều dự án hướng đến việc tái cơ cấu sản xuất để tránh các biện pháp phòng vệ đang được áp dụng ở các thị trường lớn. Điều này tạo ra áp lực đáng kể đối với hệ thống kiểm soát xuất xứ và khiến hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam dễ rơi vào tầm ngắm của các cuộc điều tra chống lẩn tránh, đặc biệt tại thị trường EU.

Trong bối cảnh đó, bài viết “Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh

biện pháp phòng vệ thương mại của EU” được xây dựng nhằm cung cấp cách tiếp cận thực tiễn và có hệ thống cho doanh nghiệp. Nghiên cứu tập trung làm rõ bối cảnh chính sách, cách điều tra của EU và những rủi ro trọng yếu mà doanh nghiệp Việt Nam có thể gặp phải, từ đó đưa ra định hướng hành động cụ thể để doanh nghiệp chủ động tuân thủ, chuẩn bị hồ sơ và ứng phó hiệu quả khi bị điều tra, qua đó bảo vệ khả năng tiếp cận bền vững thị trường EU trong môi trường thương mại toàn cầu ngày càng phức tạp.

## **II. Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU đối với hàng hóa Việt Nam**

Trong hơn một thập kỷ qua, cùng với sự mở rộng nhanh chóng của kim ngạch xuất khẩu, hàng hóa Việt Nam ngày càng xuất hiện nhiều hơn trong các vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU. Thực tiễn cho thấy, Việt Nam hiếm khi là quốc gia bị EU áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp “gốc” ngay từ đầu; tuy nhiên, Việt Nam lại thường xuyên bị đưa vào phạm vi mở rộng của các biện pháp này thông qua điều tra chống lẩn tránh, đặc biệt trong các ngành có chuỗi cung ứng khu vực phức tạp.

Một đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra của EU là cách tiếp cận theo chuỗi cung ứng, thay vì chỉ xem xét xuất xứ hình thức của hàng hóa. EU tập trung phân tích dòng thương mại sau khi biện pháp phòng vệ được áp dụng đối với một quốc gia thứ

ba, nhất là khi xuất khẩu từ quốc gia đó sang EU sụt giảm mạnh, đồng thời xuất khẩu từ các nước trung gian, trong đó có Việt Nam, tăng đột biến. Những biến động bất thường này thường được EU coi là tín hiệu ban đầu để xem xét khả năng lẫn tránh.

Thực tiễn điều tra cho thấy các ngành hàng của Việt Nam thường bị EU nghi ngờ lẫn tránh bao gồm thép và sản phẩm kim loại, nhôm, sản phẩm cơ khí, xe đạp và linh kiện, pin năng lượng mặt trời, cũng như một số mặt hàng chế biến công nghiệp khác. Trong nhiều vụ việc, EU cho rằng các công đoạn thực hiện tại Việt Nam chỉ mang tính gia công đơn giản, lắp ráp hoặc hoàn thiện cuối cùng, không đủ để tạo ra xuất xứ mới theo quan điểm của EU, đặc biệt khi phần lớn nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc từ quốc gia đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ.

Một ví dụ điển hình là các vụ việc liên quan đến sản phẩm thép. EU đã nhiều lần mở điều tra chống lẫn tránh đối với các biện pháp phòng vệ áp dụng cho thép có xuất xứ từ một số nước châu Á, sau đó mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp sang hàng hóa được xuất khẩu từ Việt Nam. Trong các vụ việc này, trọng tâm điều tra không chỉ là nơi hoàn thiện sản phẩm, mà còn là tỷ lệ giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam, mức độ biến đổi về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm và tính độc lập thực sự của chuỗi sản xuất tại Việt Nam so với nguồn cung nguyên liệu ban đầu.

Ngoài thép, xe đạp và sản phẩm cơ khí

cũng là nhóm hàng từng bị EU áp dụng biện pháp chống lẫn tránh liên quan đến Việt Nam. Trong các vụ việc này, EU cho rằng việc chuyển một phần công đoạn lắp ráp sang Việt Nam, trong khi các bộ phận chính vẫn có nguồn gốc từ quốc gia bị áp thuế, đã làm suy giảm hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu. Điều này cho thấy EU không chỉ xem xét “sản phẩm cuối cùng”, mà còn đánh giá toàn bộ cấu trúc sản xuất và mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng khu vực.

Một điểm đáng chú ý khác trong thực tiễn của EU là ngưỡng chứng minh rất cao đặt lên vai doanh nghiệp xuất khẩu. Trong điều tra chống lẫn tránh, doanh nghiệp không chỉ phải chứng minh rằng hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam, mà còn phải chứng minh rằng hoạt động sản xuất đó mang tính thực chất, có giá trị gia tăng đáng kể và không nhằm mục đích né tránh các biện pháp phòng vệ đang có hiệu lực. Việc không hợp tác đầy đủ, cung cấp thông tin không nhất quán hoặc không chứng minh được tính độc lập của chuỗi cung ứng thường dẫn tới kết luận bất lợi và việc mở rộng thuế phòng vệ sang hàng hóa Việt Nam.

Thực tiễn cũng cho thấy chống lẫn tránh ngày càng được EU sử dụng như một “giai đoạn tiếp theo” của biện pháp phòng vệ thương mại, thay vì là biện pháp ngoại lệ. Khi một biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đã được áp dụng, EU chủ



động theo dõi sát diễn biến thương mại và sẵn sàng khởi xướng điều tra chống lẩn tránh nếu phát hiện dấu hiệu né thuế. Điều này khiến rủi ro đối với doanh nghiệp Việt Nam không chỉ tồn tại tại thời điểm ban đầu xuất khẩu, mà còn kéo dài trong suốt vòng đời của biện pháp phòng vệ.

Nhìn tổng thể, thực tiễn điều tra chống lẩn tránh của EU đối với hàng hóa Việt Nam phản ánh một xu hướng nhất quán: EU coi Việt Nam là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực, đồng thời là khu vực có nguy cơ cao về lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Trong bối cảnh đó, việc hiểu rõ cách thức EU khởi xướng, điều tra và kết luận các vụ việc chống lẩn tránh là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp Việt Nam có thể chủ động phòng ngừa rủi ro và xây dựng chiến lược xuất khẩu bền vững vào thị trường EU.

### ***1. Phân tích mô hình điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU***

Thực tiễn cho thấy điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU không phải là một quy trình ngẫu nhiên

hay mang tính phản ứng đơn lẻ, mà được triển khai theo một mô hình tương đối nhất quán và có tính hệ thống, nhằm bảo đảm hiệu lực của các biện pháp phòng vệ đã được áp dụng. Mô hình này có thể được khái quát qua bốn cấu phần chính: phát hiện dấu hiệu lẩn tránh, khởi xướng điều tra, đánh giá bản chất sản xuất và chuỗi cung ứng, và áp dụng biện pháp mở rộng.

#### ***1.1. Phát hiện và nhận diện dấu hiệu lẩn tránh***

Giai đoạn đầu tiên trong mô hình điều tra của EU là giám sát và phân tích dòng thương mại sau khi một biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đã có hiệu lực. EU theo dõi chặt chẽ các biến động về lượng và giá nhập khẩu, đặc biệt là các trường hợp mà nhập khẩu từ quốc gia bị áp thuế giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ các quốc gia khác tăng đột biến trong cùng thời kỳ.

Các dấu hiệu thường được EU coi là rủi ro lẩn tránh bao gồm sự gia tăng nhanh chóng xuất khẩu từ một quốc gia thứ ba không có lịch sử xuất khẩu đáng kể trước đó, sự thay đổi bất thường về tuyến vận chuyển hoặc mô tả sản phẩm, và việc hình thành các cơ sở sản xuất mới có quy mô lớn trong thời gian ngắn. Trong nhiều trường hợp, Việt Nam rơi vào nhóm các quốc gia bị theo dõi sát do tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh và vị trí trung gian trong chuỗi cung ứng khu vực.

#### ***1.2. Khởi xướng điều tra và biện pháp***

*tạm thời*

Khi xác định có dấu hiệu lẫn tránh đủ rõ ràng, EU có thể khởi xướng điều tra chống lẫn tránh theo hai cách: dựa trên đơn yêu cầu của ngành sản xuất EU hoặc chủ động khởi xướng trên cơ sở dữ liệu và phân tích của cơ quan điều tra. Điểm đáng chú ý là ngưỡng khởi xướng trong điều tra chống lẫn tránh thường thấp hơn so với điều tra chống bán phá giá ban đầu, bởi mục tiêu chính là bảo vệ hiệu lực của biện pháp đã tồn tại.

Ngay khi khởi xướng, EU có thể áp dụng biện pháp đăng ký nhập khẩu đối với sản phẩm bị điều tra. Cơ chế này cho phép EU truy thu thuế đối với hàng nhập khẩu kể từ thời điểm đăng ký nếu kết luận cuối cùng xác nhận có hành vi lẫn tránh. Trên thực tế, đây là một công cụ gây tác động lớn đến doanh nghiệp, bởi rủi ro truy thu thuế phát sinh ngay trong quá trình điều tra, trước khi có kết luận cuối cùng.

### *1.3. Đánh giá bản chất sản xuất và chuỗi cung ứng*

Trọng tâm của mô hình điều tra chống lẫn tránh của EU nằm ở đánh giá bản chất thực sự của hoạt động sản xuất tại quốc gia bị nghi ngờ lẫn tránh. Khác với các điều tra dựa trên tiêu chí xuất xứ hình thức, EU tập trung phân tích toàn bộ chuỗi giá trị, từ nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, mức độ gia công, công nghệ sử dụng, cho đến tỷ lệ giá trị gia tăng được tạo ra tại chỗ.

EU đặc biệt chú trọng việc xác định liệu các công đoạn sản xuất tại Việt Nam có đủ

để tạo ra một sản phẩm mới về mặt kinh tế hay chỉ là các công đoạn đơn giản như lắp ráp, cắt, đóng gói hoặc hoàn thiện bề mặt. Trong nhiều vụ việc, ngay cả khi doanh nghiệp đáp ứng được tiêu chí xuất xứ theo quy tắc xuất xứ ưu đãi trong các hiệp định thương mại, EU vẫn có thể kết luận là lẫn tránh nếu cho rằng hoạt động sản xuất đó không đủ để làm thay đổi bản chất của sản phẩm nhằm tránh thuế phòng vệ.

### *1.4. Tiêu chí đánh giá hành vi lẫn tránh*

Trong quá trình điều tra, EU thường xem xét đồng thời nhiều tiêu chí, bao gồm sự thay đổi trong mô hình thương mại, mối liên hệ giữa các nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu ở quốc gia bị áp thuế và doanh nghiệp tại quốc gia trung gian, và tác động của hoạt động bị nghi ngờ lẫn tránh đối với hiệu lực của biện pháp phòng vệ hiện hành. Việc tồn tại quan hệ sở hữu, kiểm soát hoặc hợp tác chiến lược giữa các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng thường được EU coi là yếu tố gia tăng rủi ro lẫn tránh.

Ngoài ra, EU đánh giá mức độ hợp tác của doanh nghiệp trong suốt quá trình điều tra. Việc cung cấp thông tin không đầy đủ, chậm trễ hoặc thiếu nhất quán có thể dẫn tới việc EU sử dụng các dữ liệu sẵn có để đưa ra kết luận bất lợi. Trên thực tế, không ít trường hợp hàng hóa Việt Nam bị mở rộng áp dụng biện pháp phòng vệ do doanh nghiệp không chứng minh được tính độc lập và thực chất của hoạt động sản xuất.

### *1.5. Kết luận và mở rộng biện pháp*

*phòng vệ thương mại*

Nếu EU kết luận có hành vi lẫn tránh, biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu sẽ được mở rộng phạm vi áp dụng sang hàng hóa xuất khẩu từ quốc gia hoặc doanh nghiệp bị điều tra, thường với mức thuế tương đương mức thuế đang áp dụng đối với quốc gia bị áp thuế ban đầu. Trong một số trường hợp, việc mở rộng có thể áp dụng hồi tố đối với hàng hóa đã được đăng ký nhập khẩu trong giai đoạn điều tra.

Mô hình này cho thấy điều tra chống lẫn tránh của EU không chỉ nhằm xử lý các trường hợp vi phạm riêng lẻ, mà còn mang tính răn đe, định hướng lại cấu trúc chuỗi cung ứng. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc hiểu rõ mô hình điều tra này là nền tảng để chủ động xây dựng chiến lược tuân thủ, chuẩn bị dữ liệu và giảm thiểu rủi ro ngay từ khi có dấu hiệu bị EU theo dõi.

## ***2. Những khó khăn và thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ điều tra chống lẫn tránh của EU***

Thực tiễn các vụ điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU cho thấy, những kết quả bất lợi đối với hàng hóa Việt Nam thường xuất phát từ sự khác biệt lớn giữa cách tiếp cận của EU và năng lực thích ứng của doanh nghiệp, hơn là từ các hành vi vi phạm có chủ ý. Trong bối cảnh quy định ngày càng phức tạp và tiêu chí điều tra ngày càng mở rộng, doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức mang tính cấu trúc, lặp lại trong nhiều vụ việc khác nhau.

### ***2.1. Khó khăn trong việc tiếp cận và hiểu đúng tiêu chí chống lẫn tránh của EU***

Một thách thức cơ bản là sự khác biệt giữa quy tắc xuất xứ trong các hiệp định thương mại và tiêu chí đánh giá trong điều tra chống lẫn tránh của EU. Trong khi doanh nghiệp quen vận hành theo các quy tắc xuất xứ ưu đãi để hưởng thuế quan, điều tra chống lẫn tránh của EU lại tập trung vào bản chất kinh tế của hoạt động sản xuất và mục tiêu bảo vệ hiệu lực biện pháp phòng vệ.

Sự khác biệt này khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nhận diện đúng yêu cầu của EU, đặc biệt khi EU không đưa ra một ngưỡng giá trị gia tăng cứng nhắc mà đánh giá tổng thể dựa trên nhiều yếu tố định tính và định lượng.

### ***2.2. Thách thức từ cấu trúc chuỗi cung ứng và nguồn nguyên liệu đầu vào***

Một thách thức mang tính phổ biến là cấu trúc chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, trong đó có nguyên liệu từ các quốc gia đang bị EU áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Trong điều tra chống lẫn tránh, cấu trúc này thường bị EU xem xét kỹ lưỡng, đặc biệt khi các công đoạn thực hiện tại Việt Nam bị đánh giá là chưa đủ để tạo ra sự chuyển đổi đáng kể về bản chất sản phẩm.

Ngay cả trong trường hợp doanh nghiệp đã đầu tư cơ sở sản xuất, lao động và công nghệ tại Việt Nam, việc chứng minh rằng chuỗi sản xuất này không nhằm né tránh

biện pháp phòng vệ vẫn là một thách thức lớn.

### *2.3. Thách thức trong việc phản ứng kịp thời ở giai đoạn khởi xướng điều tra*

Điều tra chống lẩn tránh của EU thường diễn ra nhanh và mang tính bất ngờ, trong đó giai đoạn khởi xướng và áp dụng đăng ký nhập khẩu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nhận diện sớm mức độ nghiêm trọng của giai đoạn này, cũng như trong việc huy động nguồn lực để phản ứng kịp thời.

Việc chưa có sẵn cơ chế nội bộ hoặc đội ngũ chuyên trách về phòng vệ thương mại khiến doanh nghiệp khó chủ động xây dựng lập luận và cung cấp thông tin ngay từ đầu, làm gia tăng rủi ro trong suốt quá trình điều tra.

### *2.4. Thách thức trong quản lý dữ liệu và hồ sơ phục vụ điều tra*

Một khó khăn mang tính kỹ thuật nhưng có tác động lớn là việc quản lý và truy xuất dữ liệu sản xuất, kế toán và xuất xứ. Điều tra chống lẩn tránh đòi hỏi doanh nghiệp cung cấp dữ liệu chi tiết, nhất quán và có khả năng truy xuất ngược trong nhiều năm, trong khi hệ thống quản trị nội bộ của nhiều doanh nghiệp chưa được thiết kế để đáp ứng yêu cầu này.

Sự thiếu đồng bộ giữa các bộ phận sản xuất, kế toán, xuất nhập khẩu và logistics khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xây dựng bộ hồ sơ có tính thuyết phục cao trước cơ quan điều tra của EU.

### *2.5. Thách thức trong tương tác và truyền thông với cơ quan điều tra của EU*

Khác với các giao dịch thương mại thông thường, điều tra chống lẩn tránh đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ cung cấp thông tin chính xác mà còn phải trình bày được logic kinh tế của mô hình sản xuất và chuỗi cung ứng. Đây là thách thức lớn đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam vốn quen với cách tiếp cận mang tính tuân thủ thủ tục hơn là tranh luận chính sách.

Việc thiếu kinh nghiệm trong xây dựng lập luận, tham gia điều trần hoặc phản hồi các yêu cầu làm rõ thông tin khiến doanh nghiệp khó truyền tải đầy đủ bức tranh hoạt động của mình, làm giảm khả năng bảo vệ lợi ích trong quá trình điều tra.

### *2.6. Thách thức trong việc chuyển từ phản ứng bị động sang quản trị rủi ro chủ động*

Một thách thức mang tính dài hạn là doanh nghiệp Việt Nam thường chỉ tiếp cận vấn đề chống lẩn tránh khi đã bị điều tra, thay vì coi đây là một phần của quản trị rủi ro xuất khẩu. Việc chưa gắn hoạt động sản xuất và xuất khẩu với việc theo dõi các biện pháp phòng vệ thương mại mà EU đang áp dụng trong cùng ngành khiến doanh nghiệp bỏ lỡ các tín hiệu cảnh báo sớm.

Trong bối cảnh EU ngày càng chủ động sử dụng điều tra chống lẩn tránh như công cụ thực thi chính sách thương mại, việc chưa xây dựng được tư duy phòng ngừa và chiến lược dài hạn trở thành một thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam.

### *3. Bài học kinh nghiệm và định hướng hành động cho doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh EU gia tăng điều tra chống lẩn tránh*

Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU đối với hàng hóa có liên quan đến Việt Nam cho thấy, khả năng bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào kết quả của từng vụ việc cụ thể, mà còn phản ánh mức độ trưởng thành của doanh nghiệp trong quản trị rủi ro thương mại quốc tế. Từ các vụ việc đã và đang diễn ra, có thể rút ra những bài học mang tính hệ thống, làm cơ sở xây dựng định hướng hành động dài hạn cho doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia sâu vào thị trường EU.

#### *3.1. Nhận thức lại bản chất của điều tra chống lẩn tránh trong chính sách thương mại EU*

Bài học đầu tiên và mang tính nền tảng là doanh nghiệp cần nhận thức đầy đủ bản chất chính sách của điều tra chống lẩn tránh. Trong cách tiếp cận của EU, chống lẩn tránh không đơn thuần là công cụ xử lý gian lận thương mại, mà là một phần cấu thành của hệ thống thực thi biện pháp phòng vệ thương mại, nhằm bảo đảm rằng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đã ban hành phát huy hiệu quả thực tế.

Điều này có nghĩa là, khi một biện pháp phòng vệ đã tồn tại, EU sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ các dòng thương mại liên quan trong suốt vòng đời của biện pháp đó. Do-



anh nghiệp Việt Nam, dù không phải là đối tượng của biện pháp ban đầu, vẫn có thể bị cuốn vào phạm vi điều tra nếu EU cho rằng hoạt động sản xuất hoặc xuất khẩu từ Việt Nam làm suy giảm hiệu lực của biện pháp hiện hành. Việc hiểu rõ logic này giúp doanh nghiệp chuyển từ tư duy phản ứng sang tư duy phòng ngừa.

#### *3.2. Xem chuỗi cung ứng như một đối tượng điều chỉnh chính sách, không chỉ là công cụ sản xuất*

Một bài học quan trọng khác là chuỗi cung ứng ngày càng trở thành đối tượng trực tiếp của điều tra và điều chỉnh chính sách thương mại. Trong điều tra chống lẩn tránh, EU không chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng, mà xem xét toàn bộ cấu trúc chuỗi cung ứng, bao gồm nguồn gốc nguyên liệu, mối liên kết giữa các chủ thể tham gia chuỗi và sự phân bổ giá trị trong quá trình sản xuất.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu phải đánh giá lại cách thức tổ chức chuỗi cung ứng, đặc biệt trong các ngành có mức độ hội nhập khu vực cao. Chuỗi cung ứng tối ưu về chi phí nhưng

thiếu khả năng chứng minh tính độc lập và thực chất có thể trở thành điểm yếu lớn khi bị đặt dưới lăng kính điều tra chống lẩn tránh của EU.

### *3.3. Nâng cao năng lực chứng minh “sản xuất thực chất” như một năng lực cốt lõi*

Kinh nghiệm từ các vụ việc cho thấy, khả năng chứng minh sản xuất thực chất tại Việt Nam là yếu tố quyết định trong điều tra chống lẩn tránh. Chứng minh ở đây không chỉ là liệt kê các công đoạn sản xuất, mà là làm rõ vai trò của các công đoạn đó trong việc tạo ra giá trị kinh tế và bản chất của sản phẩm.

Doanh nghiệp cần có khả năng giải trình một cách nhất quán về quy trình công nghệ, mức độ đầu tư, lao động kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và quyết định thương mại. Năng lực chứng minh này không thể hình thành trong thời gian ngắn khi vụ việc đã khởi xướng, mà phải được tích lũy thông qua hệ thống quản trị nội bộ và văn hóa tuân thủ lâu dài.

### *3.4. Dữ liệu và minh bạch thông tin như nền tảng của khả năng tự vệ*

Một bài học mang tính kỹ thuật nhưng có ý nghĩa chiến lược là vai trò trung tâm của dữ liệu và minh bạch thông tin. Trong điều tra chống lẩn tránh, EU dựa rất nhiều vào dữ liệu định lượng để đánh giá sự thay đổi của mô hình thương mại, cấu trúc chi phí và mức độ chuyển đổi sản xuất.

Doanh nghiệp Việt Nam cần coi việc xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ, có khả năng truy xuất và giải trình là một phần của

chiến lược cạnh tranh trên thị trường EU. Minh bạch không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu điều tra, mà còn nâng cao uy tín với khách hàng, đối tác tài chính và cơ quan quản lý.

### *3.5. Điều tra chống lẩn tránh như một quá trình tương tác thể chế*

Thực tiễn cho thấy, điều tra chống lẩn tránh của EU là một quá trình tương tác liên tục giữa doanh nghiệp và cơ quan điều tra, trong đó cách thức doanh nghiệp trình bày thông tin, lập luận và tham gia đối thoại có ảnh hưởng đáng kể đến nhận định của EU.

Doanh nghiệp cần phát triển năng lực tham gia điều tra như một quá trình thể chế, bao gồm hiểu biết về quy trình, thời hạn, ngôn ngữ pháp lý và văn hóa làm việc của cơ quan EU. Việc này giúp doanh nghiệp tránh cách tiếp cận bị động, tuân tụy phản hồi yêu cầu, và thay vào đó xây dựng được lập luận có hệ thống, nhất quán và thuyết phục.

### *3.6. Vai trò của phối hợp đa cấp trong bảo vệ lợi ích doanh nghiệp*

Một bài học quan trọng khác là sự cần thiết của phối hợp đa cấp giữa doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và cơ quan quản lý nhà nước. Điều tra chống lẩn tránh thường vượt quá năng lực tự thân của từng doanh nghiệp, đặc biệt khi liên quan đến cả ngành hoặc chuỗi cung ứng.

Sự phối hợp này không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin và tư vấn chuyên môn, mà còn góp phần hình thành tiếng nói chung của ngành trong quá trình trao đổi



với EU. Về dài hạn, đây cũng là cơ sở để nâng cao năng lực thể chế của Việt Nam trong ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại.

### *3.7. Chuyển từ ứng phó theo vụ việc sang quản trị rủi ro thương mại dài hạn*

Bài học tổng quát rút ra từ thực tiễn là doanh nghiệp Việt Nam cần chuyển đổi cách tiếp cận từ xử lý từng vụ việc riêng lẻ sang quản trị rủi ro thương mại một cách có hệ thống. Trong bối cảnh EU gia tăng sử dụng điều tra chống lẩn tránh, rủi ro này không còn là sự kiện bất thường mà trở thành một phần của môi trường kinh doanh.

Việc tích hợp quản trị rủi ro phòng vệ thương mại vào chiến lược xuất khẩu, đầu tư và phát triển chuỗi cung ứng sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam không chỉ ứng phó tốt hơn với điều tra, mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và tính bền vững trên thị trường EU.

### **III. Kết luận**

Những biến động sâu sắc của kinh tế và

thương mại toàn cầu trong thập niên gần đây đang làm thay đổi căn bản cách thức các quốc gia và khu vực kinh tế tiếp cận vấn đề tự do hóa thương mại. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng, chuỗi cung ứng toàn cầu bị tái cấu trúc và các cú sốc địa – chính trị diễn ra liên tiếp, trật tự thương mại dựa trên luật lệ đa phương ngày càng bộc lộ những giới hạn rõ rệt. Việc cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO suy yếu đã tạo ra khoảng trống trong thực thi kỷ luật thương mại quốc tế, từ đó thúc đẩy các nền kinh tế lớn, trong đó có Liên minh châu Âu, chủ động sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích kinh tế và công nghiệp trong nước.

Trong bối cảnh đó, biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đã vượt ra khỏi vai trò công cụ hỗ trợ và trở thành một cấu phần quan trọng trong chính sách thương mại của EU. Khác với các biện pháp phòng vệ truyền thống vốn tập trung vào hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp của một quốc gia

cụ thể, điều tra chống lẩn tránh cho phép EU can thiệp sâu hơn vào cấu trúc chuỗi cung ứng và các dòng thương mại xuyên biên giới, nhằm ngăn chặn mọi hình thức làm suy giảm hiệu lực của các biện pháp phòng vệ đã được áp dụng. Cách tiếp cận này phản ánh sự chuyển dịch từ tư duy “đổi phó hành vi” sang tư duy “quản trị dòng thương mại” ở cấp độ khu vực.

Đối với Việt Nam, một nền kinh tế có độ mở cao và ngày càng gắn chặt với các chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu, xu hướng gia tăng điều tra chống lẩn tránh của EU tạo ra những tác động mang tính hệ thống. Thực tiễn cho thấy Việt Nam không phải là quốc gia thường xuyên bị EU áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu, nhưng lại thường xuyên xuất hiện trong các vụ việc mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp thông qua điều tra chống lẩn tránh. Điều này phản ánh vị thế đặc thù của Việt Nam trong chuỗi cung ứng, vừa là điểm đến của dòng vốn đầu tư quốc tế, vừa là trung tâm gia công và sản xuất cho nhiều ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng logic điều tra chống lẩn tránh của EU không dựa trên xuất xứ hình thức, mà dựa trên đánh giá toàn diện bản chất kinh tế của hoạt động sản xuất và thương mại. EU xem xét đồng thời nhiều yếu tố như nguồn gốc nguyên liệu, mức độ chuyển đổi trong quá trình sản xuất, cấu trúc sở hữu và mối liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi cung ứng, cũng như tác động của sự dịch chuyển dòng thương

mại đối với hiệu lực của biện pháp phòng vệ. Cách tiếp cận này khiến điều tra chống lẩn tránh trở thành một thách thức phức tạp, đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ tuân thủ quy định, mà còn phải có khả năng giải trình và chứng minh một cách thuyết phục.

Từ góc độ doanh nghiệp Việt Nam, các khó khăn và thách thức khi đối mặt với điều tra chống lẩn tránh của EU không chỉ mang tính kỹ thuật hay pháp lý, mà phản ánh khoảng cách giữa mô hình sản xuất – quản trị hiện tại với yêu cầu ngày càng cao của thương mại quốc tế hiện đại. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, mô hình sản xuất thiên về gia công, hệ thống dữ liệu chưa được chuẩn hóa và tư duy ứng phó còn mang tính bị động là những yếu tố làm gia tăng rủi ro trong các vụ việc điều tra. Điều tra chống lẩn tránh, do đó, không chỉ là rủi ro ngắn hạn đối với từng lô hàng hay hợp đồng xuất khẩu, mà là phép thử đối với năng lực cạnh tranh và tính bền vững của mô hình phát triển xuất khẩu.

Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn cho thấy, ứng phó hiệu quả với điều tra chống lẩn tránh đòi hỏi sự chuyên đổi tư duy mang tính chiến lược của doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp cần nhìn nhận phòng vệ thương mại như một yếu tố cấu thành của môi trường kinh doanh quốc tế, thay vì coi đó là sự kiện bất thường. Điều này bao gồm việc đầu tư vào năng lực chứng minh sản xuất thực chất, xây dựng chuỗi cung ứng có khả năng chịu giám sát, chuẩn hóa và minh bạch hóa dữ liệu, cũng

như nâng cao năng lực tham gia đối thoại với cơ quan điều tra của EU.

Ở tầm vĩ mô hơn, nghiên cứu cũng cho thấy vai trò không thể thiếu của sự phối hợp giữa doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và cơ quan quản lý nhà nước. Trong bối cảnh chống lẩn tránh ngày càng được sử dụng thường xuyên và có phạm vi tác động rộng, việc nâng cao năng lực thể chế, cung cấp cảnh báo sớm và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình điều tra là yếu tố then chốt để bảo vệ lợi ích xuất khẩu của Việt Nam. Sự phối hợp này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro trong từng vụ việc cụ thể, mà còn góp phần định hình chiến lược dài hạn nhằm nâng cao vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường EU.

Tổng thể, nghiên cứu khẳng định rằng điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU vừa là thách thức, vừa là động lực cải cách. Thách thức nằm ở việc gia tăng chi phí tuân thủ và rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp; trong khi đó, động lực cải cách thể hiện ở yêu cầu buộc doanh nghiệp và nền kinh tế phải nâng cấp mô hình sản xuất, quản trị và minh bạch theo các chuẩn mực cao hơn của thương mại quốc tế. Việc chủ động thích ứng với xu hướng này không chỉ giúp doanh nghiệp Việt Nam bảo vệ thị phần tại EU, mà còn góp phần củng cố nền tảng cho tăng trưởng xuất khẩu bền vững trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt.

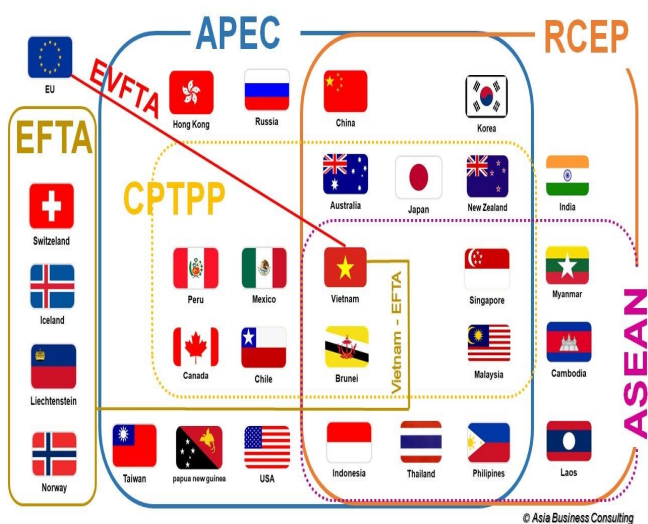
## Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Liên minh Châu Âu tiếp tục giữ vai trò là một trong những thị trường xuất khẩu chiến lược quan trọng nhất của Việt Nam. Không chỉ là khu vực có quy mô tiêu dùng lớn và mức độ ổn định cao, EU còn là thị trường có hệ thống pháp lý thương mại phát triển, tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt và cơ chế phòng vệ thương mại được vận hành với mức độ chặt chẽ hàng đầu thế giới. Việc Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu có hiệu lực đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng thị phần, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và nâng cao vị thế cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, song hành với cơ hội đó là sự gia tăng mạnh mẽ của các rủi ro phòng vệ thương mại, đặc biệt là xu hướng điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng phổ

biến và phức tạp hơn.

Khác với chống bán phá giá, chống trợ cấp hay biện pháp tự vệ – vốn tập trung vào hành vi định giá, hỗ trợ tài chính hoặc sự gia tăng đột biến của hàng nhập khẩu – điều tra chống lẩn tránh phòng vệ thương mại hướng đến việc xác định liệu doanh nghiệp hoặc quốc gia xuất khẩu có đang tìm cách né tránh các biện pháp phòng vệ đã được áp dụng trước đó hay không. Đây là một trong những công cụ được EU sử dụng ngày càng mạnh mẽ nhằm bảo đảm hiệu lực thực thi của các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, đồng thời ngăn chặn hiện tượng dịch chuyển sản xuất mang tính hình thức để né tránh nghĩa vụ thuế.

Trong thực tiễn thương mại quốc tế hiện nay, chống lẩn tránh đã trở thành một xu hướng nổi bật khi chuỗi cung ứng toàn cầu liên tục tái cấu trúc và các doanh nghiệp đa quốc gia có xu hướng dịch chuyển một phần công đoạn sản xuất sang các quốc gia thứ ba nhằm tận dụng ưu đãi thuế quan hoặc né tránh các biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng tại thị trường nhập khẩu. Việt Nam, với lợi thế về vị trí địa lý, chi phí sản xuất cạnh tranh, môi trường đầu tư hấp dẫn và mạng lưới các hiệp định thương mại tự do rộng lớn, trở thành một điểm đến quan trọng trong làn



sống dịch chuyển này. Tuy nhiên, điều đó cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam ngày càng đối diện với nghi ngờ từ các đối tác thương mại về khả năng trở thành nơi trung chuyển, gia công đơn giản hoặc chuyên tải bất hợp pháp nhằm lẫn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại của EU.

Các ngành như thép, nhôm, gỗ, pin năng lượng mặt trời, xe đạp điện, tôn mạ màu, sản phẩm nhựa, linh kiện điện tử và nhiều nhóm hàng công nghiệp trung gian đang nằm trong nhóm có nguy cơ cao bị điều tra chống lẫn tránh. Nhiều vụ việc cho thấy cơ quan điều tra EU không chỉ xem xét tỷ lệ giá trị gia tăng tại Việt Nam mà còn đánh giá toàn diện chuỗi cung ứng, nguồn gốc nguyên liệu, bản chất của quá trình gia công và mối liên hệ thương mại giữa doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp tại quốc gia đang bị áp thuế phòng vệ.

Điều đáng lo ngại là nhiều doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn chưa nhận thức đầy đủ về rủi ro chống lẫn tránh phòng vệ thương mại. Không ít doanh nghiệp cho rằng chỉ cần có hoạt động sản xuất tại Việt Nam là đủ điều kiện chứng minh xuất xứ, trong khi trên thực tế, tiêu chuẩn đánh giá của EU nghiêm ngặt hơn rất nhiều. Việc thiếu hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch, thiếu kiểm soát nguyên liệu đầu vào, thiếu hiểu biết về quy tắc xuất xứ và thiếu cơ chế quản trị tuân thủ đã khiến nhiều doanh nghiệp rơi vào tình thế bị động khi bị điều tra.

Trong bối cảnh đó, vai trò của hiệp hội

ngành hàng trở nên đặc biệt quan trọng. Nếu Nhà nước giữ vai trò thiết lập khung pháp lý và bảo vệ lợi ích quốc gia ở cấp độ thể chế, thì hiệp hội chính là lực lượng gần gũi nhất với doanh nghiệp, hiểu rõ đặc thù sản xuất, cấu trúc chuỗi cung ứng và các rủi ro thực tiễn của từng ngành. Hiệp hội không chỉ là cầu nối giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý mà còn là trung tâm dẫn dắt việc chuẩn hóa ngành hàng, xây dựng cơ chế tuân thủ và nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro phòng vệ thương mại.

Từ góc độ đó, nghiên cứu về một số khuyến nghị chính sách chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn của hiệp hội không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc hoàn thiện vai trò của tổ chức trung gian ngành hàng mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc trong bảo vệ thị trường xuất khẩu, duy trì năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong cấu trúc thương mại toàn cầu đang thay đổi mạnh mẽ hiện nay.

Vai trò của hiệp hội ngành hàng trong hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU

Trong bối cảnh Liên minh Châu Âu ngày càng gia tăng sử dụng các biện pháp chống lẫn tránh phòng vệ thương mại như một công cụ quan trọng nhằm bảo đảm hiệu lực của các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đã được áp dụng trước đó, vai trò của hiệp hội ngành hàng trong hỗ trợ

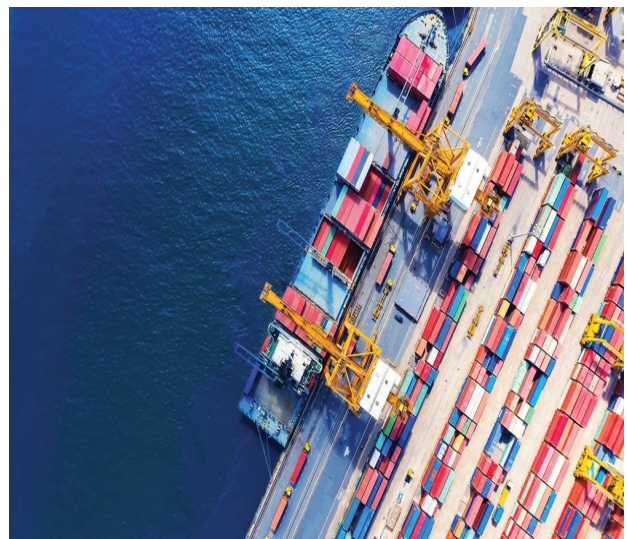
doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc điều tra ngày càng trở nên đặc biệt quan trọng. Nếu doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp tham gia sản xuất, xuất khẩu và chịu tác động trực tiếp từ các quyết định điều tra, còn Nhà nước giữ vai trò thiết lập thể chế và bảo vệ lợi ích quốc gia ở cấp độ chính sách, thì hiệp hội ngành hàng chính là chủ thể trung gian có khả năng kết nối, điều phối và dẫn dắt toàn bộ ngành trong việc phòng ngừa và xử lý rủi ro phòng vệ thương mại. Trong nhiều trường hợp, hiệu quả ứng phó với điều tra chống lẩn tránh không phụ thuộc hoàn toàn vào từng doanh nghiệp riêng lẻ mà phụ thuộc rất lớn vào khả năng hành động tập thể của cả ngành hàng, và đây chính là không gian hoạt động cốt lõi của hiệp hội.

Về bản chất, điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại không chỉ nhằm xác định một hành vi vi phạm cụ thể mà còn hướng tới việc đánh giá toàn bộ cấu trúc chuỗi cung ứng, bản chất của hoạt động sản xuất và tính thực chất của quá trình chuyển đổi giá trị tại quốc gia xuất khẩu. EU không chỉ xem xét việc hàng hóa có được xuất khẩu từ Việt Nam hay không mà quan trọng hơn là liệu Việt Nam có thực sự là nơi tạo ra giá trị gia tăng đáng kể hay chỉ là điểm trung chuyển hoặc nơi thực hiện gia công đơn giản nhằm né tránh các biện pháp phòng vệ đang áp dụng với quốc gia khác. Điều này khiến phạm vi điều tra vượt xa khả năng xử lý của từng doanh nghiệp đơn lẻ và đòi hỏi một cơ chế phối hợp ở cấp

độ toàn ngành.

Chính vì vậy, vai trò đầu tiên và có tính nền tảng của hiệp hội ngành hàng là xây dựng nhận thức chung và hình thành văn hóa tuân thủ phòng vệ thương mại trong cộng đồng doanh nghiệp. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn tiếp cận vấn đề chống lẩn tránh với tâm lý thụ động, coi đây là rủi ro pháp lý chỉ phát sinh khi bị điều tra thay vì nhận thức rằng đây là một yếu tố cấu thành trong chiến lược phát triển xuất khẩu bền vững. Không ít doanh nghiệp cho rằng chỉ cần có hoạt động lắp ráp hoặc gia công tại Việt Nam là đủ điều kiện chứng minh xuất xứ, trong khi tiêu chuẩn đánh giá của EU tập trung vào bản chất của quá trình chuyển đổi sản xuất, tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa, mức độ thay đổi bản chất hàng hóa và tính độc lập thực chất của doanh nghiệp.

Hiệp hội ngành hàng có lợi thế đặc biệt trong việc thay đổi nhận thức này bởi đây là tổ chức gần gũi nhất với doanh nghiệp, hiểu rõ thực tiễn sản xuất của từng ngành và có



khả năng truyền tải thông tin chuyên môn theo cách phù hợp với năng lực tiếp nhận của doanh nghiệp. Thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, hội thảo kỹ thuật, bản tin cảnh báo định kỳ và hệ thống tư vấn chuyên môn, hiệp hội có thể giúp doanh nghiệp hiểu rõ bản chất pháp lý của chống lẩn tránh, nhận diện sớm các dấu hiệu rủi ro và xây dựng tư duy tuân thủ ngay từ giai đoạn đầu của hoạt động đầu tư và sản xuất.

Vai trò thứ hai của hiệp hội là xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở cấp độ ngành hàng. Một trong những đặc điểm quan trọng của điều tra chống lẩn tránh là rủi ro thường không xuất hiện đột ngột mà hình thành từ những biến động có tính hệ thống như sự gia tăng bất thường của nhập khẩu nguyên liệu từ quốc gia đang bị áp thuế phòng vệ, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đột biến vào thị trường EU, sự dịch chuyển nhanh của dòng vốn đầu tư vào một số ngành nhạy cảm hoặc sự thay đổi bất thường trong cấu trúc chuỗi cung ứng.

Doanh nghiệp riêng lẻ rất khó có đủ dữ liệu để nhận diện những xu hướng này ở cấp độ toàn ngành. Trong khi đó, hiệp hội có khả năng tập hợp thông tin từ nhiều doanh nghiệp thành viên, theo dõi biến động thị trường và phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường. Khi kết hợp với dữ liệu từ cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống thương vụ và thông tin từ các hiệp hội đối tác quốc tế, hiệp hội có thể xây dựng cơ chế cảnh báo sớm mang tính thực tiễn cao, giúp doanh nghiệp chủ động điều chỉnh chiến lược

nhập khẩu nguyên liệu, cơ cấu thị trường xuất khẩu và phương án tổ chức sản xuất trước khi nguy cơ điều tra chính thức phát sinh.

Vai trò thứ ba và có ý nghĩa chiến lược lâu dài là hiệp hội tham gia chuẩn hóa chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch cho toàn ngành. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng bởi trong điều tra chống lẩn tránh, cơ quan điều tra EU không chỉ xem xét doanh nghiệp có chứng nhận xuất xứ hay không mà đánh giá toàn diện khả năng chứng minh tính hợp pháp của toàn bộ chuỗi cung ứng. Nếu doanh nghiệp không thể chứng minh rõ nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, quá trình gia công thực chất và mức độ giá trị gia tăng tại Việt Nam, nguy cơ bị quy kết lẩn tránh là rất cao.

Tuy nhiên, việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả không thể chỉ phụ thuộc vào nỗ lực riêng lẻ của từng doanh nghiệp bởi chuỗi cung ứng thường liên quan đến nhiều doanh nghiệp đầu vào, nhà cung cấp phụ trợ và các đối tác logistics khác nhau. Hiệp hội ngành hàng có vai trò trung tâm trong việc xây dựng bộ tiêu chuẩn ngành về truy xuất nguồn gốc, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các chuẩn dữ liệu thống nhất và thúc đẩy hình thành cơ chế chia sẻ thông tin minh bạch giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao khả năng chứng minh xuất xứ thực chất trước các cơ quan điều tra quốc tế.



Vai trò thứ tư của hiệp hội là hỗ trợ pháp lý tập thể và điều phối phản ứng ngành khi vụ việc điều tra phát sinh. Trong nhiều trường hợp, một vụ điều tra chống lẩn tránh không chỉ tác động đến một doanh nghiệp mà ảnh hưởng đến toàn bộ ngành hàng. Nếu các doanh nghiệp phản ứng rời rạc, cung cấp thông tin không thống nhất hoặc thiếu sự phối hợp chiến lược, cơ quan điều tra EU rất dễ đưa ra kết luận bất lợi cho toàn ngành.

Hiệp hội cần đóng vai trò là đầu mối tập hợp dữ liệu ngành, phối hợp xây dựng lập luận phản biện chung, kết nối doanh nghiệp với các hãng luật quốc tế và hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ giải trình theo hướng nhất quán. Việc hình thành một chiến lược phản ứng tập thể không chỉ giúp giảm chi phí pháp lý cho doanh nghiệp mà còn nâng cao đáng kể hiệu quả bảo vệ lợi ích ngành hàng. Đây là một trong những lợi thế lớn nhất mà hiệp hội có thể mang lại so với

cách tiếp cận đơn lẻ của từng doanh nghiệp.

Vai trò thứ năm là hiệp hội tham gia định hướng phát triển ngành theo hướng bền vững nhằm giảm thiểu rủi ro chống lẩn tránh trong dài hạn. Bản chất của chống lẩn tránh không nằm ở một hành vi kỹ thuật đơn lẻ mà phản ánh nghi ngờ của thị trường nhập khẩu về tính thực chất của năng lực sản xuất tại quốc gia xuất khẩu. Nếu một ngành phát triển chủ yếu dựa trên gia công đơn giản, phụ thuộc nặng vào nguyên liệu nhập khẩu từ quốc gia đang bị áp thuế và thiếu khả năng nội địa hóa, nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh sẽ luôn hiện hữu.

Do đó, hiệp hội cần đóng vai trò định hướng doanh nghiệp chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa trên gia công sang mô hình phát triển dựa trên giá trị gia tăng thực chất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, phát triển công nghiệp hỗ trợ và đầu tư vào công nghệ sản xuất chiều sâu. Khi doanh nghiệp có thể chứng minh năng lực sản xuất độc lập và



tính thực chất của chuỗi giá trị tại Việt Nam, nguy cơ bị quy kết lẫn tránh sẽ giảm đáng kể.

Như vậy, vai trò của hiệp hội ngành hàng trong hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin hay hỗ trợ thủ tục mà phải được nhìn nhận như một cấu phần trung tâm của chiến lược phòng vệ thương mại ngành hàng. Từ xây dựng nhận thức tuân thủ, cảnh báo sớm, chuẩn hóa chuỗi cung ứng, hỗ trợ pháp lý tập thể cho đến định hướng phát triển ngành bền vững, hiệp hội chính là lực lượng dẫn dắt cộng đồng doanh nghiệp chuyển từ trạng thái ứng phó bị động sang chủ động phòng ngừa rủi ro. Trong một trật tự thương mại mới mà minh bạch, xuất xứ thực chất và phát triển bền vững trở thành tiêu chí cốt lõi, năng lực tổ chức và điều phối của hiệp hội ngành hàng chính là một trong những yếu tố quyết định khả năng bảo vệ thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

Một số khuyến nghị chính sách chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của EU và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn của hiệp hội

Trong bối cảnh Liên minh Châu Âu ngày càng tăng cường điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại như một công cụ nhằm bảo đảm hiệu lực của các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đã được áp dụng trước đó, việc xây dựng một hệ thống giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp mang tính chủ động, đồng bộ và có chiều sâu chiến lược trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các hiệp hội ngành hàng tại Việt Nam. Nếu trước đây, chống lẫn tránh thường được nhìn nhận như một rủi ro phát sinh mang tính pháp lý sau khi doanh nghiệp đã bước vào quá trình xuất khẩu, thì hiện nay đây đã trở thành một nội dung cốt lõi của quản trị chuỗi cung ứng, quản trị xuất xứ và quản trị năng lực cạnh tranh ngành hàng. Điều đó đòi hỏi hiệp hội không chỉ đóng vai trò hỗ trợ khi vụ việc phát sinh mà phải trở thành chủ thể dẫn dắt doanh nghiệp xây dựng năng lực phòng ngừa rủi ro ngay từ giai đoạn đầu của quá trình đầu tư, sản xuất và tổ chức chuỗi cung ứng.

Thực tiễn cho thấy, phần lớn các vụ điều tra chống lẫn tránh của EU đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam không xuất phát từ hành vi gian lận xuất xứ mang tính rõ ràng mà thường bắt nguồn từ sự thiếu minh bạch trong chuỗi cung ứng, sự phụ thuộc quá lớn vào nguyên liệu đầu vào từ quốc gia đang bị áp thuế phòng vệ, mô hình gia công đơn

giảm thiểu giá trị gia tăng thực chất và việc doanh nghiệp không chứng minh được tính độc lập của hoạt động sản xuất tại Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp bị đặt vào diện nghi ngờ không phải vì có hành vi lẩn tránh cố ý mà vì thiếu hệ thống truy xuất nguồn gốc, thiếu cơ chế quản trị tuân thủ và thiếu hiểu biết đầy đủ về tiêu chuẩn đánh giá của EU.

Điều đó cho thấy các giải pháp hỗ trợ không thể chỉ tập trung vào xử lý từng vụ điều tra riêng lẻ mà phải hướng tới xây dựng một hệ sinh thái phòng ngừa rủi ro phòng vệ thương mại ở cấp độ toàn ngành. Từ góc nhìn của hiệp hội ngành hàng, có thể xác định một số nhóm giải pháp trọng tâm sau đây.

1. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và giám sát rủi ro chống lẩn tránh ở cấp độ ngành hàng

Một trong những hạn chế lớn nhất của doanh nghiệp Việt Nam là sự bị động trong nhận diện nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh. Phần lớn doanh nghiệp chỉ nhận thức được rủi ro khi cơ quan điều tra EU đã chính thức khởi xướng vụ việc, trong khi ở giai đoạn đó khả năng điều chỉnh chuỗi cung ứng, thay đổi cơ cấu nguyên liệu đầu vào hay tái cấu trúc chiến lược xuất khẩu gần như rất hạn chế. Điều này khiến doanh nghiệp rơi vào trạng thái phản ứng bị động, tốn kém chi phí pháp lý và chịu rủi ro rất lớn về thuế phòng vệ.

Do đó, hiệp hội ngành hàng cần chủ động xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở

cấp độ ngành thay vì chỉ chờ thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước. Hệ thống này phải được vận hành trên cơ sở thu thập và phân tích dữ liệu từ doanh nghiệp thành viên như tốc độ tăng trưởng xuất khẩu theo từng thị trường, sự gia tăng bất thường của nhập khẩu nguyên liệu từ các quốc gia đang bị áp thuế phòng vệ, biến động mạnh trong cơ cấu đầu tư nước ngoài vào các ngành nhạy cảm và sự thay đổi trong hành vi thương mại của đối tác EU.

Khi phát hiện dấu hiệu bất thường, hiệp hội cần chủ động đưa ra khuyến nghị điều chỉnh đối với doanh nghiệp như rà soát lại chuỗi cung ứng, kiểm tra nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, hạn chế phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường hoặc chủ động chuẩn bị hồ sơ chứng minh quá trình sản xuất thực chất. Một hệ thống cảnh báo hiệu quả không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro điều tra mà còn giúp cả ngành tránh được những cú sốc thương mại mang tính tập thể.

2. Chuẩn hóa hệ thống truy xuất nguồn gốc và xây dựng bộ tiêu chuẩn tuân thủ chung của ngành

Trong điều tra chống lẩn tránh, yếu tố quyết định không chỉ là giấy chứng nhận xuất xứ mà là khả năng chứng minh tính thực chất của quá trình sản xuất và giá trị gia tăng nội địa. Cơ quan điều tra EU ngày càng chú trọng việc phân tích toàn bộ chuỗi cung ứng, từ nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, tỷ lệ nội địa hóa, bản chất của quá trình gia công cho đến mức độ thay đổi bản

chất hàng hóa trước khi xuất khẩu.

Tuy nhiên, đây lại là điểm yếu phổ biến của nhiều doanh nghiệp Việt Nam khi hệ thống quản trị chuỗi cung ứng còn phân tán, dữ liệu truy xuất nguồn gốc thiếu đồng bộ và việc lưu trữ hồ sơ sản xuất còn mang tính thủ công. Nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào chứng từ xuất khẩu cuối cùng mà chưa xây dựng được khả năng chứng minh xuyên suốt từ đầu vào đến đầu ra.

Vì vậy, hiệp hội ngành hàng cần đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng bộ tiêu chuẩn chung về truy xuất nguồn gốc và tuân thủ phòng vệ thương mại cho toàn ngành. Bộ tiêu chuẩn này phải bao gồm các yêu cầu tối thiểu về quản lý nguyên liệu đầu vào, hồ sơ sản xuất, chứng từ logistics, quản lý nhà cung cấp và cơ chế kiểm tra nội bộ. Khi các doanh nghiệp cùng vận hành trên một chuẩn dữ liệu thống nhất, khả năng giải trình với cơ quan điều tra EU sẽ được nâng lên đáng kể.

Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật phục vụ phòng vệ thương mại mà còn là nền tảng



## Phụ lục

### Danh sách theo dõi các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp

(số liệu cập nhật đến hết tháng 6 năm 2025)

#### **1. Nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ**

##### ***- Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (Hardwood plywood) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Các mã HS tham khảo: 4412.31, 4412.32, 4412.33, 4412.34, 4412.94, 4412.99

Hoa Kỳ đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 280 triệu USD, tăng 38,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 33,4% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Tháng 6 năm 2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã khởi xướng điều tra lần tránh biện pháp PVTM (circumvention) đối với toàn bộ sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam. Sau nhiều lần gia hạn, DOC đã ban hành kết luận cuối cùng của vụ việc vào tháng 7 năm 2023.

Theo kết luận này, sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc bị coi là lần tránh biện pháp PVTM đang áp dụng với gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc. Gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc sản xuất tại Việt Nam hoặc tại các nước khác thì không bị coi là lần tránh.

DOC cho phép các nhà xuất khẩu Việt Nam đủ điều kiện tham gia cơ chế tự xác nhận để được loại trừ khỏi biện pháp. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ được tham gia cơ chế tự xác nhận cần lưu ý không sử dụng ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc để làm nguyên liệu sản xuất lõi gỗ dán và lưu giữ hồ sơ, chứng từ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu một cách khoa học để chứng minh với cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ khi có yêu cầu kiểm tra xác minh.

Sau một thời gian giảm mạnh do ảnh hưởng của cuộc điều tra lần tránh biện pháp PVTM của DOC, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này đang có xu hướng tăng trở lại.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, như đã dự báo, DOC tiếp tục khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với mặt hàng xuất khẩu này của Việt Nam.

Hiện vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra.

**- Ghế sofa có khung gỗ (*Seats with wooden frames, upholstered*) xuất khẩu sang Hoa Kỳ**

Mã HS tham khảo: 9401.61

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ghế sofa có khung gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,7 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm đến 51,9% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Với tốc độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, tồn tại khả năng Hoa Kỳ khởi xướng điều tra PVTM hoặc lẫn tránh thuế đối với mặt hàng ghế sofa nhập khẩu từ Việt Nam.

**- Ghế bọc đệm (*Upholstered domestic seating*) xuất khẩu sang Ca-na-đa**

Các mã HS tham khảo: 9401.40, 9401.61, 9401.71

Ca-na-đa đã áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam.

Mặc dù đang là đối tượng bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ghế bọc đệm của Việt Nam sang Ca-na-đa vẫn đạt 87,7 triệu USD, tăng 44,3% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 15,3% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Ca-na-đa.

Với tỷ trọng đáng kể và có kim ngạch xuất khẩu tăng, các doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi khả năng tái điều tra hoặc mở rộng phạm vi điều tra đối với sản phẩm này của Việt Nam.

**- Đồ nội thất phòng ngủ (*Wooden bedroom furniture*) xuất khẩu sang Hoa Kỳ**

Các mã HS tham khảo: 9403.50, 9403.90

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế CBPG và CTC đối với các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 983 triệu USD, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm đến 55,7% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Sản phẩm này đang có tỷ trọng lớn trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, vì vậy tồn tại khả năng Hoa Kỳ khởi xướng điều tra PVTM hoặc lẫn tránh thuế đối với mặt

hàng đồ nội thất phòng ngủ nhập khẩu từ Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý tránh sử dụng các cấu phần chính được sản xuất tại Trung Quốc để gia công, lắp ráp sản phẩm và xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

***- Gỗ thanh và viền dải gỗ được tạo dáng liên tục (Wood mouldings, millwork products) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Các mã HS tham khảo: 4409.10, 4409.22, 4409.29

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế CBPG và CTC đối với các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ thanh và viền dải gỗ được tạo dáng liên tục của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 48 triệu USD, tăng 66,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 9,1% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ đang có xu hướng tăng lên. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

**2. Nhóm hàng thép và sản phẩm thép**

***- Thép dẹt cán nguội (Cold-rolled flat steel products) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 7209.15, 7209.18, 7209.25, 7209.26, 7209.27, 7209.28, 7211.23, 7211.29, 7225.50 và 7226.92

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc và Nga.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép dẹt cán nguội của Việt Nam sang EU đạt 88,4 triệu USD, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 9,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Với tốc độ tăng trưởng nhanh, mặc dù kim ngạch của Việt Nam chiếm tỷ trọng chưa lớn nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng EU khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Việt Nam nếu kim ngạch tiếp tục tăng trong thời gian tới.

***- Thép cán phẳng mạ hoặc tráng thiếc (Tinplate) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 7210.11, 7210.12, 7210.70, 7210.90, 7212.10, 7212.40

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép cán phẳng mạ hoặc tráng thiếc của Việt Nam sang EU đạt 67,7 triệu USD, tăng 60,7% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 7,3% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU đang có xu hướng tăng lên. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

***- Bu lông, đinh vít bằng sắt hoặc thép (Iron or steel fasteners) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 7318.12, 7318.14, 7318.15

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu bu lông, đinh vít của Việt Nam sang EU đạt 144,8 triệu USD, tăng 47,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 8,5% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Với tốc độ tăng trưởng nhanh và có một tỷ trọng đáng kể, các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng EU khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Việt Nam.

***- Thép phủ vật liệu hữu cơ (Organic coated steel products) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 7210.70, 7212.40, 7225.99, 7226.99

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép phủ hữu cơ của Việt Nam sang EU đạt 66,8 triệu USD, tăng 63,7% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 8,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Với tốc độ tăng trưởng đột biến và có một tỷ trọng đáng kể, các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng EU khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam.

***- Thép hình cán nóng (Hot rolled structural steel section) xuất khẩu sang Úc***

Các mã HS tham khảo: 7216.31, 7216.32, 7216.33, 7216.40, 7228.70

Úc đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) và Thái Lan.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép hình cán nóng của Việt Nam sang Úc đạt 24,1 triệu USD, tăng 409,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 24,4% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc.

Với kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý khả năng Úc khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam. Đồng thời, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Úc cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

### ***- Thép kết cấu rỗng (Hollow Structural Sections) xuất khẩu sang Úc***

Các mã HS tham khảo: 7306.30, 7306.61, 7306.69 và 7306.90

Úc đã áp dụng thuế CBPG đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Ma-lai-xi-a và Hàn Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép kết cấu rỗng của Việt Nam sang Úc đạt 9,7 triệu USD, tăng 65,3% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 7,9% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại và là nguồn cung cấp lớn thứ hai tại thị trường Úc.

Với kim ngạch tăng và có tỷ trọng đáng kể, doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng Úc khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng thép kết cấu rỗng nhập khẩu từ Việt Nam trong thời gian tới.

### ***- Nhựa polyester (polyester resin) xuất khẩu sang Mê-hi-cô***

Mã HS tham khảo: 3907.61, 3907.69

Mê-hi-cô đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Kim ngạch xuất khẩu nhựa polyester (PET) của Việt Nam sang Mê-hi-cô bắt đầu tăng mạnh từ năm 2024. Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhựa polyester của Việt Nam sang Mê-hi-cô đạt 44,5 triệu USD, tăng 64,3% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 41,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Mê-hi-cô. Việt Nam là nhà cung cấp nhựa polyester lớn nhất tại thị trường Mê-hi-cô.

Với kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý khả năng Mê-hi-cô khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Việt Nam.

**- Cáp thép dự ứng lực (Prestressed products) xuất khẩu sang Mê-hi-cô**

Mã HS tham khảo: 7312.10

Mê-hi-cô đã áp dụng thuế chống bán phá giá với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép dự ứng lực của Việt Nam sang Mê-hi-cô đạt 24,8 triệu USD, tăng 447,1% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 28,2% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Mê-hi-cô.

Với kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý khả năng Mê-hi-cô khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Việt Nam.

**- Cáp thép dự ứng lực (Prestressed concrete steel wire strand) xuất khẩu sang Hoa Kỳ**

Mã HS tham khảo: 7312.10

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ 22 thị trường, trong đó có các thị trường đáng chú ý như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Đài Loan (Trung Quốc), Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cáp thép dự ứng lực của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 15,8 triệu USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam hiện chiếm 26,3% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Đây là mặt hàng có rủi ro bị Hoa Kỳ tiến hành điều tra phòng vệ thương mại do kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng nhanh trong 3 năm gần đây và hiện đang chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ. Đồng thời, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần lưu ý tránh sử dụng nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất cáp thép dự ứng lực xuất khẩu sang Hoa Kỳ vì sẽ dễ trở thành đối tượng của việc điều tra chống lẩn tránh do Bộ Thương mại Hoa Kỳ tiến hành.

**- Mặt bích bằng thép không gỉ (Stainless steel flanges) xuất khẩu sang Hoa Kỳ**

Mã HS tham khảo: 7307.21

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu

từ Trung Quốc và Ấn Độ.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu mặt bích bằng thép không gỉ của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 8,9 triệu USD, tăng 55,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 8,6% trong tổng nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ. Việt Nam đang là nhà cung cấp đứng thứ ba sau I-ta-li-a và Ấn Độ.

Đây là mặt hàng có rủi ro bị Hoa Kỳ tiến hành điều tra phòng vệ thương mại hoặc điều tra chống lẩn tránh. Các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ để sản xuất sản phẩm này.

### ***- Thép không gỉ cán nguội (Flat Cold Rolled Stainless Steel) xuất khẩu sang Thái Lan***

Các mã HS tham khảo: 7219.32, 7219.33, 7219.34, 7219.35, 7219.90, 7220.20, 7220.90

Thái Lan đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép không gỉ cán nguội của Việt Nam sang Thái Lan đạt 16,8 triệu USD, tăng 66,6% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 8,2% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Thái Lan.

Với tốc độ tăng trưởng nhanh và có một tỷ trọng đáng kể, các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng Thái Lan khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Việt Nam.

### **3. Các sản phẩm kim loại khác (trừ thép)**

#### ***- Nhôm thanh định hình (Aluminum extrusions) xuất khẩu sang Ca-na-đa***

Các mã HS tham khảo: 7604.10, 7604.21, 7604.29, 7608.10, 7608.20, 7610.10, 7610.90

Ca-na-đa đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhôm thanh định hình của Việt Nam sang Ca-na-đa đạt 40,6 triệu USD, tăng 32,4% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 6,9% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Ca-na-đa.

Mặc dù kim ngạch của Việt Nam chiếm tỷ trọng chưa lớn nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng Ca-na-đa khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam nếu kim ngạch tiếp tục tăng trong thời gian tới.

#### **4. Nhóm hàng vật liệu**

##### ***- Kính nổi (Float Glass Products) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Các mã HS tham khảo: 7005.10, 7005.21, 7005.29, 7007.29, 7008.00, 7009.91, 7009.92

Hoa Kỳ đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc và Ma-lai-xi-a.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu kính nổi của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 47,6 triệu USD, tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2024 (cùng kỳ năm 2024 kim ngạch xuất khẩu kính nổi sang Hoa Kỳ chỉ đạt 1,2 triệu USD). Kim ngạch của Việt Nam chiếm 11,6% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Với việc kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này tăng nhanh trong một thời gian ngắn, doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng Hoa Kỳ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam trong thời gian tới.

##### ***- Kính nổi (Float Glass Products) xuất khẩu sang Ấn Độ***

Các mã HS tham khảo: 7005.10, 7005.21, 7005.29

Ấn Độ đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Băng-la-đét, Pa-ki-xtan, UAE, Ả-rập Xê-út.

Kim ngạch xuất khẩu kính nổi của Việt Nam sang Ấn Độ bắt đầu tăng mạnh từ năm 2024. Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu kính nổi của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 43,5 triệu USD, tăng 75,6% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 26% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Với việc kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này tăng nhanh trong một thời gian ngắn, doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng Ấn Độ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam trong thời gian tới.

##### ***- Sợi polyester có độ bền cao (Polyester yarn (High tenacity)) xuất khẩu sang EU***

Mã HS tham khảo: 5402.20

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sợi polyester có độ bền cao nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sợi polyester có độ bền cao của Việt Nam sang EU đạt 55,9 triệu USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 33,7% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Đây là mặt hàng có rủi ro bị EU tiến hành điều tra phòng vệ thương mại do kim ngạch xuất khẩu sang EU tăng nhanh trong 3 năm gần đây và hiện đang chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU. Đồng thời, các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

#### ***- Thủy tinh nghiền (Frit) xuất khẩu sang In-đô-nê-xi-a***

Các mã HS tham khảo: 3207.20, 3207.40

In-đô-nê-xi-a đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với thủy tinh nghiền nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh nghiền của Việt Nam sang In-đô-nê-xi-a đạt 14 triệu USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam hiện chiếm 53,5% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của In-đô-nê-xi-a và là nguồn cung lớn nhất tại thị trường In-đô-nê-xi-a.

Đây là mặt hàng có rủi ro bị In-đô-nê-xi-a tiến hành điều tra phòng vệ thương mại do kim ngạch xuất khẩu sang In-đô-nê-xi-a tăng nhanh và hiện đang chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của In-đô-nê-xi-a. Doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần chủ động rà soát chuỗi cung ứng, và theo dõi chính sách thương mại của In-đô-nê-xi-a để bảo vệ thị phần hiện có và tránh rủi ro pháp lý.

#### **6. Một số sản phẩm công nghiệp chế tạo**

##### ***- Máy giặt dân dụng cỡ lớn (Large residential washers) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Mã HS tham khảo: 8450.20

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với máy giặt dân dụng cỡ lớn nhập khẩu từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Mê-hi-cô. Đồng thời, sau 5 năm, biện pháp tự vệ mà Hoa Kỳ áp dụng đối với nhập khẩu máy giặt dân dụng cỡ lớn đã hết hạn vào tháng 2 năm 2023.

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ đang có xu hướng tăng do biện pháp tự vệ hết hạn áp dụng. Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 136,1 triệu USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam hiện chiếm 19,1% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ. Việt Nam đang là nhà cung cấp lớn thứ tư tại thị trường Hoa Kỳ sau Thái Lan, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Đây là mặt hàng có rủi ro cao bị Hoa Kỳ tiến hành điều tra phòng vệ thương mại nếu kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng trong thời gian tới.

#### ***- Lớp xe tải và xe khách (Truck and bus tires) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Mã HS tham khảo: 4011.20

Hoa Kỳ đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm lốp xe tải và xe khách nhập khẩu từ Trung Quốc và Thái Lan.

Một sản phẩm tương tự của Việt Nam là lốp xe con và xe tải hạng nhẹ cũng đã bị Hoa Kỳ điều tra và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại từ tháng 5 năm 2021.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu lốp xe tải và xe khách của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 238,7 triệu USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 12,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Với tỷ trọng kim ngạch ở mức đáng kể và đang có xu hướng tăng lên, các doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi khả năng Hoa Kỳ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với sản phẩm này của Việt Nam trong thời gian tới.

#### ***- Xe đạp điện (Electric bicycles) xuất khẩu sang Hoa Kỳ***

Mã HS tham khảo: 8711.60

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu xe đạp điện của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 23,9 triệu USD, tăng 48,9% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 14,1% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ. Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ ba sau thị trường Trung Quốc và Đài Loan –Trung Quốc.

Với kim ngạch tăng và có tỷ trọng đáng kể, xe đạp điện của Việt Nam có thể bị điều tra lẫn tránh thuế hoặc gian lận xuất xứ tại thị trường Hoa Kỳ. Đồng thời, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ cần lưu ý tránh sử dụng các nguyên liệu chính nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất sản phẩm này.

***- Lốp xe tải và xe khách (Tyres for buses or lorries) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 4011.20, 4012.12

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với lốp xe tải và xe khách nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu lốp xe tải và xe khách của Việt Nam sang EU đạt 155 triệu USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 17,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Với tỷ trọng kim ngạch ở mức đáng kể và đang có xu hướng tăng lên, các doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi khả năng EU khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với sản phẩm này của Việt Nam trong thời gian tới.

***- Xe nâng tay (Hand pallet trucks) xuất khẩu sang EU***

Mã HS tham khảo: 8427.90, 8431.20

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với xe nâng tay nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu xe nâng tay của Việt Nam sang EU đạt 23,3 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 7,2% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại

của EU. Việt Nam đang là nhà cung cấp lớn thứ năm sau Hoa Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Trung Quốc.

Với kim ngạch tăng nhanh và là nhà cung cấp lớn thứ năm tại thị trường EU, Việt Nam đang có nhiều cơ hội mở rộng thị phần xe nâng tay tại thị trường EU.

Tuy nhiên, doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý khả năng EU khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với mặt hàng này của Việt Nam trong thời gian tới.

***- Tháp điện gió bằng thép (Steel wind towers) xuất khẩu sang EU***

Các mã HS tham khảo: 7308.20, 7308.90, 8502.31

EU đã áp dụng thuế chống bán phá giá đối với tháp điện gió bằng thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu tháp điện gió bằng thép của Việt Nam sang EU đạt 187 triệu USD, tăng 90,2% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU.

Với tỷ trọng kim ngạch ở mức đáng kể và đang có xu hướng tăng lên, các doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi khả năng EU khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại đối với sản phẩm này của Việt Nam trong thời gian tới.

# Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn cơ quan nhà nước

Góc nhìn từ cơ quan nhà nước

Trong những năm gần đây, thương mại quốc tế đã chứng kiến xu hướng gia tăng mạnh mẽ các biện pháp phòng vệ thương mại trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, các nền kinh tế lớn, như Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục đẩy mạnh sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại với phạm vi ngày càng mở rộng, cũng như tăng mức độ phức tạp.

Trong đó, các vụ việc điều tra liên quan đến hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ. Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, tính đến hết năm 2025 đã có tổng cộng 40 vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được các nước khởi xướng, trong đó EU đã điều tra 07 vụ việc điều tra chống lẫn tránh liên quan đến hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Đây là con số cho thấy mức độ rủi ro ngày càng lớn đối với hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh xuất khẩu tiếp tục mở rộng sang nhiều thị trường khi Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung là Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) nói riêng.

Trước đây, thị trường EU gần như không ghi nhận bất kỳ cuộc điều tra nào liên quan đến phòng vệ thương mại hay lẫn tránh thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5,6 năm trước. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, các vụ việc điều tra đã bắt đầu phát sinh, đặc biệt đối với mặt hàng thép. Ngoài ra còn có các nhóm mặt hàng có nguy cơ bị điều tra chống lẫn tránh là sản phẩm thép, gỗ và nhóm sản phẩm công nghiệp chế tạo. Đây là những lĩnh vực có đặc điểm chung là chuỗi cung ứng phức tạp, nhiều cấu phần linh kiện nhập khẩu có thể được đưa vào từ nhiều nguồn khác nhau để lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm cuối cùng. Đặc biệt, trong những diễn biến gần đây, quy tắc xuất xứ đối với ngành sợi và ngành dệt may đang có xu hướng bị đẩy lùi sâu hơn về phía nguyên liệu thượng nguồn, đặt ra yêu cầu ngày càng khắt khe đối với doanh nghiệp trong việc chứng minh xuất xứ.

Các hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của hàng hóa Việt Nam trên thị trường

## Phụ lục

Danh sách theo dõi các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp

(số liệu cập nhật đến hết tháng 6 năm 2025)

### 1. Nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ

- Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (Hardwood plywood) xuất khẩu sang Hoa Kỳ

Các mã HS tham khảo: 4412.31, 4412.32, 4412.33, 4412.34, 4412.94, 4412.99

Hoa Kỳ đã áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 280 triệu USD, tăng 38,5% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch của Việt Nam chiếm 33,4% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Hoa Kỳ.

Tháng 6 năm 2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã khởi xướng điều tra lần tránh biện pháp PVTM (circumvention) đối với toàn bộ sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam. Sau nhiều lần gia hạn, DOC đã ban hành kết luận cuối cùng của vụ việc vào tháng 7 năm 2023. Theo kết luận này, sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc bị coi là lần tránh biện pháp PVTM đang áp dụng với gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc. Gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc sản xuất tại Việt Nam hoặc tại các nước khác thì không bị coi là lần tránh.

DOC cho phép các nhà xuất khẩu Việt Nam đủ điều kiện tham gia cơ chế tự xác nhận để được loại trừ khỏi biện pháp. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ được tham gia cơ chế tự xác nhận cần lưu ý không sử dụng ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc để làm nguyên liệu sản xuất lõi gỗ dán và lưu giữ hồ sơ, chứng từ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu một cách khoa học để chứng minh với cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ khi có yêu cầu kiểm tra xác minh.

Sau một thời gian giảm mạnh do ảnh hưởng của cuộc điều tra lần tránh biện pháp PVTM của DOC, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này đang có xu hướng tăng trở lại.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, như đã dự báo, DOC tiếp tục khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với mặt hàng xuất khẩu này của Việt Nam. Hiện vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra.



**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO**

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Cửa Nam, Hà Nội

Tel: (024) 73037898 - (024) 39393422

Fax: (024) 73037897

Website: [www.trav.gov.vn](http://www.trav.gov.vn)

Email: [TRAV@moit.gov.vn](mailto:TRAV@moit.gov.vn)